



BÁO CÁO 2

PHÂN TÍCH KHUNG CHÍNH SÁCH: NHỮNG ĐỀ XUẤT XÂY DỰNG CƠ CHẾ ƯU ĐÃI KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TU VÀO HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG TẠI VIỆT NAM

Mã hoạt động: INVEN-1 (PE1)

“KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG”

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2016

*Biên soạn: TS. David Luff
ThS. Nguyễn Hoàng Minh
ThS. Lại Văn Mạnh
ThS. Đặng Thị Phương Hà*

Tài liệu này được biên soạn với sự hỗ trợ tài chính của Ủy ban châu Âu. Quan điểm trình bày trong tài liệu này là của các tác giả, do vậy không phản ánh quan điểm chính thức của Ủy ban hay Bộ Công Thương.

MỤC LỤC

I. GIỚI THIỆU	5
II. NHỮNG CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC PHÍA TRƯỚC ĐỐI VỚI VIỆT NAM LIÊN QUAN ĐẾN KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ VÀO HHDVMT	8
II.1 Những cơ hội	8
II.2 Thách thức	10
III. XÂY DỰNG CƠ CHẾ KHUYẾN KHÍCH THU HÚT ĐẦU TƯ VÀO HHDVMT: KINH NGHIỆM CỦA CÁC NƯỚC THỨ BA	11
III.1. Trợ cấp.....	13
III.2. Mua sắm công.....	24
III.3. Yêu cầu về hàm lượng nội địa.....	36
III.4. Các vấn đề khác	45
III.5. Các công cụ có sẵn theo các quy tắc thương mại quốc tế có liên quan.....	51
TÀI LIỆU THAM KHẢO	68

TỪ VIẾT TẮT

AANZFTA	Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN-Australia-New Zealand
ACCSQ	Ủy ban Tư vấn ASEAN về tiêu chuẩn và Chất lượng
ACFTA	Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN – Trung Quốc
ACIA	Hiệp định Đầu tư Toàn diện ASEAN
ACNNR	Hiệp định về Bảo tồn Thiên nhiên và Tài nguyên Thiên nhiên ASEAN
AFAS	Hiệp định Khung về Thương mại và Dịch vụ ASEAN
AEC	Cộng đồng kinh tế ASEAN
AFTA	Khu vực Thương mại Tự do ASEAN
AIA	Khu vực Đầu tư ASEAN
AJCEP	Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện ASEAN-Nhật Bản
AKFTA	Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN-Hàn quốc
APEC	Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á-Thái Bình Dương
ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
ASCM	Hiệp định về Trợ cấp và biện pháp đối kháng
BIT	Hiệp ước đầu tư song phương
BNDES	Ngân hàng Phát triển quốc gia Brazil
BTA	Hiệp định Thương mại song phương
CCS	Thu và lưu trữ Carbon
CIT	Thuế thu nhập doanh nghiệp
CSP	Tập trung năng lượng mặt trời
DOE	Bộ Năng lượng Hoa Kỳ
EGS	Hàng hóa và dịch vụ môi trường

EVSL	Sáng kiến tự do hóa sớm tự nguyện theo ngành của APEC
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
Feed-in-tariff	Giá bán điện FIT (Chính sách khuyến khích giá điện năng lượng tái tạo)
GATT	Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại
GATS	Hiệp định chung về Thương mại Dịch vụ
GPA	Hiệp định Mua sắm Chính phủ
GSO	Tổng cục Thống kê
ICSID	Trung tâm Quốc tế giải quyết các tranh chấp đầu tư
ICTSD	Trung tâm Quốc tế về Thương mại và Phát triển bền vững
IPR	Quyền Sở hữu trí tuệ
IRS	Cơ quan Quản lý thu nhập trong nước của Hoa Kỳ (Cơ quan Thuế vụ Hoa Kỳ)
ISPONRE	Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường
LAEP	Hệ thống Quản lý Môi trường và mua sắm địa phương (EU)
LCR	Yêu cầu về hàm lượng nội địa
LGP	Chương trình bảo lãnh khoản vay
MFN	Đối xử tối huệ quốc
MOIT	Bộ Công Thương
MONRE	Bộ Tài nguyên và Môi trường
MOST	Bộ Khoa học và Công nghệ
MTC	Tín dụng thuế chế tạo
NGO	Tổ chức phi chính phủ

NTPC	Công ty Cổ phần Nhiệt điện quốc gia (Ấn Độ)
OECD	Tổ chức về Hợp tác và Phát triển Kinh tế
PPA	Thỏa thuận mua bán điện
PTC	Tín dụng Thuế sản xuất
PV	Quang điện
PVMI	Sáng kiến sản xuất quang điện
R & D	Nghiên cứu và Phát triển
RPS	Tiêu chuẩn danh mục đầu tư tái tạo (Hoa Kỳ)
SCM	Trợ cấp và các biện pháp đối kháng
TBT	Rào cản kỹ thuật trong thương mại
TRIMs	Các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại
US	Hoa Kỳ
UNCITRAL	Trung tâm Luật Thương mại quốc tế của Liên Hợp Quốc
USD	Đô la Mỹ
VAT	Thuế giá trị gia tăng
VEPF	Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam
VND	Đồng Việt Nam
WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới

I. GIỚI THIỆU

Nghiên cứu này là phần tiếp theo của nghiên cứu đầu tiên về "Theo dõi đầu tư vào hàng hóa và dịch vụ môi trường ở Việt Nam".

Nghiên cứu đầu tiên cung cấp phân tích cơ bản về các khoản đầu tư hiện tại ở Việt Nam và các chính sách hiện hành của Việt Nam đối với hàng hóa và dịch vụ môi trường (HHDVMT). Nghiên cứu cũng phân tích các khuôn khổ pháp lý quốc tế hiện hành, là căn cứ để có thể thực hiện các chính sách về HHDVMT.

Nghiên cứu đầu tiên đã đưa ra kết luận: nhu cầu [T1] về HHDVMT tại Việt Nam ngày càng tăng, đặc biệt là trong các lĩnh vực quản lý chất thải và xử lý nước. Điều này kéo theo sự gia tăng đầu tư vào các lĩnh vực này và mức lợi nhuận cao hơn. Tuy nhiên, mức độ đầu tư tổng thể trong các lĩnh vực HHDVMT ở Việt Nam, dù cách này hay cách khác, vẫn còn hạn chế cả về giá trị tuyệt đối và trong tương quan với các khoản đầu tư được thực hiện ở các nước khác. Do đó, chính sách của Việt Nam cần tăng cường đầu tư vào lĩnh vực này. Trong khi các khung chính sách về vấn đề này đã được xây dựng, chính sách này phải được cải thiện để có hiệu quả thu hút FDI nhiều hơn trong lĩnh vực HHDVMT. Điều này hàm ý phát triển các quy định cụ thể nhằm tạo ra động lực cho đầu tư vào HHDVMT.

Nghiên cứu đầu tiên cũng lưu ý các bên liên quan, Việt Nam cần xem xét một loạt các thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam tham gia ở tất cả các cấp độ khi định hình chính sách và biện pháp khuyến khích quốc gia để thúc đẩy HHDVMT. Điều này liên quan đến các thể chế quốc tế có tính ràng buộc như WTO và ASEAN, cũng như những tổ chức không có tính bắt buộc mà mang tính chất biểu trưng và có ý nghĩa chính trị quan trọng, như APEC. Rõ ràng, môi trường pháp lý quốc tế đặt nền tảng cho các chính sách Việt Nam có thể áp dụng trong các lĩnh vực liên quan. Về nguyên tắc, theo quy định của điều ước quốc tế, pháp luật và các chính sách trong nước khuyến khích sử dụng và đầu tư vào HHDVMT không thể tạo thành rào cản vô nghĩa đối với thương mại theo một cách nào đó trái với các mục tiêu và quyền được hưởng của các đối tác thương mại của Việt Nam theo những hiệp định này.

Trong khi nghiên cứu đầu tiên mô tả bối cảnh chung mà theo đó các chính sách thúc đẩy HHDVMT phải được thực hiện, nghiên cứu thứ hai này dành riêng cho các chính sách đó. Thứ nhất, nghiên cứu làm nổi bật các cơ hội và thách thức phía trước đối với Việt Nam liên quan đến việc thúc đẩy đầu tư vào HHDVMT. Tiếp theo, nghiên cứu mô tả những công cụ chính sách hiện có liên quan và cung cấp các khuyến nghị về các công cụ tối ưu Việt Nam có thể áp dụng trên nền tảng luật pháp quốc tế. Về khía cạnh này, nghiên cứu cũng mô tả những kinh nghiệm của các nước khác và rút ra bài học có liên quan. Mục tiêu chung của nghiên cứu thứ hai này nhằm cung cấp cho các bên liên quan của Việt Nam những thông tin thích hợp và hướng dẫn về các biện pháp Việt Nam có thể thực hiện để thúc đẩy việc sử dụng và đầu tư vào HHDVMT trong bối cảnh các thông lệ quốc tế hiện có.

Nghiên cứu này được cấu trúc thành ba phần riêng biệt.

- Phần đầu nêu ra một cách ngắn gọn những cơ hội và thách thức phía trước cho Việt Nam liên quan đến việc thúc đẩy đầu tư vào HHDVMT. Phần này chủ yếu dựa vào nghiên cứu tài liệu sẵn có và các nghiên cứu được thực hiện trong bối cảnh của nghiên cứu đầu tiên. Các cơ hội được đề cập đến là kết quả từ việc thi hành một chính sách chủ động khuyến khích sử dụng và đầu tư vào HHDVMT. Chúng bao gồm, trong số những cơ hội khác, khả năng tăng trưởng kinh tế, sự truyền bá của những công nghệ mới, việc bảo vệ các nguồn năng lượng mới và khả năng chống đối lại sự quá phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch. Các hiệu ứng khác có thể tích cực bao gồm giảm thiểu chung ô nhiễm và giảm lượng khí thải carbon. Đối với những thách thức do chính sách về HHDVMT, chúng liên quan rõ ràng đến những hạn chế của các khuôn khổ pháp lý quốc tế, những rủi ro mà quy định mới làm suy giảm năng lực cạnh tranh của ngành công nghiệp hoặc làm tăng giá tổng thể nhiên liệu cho ngành công nghiệp vượt quá mức chấp nhận được.
- Phần thứ hai của nghiên cứu này trình bày những kinh nghiệm của các nước thứ ba liên quan đến sự phát triển các cơ chế ưu đãi để thu hút đầu tư vào HHDVMT. Ba bộ chính sách được trình bày chi tiết hơn. Những chính sách này thường

tương ứng với chính sách mà các nước thứ ba theo đuổi. Các công cụ chính sách chủ yếu đề cập là 1. Trợ cấp, 2. Mua sắm công và 3. Yêu cầu về hàm lượng nội địa. Từng công cụ được giải thích rõ trong nghiên cứu và kinh nghiệm liên quan của từng công cụ được trình bày như sau:

1. Về trợ cấp: Nghiên cứu trình bày kinh nghiệm của Hoa Kỳ và Trung Quốc.
2. Về mua sắm công, nghiên cứu mô tả kinh nghiệm của Liên minh châu Âu, Vương quốc Anh trong EU, Trung Quốc, Hoa Kỳ và Nam Phi. Cuối cùng, liên quan đến các yêu cầu về hàm lượng nội địa, nghiên cứu trình bày những kinh nghiệm của Trung Quốc, Canada, Ấn Độ, Brazil và Nam Phi. Việc lựa chọn các nước dựa vào kết quả của nghiên cứu hiện có và các ấn phẩm và sự phù hợp về tổng thể của các nước này khi xem xét thực tế của Việt Nam như được trình bày trong nghiên cứu đầu tiên. Phần thứ hai của nghiên cứu này cũng sơ bộ nêu ra các công cụ chính sách khác có thể tác động tới HHDVMT đối với HHDVMT, chẳng hạn như việc sử dụng các mức thuế, biện pháp phòng vệ thương mại, tiêu chuẩn năng lượng sạch và chứng thực, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và thực thi hợp đồng và quyền sử dụng đất. Cuối cùng, phần thứ hai của nghiên cứu này sẽ thảo luận về những khó khăn mà khuôn khổ quốc tế trình bày trong nghiên cứu đầu tiên có thể tác động tới việc sử dụng các công cụ chính sách và các công cụ được mô tả.

- Dựa trên các phân tích được cung cấp trong phần đầu tiên và thứ hai, phần ba sẽ cung cấp các khuyến nghị cho các bên liên quan của Việt Nam về các công cụ chính sách và các quy định mà Việt Nam có thể xem xét áp dụng để thúc đẩy việc sử dụng và đầu tư vào HHDVMT, phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam giai đoạn 2011-2020.

Nhìn chung, nghiên cứu thứ hai này nhằm cung cấp cái nhìn tổng quan rõ ràng về những nghiên cứu quốc tế hiện hành liên quan đến việc khuyến khích ngành HHDVMT trong một quốc gia cụ thể. Tất nhiên, vì các nghiên cứu còn tiến triển và kinh nghiệm vẫn đang được tích lũy, nên vẫn cần thường xuyên cập nhật nghiên cứu sâu hơn.

II. NHỮNG CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC PHÍA TRƯỚC ĐỐI VỚI VIỆT NAM LIÊN QUAN ĐẾN KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ VÀO HHDVMT

II.1. Những cơ hội

Việt Nam hiểu rõ những cơ hội có thể có được từ việc tiến hành một chính sách chủ động khuyến khích sử dụng và đầu tư vào HHDVMT.

Thu hút đầu tư, đặc biệt là đầu tư nước ngoài, vào HHDVMT dự kiến sẽ mang lại lợi ích môi trường cho Việt Nam và giúp đất nước trong việc đạt được mục tiêu tăng trưởng xanh. HHDVMT cũng là một lĩnh vực có thể thúc đẩy phát triển kinh tế.

1) Lợi ích môi trường

Về lợi ích môi trường, tăng cường đầu tư vào HHDVMT góp phần tích cực để giảm thiểu ô nhiễm môi trường, giảm lượng khí thải carbon và đảm bảo sự sẵn có của các mặt hàng thiết yếu như nước sạch và không khí. Hơn nữa, thông qua tăng đầu tư vào HHDVMT tại lãnh thổ của mình, Việt Nam có thể tiếp thu công nghệ mới, trong đó sẽ tạo điều kiện bảo đảm các nguồn năng lượng mới và khả năng khắc phục việc quá phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch. Thu hút đầu tư mới vào HHDVMT cũng làm giảm bớt áp lực đối với Chính phủ Việt Nam liên quan đến chi tiêu công về bảo vệ môi trường. Như đã nêu trong nghiên cứu đầu tiên, phát triển một môi trường xanh và một chiến lược công nghiệp thúc đẩy các mục tiêu về môi trường là một phần của chiến lược quốc gia của Việt Nam, như đã nêu trong một số văn bản chính thức và các quy định, đặc biệt là chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn 2011-2020.

Một số quốc gia đã hiểu rất rõ và đang phát triển các chương trình lớn nhằm hướng tới mô hình tiêu thụ bền vững hơn và tăng cường sử dụng năng lượng tái tạo trong quá trình sản xuất công nghiệp. Ví dụ ở Trung Quốc, "*có mối quan ngại là các vấn đề môi trường sẽ cản trở phép lạ kinh tế của Trung Quốc*". Một phần ba lãnh thổ Trung Quốc bị mưa axit, một nửa lượng nước trong bảy con sông lớn nhất là hoàn toàn vô dụng, trong khi một phần tư dân số không được tiếp cận với nguồn nước sạch. Một phần ba dân số đô thị phải hít thở không khí ô nhiễm, và ít hơn 20 phần trăm hầm rác tại các thành phố

được xử lý và xử lý một cách bền vững với môi trường"¹. Do đó, Chính phủ Trung Quốc đã bắt tay vào một chương trình quy mô lớn để tài trợ cho các hoạt động môi trường và nhân rộng các quy định pháp lý về môi trường của Hoa Kỳ và châu Âu². Trung Quốc đã đầu tư đáng kể cho các sáng kiến sản xuất sạch thông qua các dự án hợp tác với một số nước châu Âu và các tổ chức quốc tế.

Với những lý do tương tự như Trung Quốc, Ấn Độ cũng quan ngại về suy thoái môi trường của mình. Quỹ Môi trường toàn cầu cho thấy "nhu cầu đối với *công nghệ kiểm soát ô nhiễm rất lớn và tăng trưởng 10 phần trăm đến 12 phần trăm mỗi năm*"³. Thái Lan, Hàn Quốc, Liên minh châu Âu, Hoa Kỳ đang phát triển tất cả các chính sách thúc đẩy việc sử dụng và đầu tư trong HHDVMT như là một phần của chính sách môi trường của họ.

2. Phát triển kinh tế

Ngoài các mục tiêu bảo vệ môi trường, nghiên cứu đầu tiên đã nêu bật những lợi ích kinh tế từ tăng đầu tư vào HHDVMT. Nhu cầu đối với HHDVMT đang tăng mạnh và dự kiến trong tương lai gần ngành này sẽ tăng trưởng đáng kể. Ví dụ, tại Brazil, phân khúc nước/nước thải của thị trường là ngành lớn nhất của thị trường môi trường Brazil ước tính tổng số hơn 2,1 tỷ USD năm 2005 và nó đã tăng lên nhanh chóng⁴. Tại Ấn Độ cũng vậy, "*ước tính toàn bộ thị trường HHVDVMT ở mức 10 tỷ USD, tăng trưởng dự kiến khoảng 10 phần trăm mỗi năm trong vài năm tới*"; "*Thị trường hàng hóa và dịch vụ quản lý chất thải rắn ở Ấn Độ trong khoảng từ 2 tỷ USD đến 3,5 tỷ USD*"⁵. Ở Trung Quốc, việc giải quyết các vấn đề xử lý và cung cấp nước cũng là một ưu tiên hàng đầu, giống như tại tất cả các nước công nghiệp hóa.

Rõ ràng, đáp ứng nhu cầu gia tăng của HHDVMT có thể thúc đẩy sự phát triển của một ngành công nghiệp, đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế. Điều này đòi hỏi những nỗ lực được thực hiện không chỉ để tăng đầu tư vào lĩnh vực này, mà còn nâng cao khả

¹ Xem Quỹ Môi trường toàn cầu, "Một Chiến lược Đầu tư vào thị trường mới nổi CN môi trường», năm 2013, http://globalenvironmentfund.com/wpcontent/uploads/2013/02/Emerging_Market_Environmental_Industires.pdf, Lấy ý kiến về ngày 03 tháng 12 năm 2014.

² Như trên.

³ Như trên.

⁴ Như trên.

⁵ Như trên.

năng cạnh tranh của HHDVMT sản xuất tại Việt Nam và cung cấp một môi trường thích hợp để khuyến khích, bảo vệ sự đổi mới và công nghệ mới. Hầu hết các nền kinh tế mới nổi đều hiểu điều này. Ở Việt Nam cũng vậy, Chính phủ nhận ra các cơ hội có thể được sinh ra từ tăng đầu tư vào HHDVMT, do đó đã xác định khuyến khích HHDVMT là một trong những giải pháp được nêu trong Chiến lược Tăng trưởng Xanh Quốc gia được thông qua vào tháng 9 năm 2012.

II.2. Thách thức

Những thách thức do các chính sách thúc đẩy việc sử dụng và đầu tư vào HHDVMT liên quan đến sự cần thiết phải tìm ra sự kết hợp thỏa đáng các mục tiêu đáp ứng đầy đủ những mối quan tâm về môi trường và phát triển kinh tế, đồng thời tuân thủ các hiệp định thương mại và đầu tư quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Việc tuân thủ các hiệp định này là điều kiện cơ bản của các quy định trong nước mà Việt Nam có thể ban hành. Những quy định đó không nên hạn chế quá mức quyền tiếp cận thị trường và các quyền liên quan đến đầu tư của các đối tác thương mại được qui định trong những hiệp định này.

Hơn nữa, trong khi rõ ràng tồn tại nhu cầu thúc đẩy tiếp cận thị trường và năng lực cạnh tranh của HHDVMT tại Việt Nam, điều quan trọng là phải đảm bảo rằng các công cụ chính sách mà Việt Nam có thể muốn sử dụng, trong thực tế không làm suy yếu toàn bộ khả năng cạnh tranh của những lĩnh vực phi môi trường khác. Trường hợp này sẽ xảy ra khi các công cụ chính sách tăng thêm gánh nặng pháp lý không cần thiết hoặc có thể dẫn đến sự gia tăng giá năng lượng có sẵn vượt quá mức chấp nhận được. Ví dụ, Ủy ban châu Âu đã xác định cụ thể ba kênh mà qua đó các chính sách môi trường tạo ra chi phí cho ngành công nghiệp châu Âu:

- "Bằng cách thay đổi sự sẵn có và giá cả của các yếu tố đầu vào, chẳng hạn như việc không có một số chất nguy hiểm hoặc giá năng lượng cao hơn;
- Bằng cách đặt những hạn chế và những gánh nặng thêm về quá trình sản xuất, chẳng hạn như giới hạn giá trị cho lượng khí thải hoặc các quy định quản lý rủi ro để giảm thiểu rủi ro về sức khỏe nghề nghiệp;
- Do ảnh hưởng đến tính khả dụng, hiệu suất và giá cả của các kết quả đầu ra, chẳng hạn như hiệu quả nhiên liệu của xe, tính năng thiết kế để tạo thuận lợi cho

quản lý chất thải tốt hơn, hoặc cấm hoặc đánh thuế một số sản phẩm có thể gây hại cho môi trường và sức khỏe con người"⁶.

Hai kênh đầu tiên được cho là ảnh hưởng chủ yếu đến các nhà sản xuất châu Âu, gây ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng cạnh tranh về chi phí của họ trên thị trường châu Âu và thị trường của các nước thứ ba nếu ngành công nghiệp ngoài EU không phải đối mặt với những trở ngại tương tự. Kênh thứ ba quy định nghĩa vụ như nhau cho các nhà sản xuất châu Âu và ngoài châu Âu trên thị trường châu Âu. Tuy nhiên nó có thể ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu suất các nhà sản xuất châu Âu trên thị trường các nước thứ ba⁷. Vì thế, phải nhận thức được những hậu quả này và đưa ra quyết định chính sách những mục tiêu nào cần ưu tiên.

Cuối cùng, điều quan trọng là hành động của Chính phủ không phải để tạo ra biến dạng thị trường không đáng có, làm giảm hiệu quả tổng thể của thị trường liên quan. Về vấn đề này, một số công cụ, chẳng hạn như các yêu cầu hàm lượng nội địa, có thể bị biến dạng nhiều hơn những quy định khác. Ví dụ, việc sử dụng các chính sách với mục tiêu nội địa hóa của Chính phủ Thái Lan trong lĩnh vực ô tô đã dẫn đến sự sụt giảm 77% về khối lượng và giá trị nhập khẩu hoặc các bộ phận và linh kiện trong mỗi chiếc xe lắp ráp trong nước, do đó không tránh khỏi những ảnh hưởng đến mức giá cuối cùng và có thể ảnh hưởng tới chất lượng của chiếc xe⁸.

Rõ ràng, những kinh nghiệm của các nước khác sẽ đưa ra những thông tin cung cấp hướng dẫn cụ thể về sử dụng công cụ nào để khuyến khích/thúc đẩy.

III. XÂY DỰNG CƠ CHẾ KHUYẾN KHÍCH THU HÚT ĐẦU TƯ VÀO HHDVMT: KINH NGHIỆM CỦA CÁC NƯỚC THỨ BA

Cơ chế hỗ trợ cho các nhà sản xuất, người tiêu dùng và các nhà cung cấp của HHDVMT mà các chính phủ thường áp dụng bao gồm trợ cấp, các khoản cho vay và bảo lãnh vay; ưu đãi thuế; chính sách giá bán điện Feed-in Tariff (Chính sách khuyến khích giá điện sản xuất từ nguồn năng lượng tái tạo), yêu cầu nội địa hóa; tiêu chuẩn năng lượng tái

⁶ Bảo vệ môi trường và tăng trưởng kinh tế: Đánh đổi hoặc Điều chỉnh cơ cấu thúc đẩy tăng trưởng, Ủy ban châu Âu, có sẵn tại: http://ec.europa.eu/economy_finance/publications/publication7726_en.pdf

⁷ Như trên.

⁸ Hội nghị đặc biệt của Nhóm chuyên gia về yêu cầu nội địa hoá và biện pháp hỗ trợ trong lĩnh vực Xanh, hiệu quả kinh tế và môi trường và tác động đối với thương mại, UNCTAD, tháng 6 năm 2013.

tạo; và hỗ trợ giá. Cơ chế hỗ trợ của Chính phủ như vậy rất quan trọng cho sự thành công trong khuyến khích/thúc đẩy HHDVMT ở bất cứ nước nào. Có 3 nguyên nhân chính dẫn đến điều này.

Thứ nhất, các lĩnh vực năng lượng nói chung thường gặp phải hai thất bại thị trường liên quan - sự thiếu quốc tế hóa những ảnh hưởng ngoại biên tiêu cực (ví dụ như phát thải khí nhà kính) gắn liền với việc sử dụng các nguồn năng lượng dựa trên nhiên liệu hóa thạch, và việc thiếu quốc tế hóa ảnh hưởng ngoại biên tích cực (ví dụ như không có hiệu ứng nhà kính khí thải) kết hợp với các nguồn năng lượng tái tạo sử dụng. Việc không tính vào giá những lợi ích của công nghệ năng lượng tái tạo cũng như chi phí thực sự của các loại nhiên liệu hóa thạch làm cho năng lượng từ các nguồn tái tạo tương đối đắt tiền và các nhiên liệu hóa thạch tương đối rẻ. Phân tích kinh tế chuẩn khuyến nghị cần đảm bảo sự can thiệp của Chính phủ bất cứ khi nào thị trường không cung cấp được hàng hóa công mong muốn hoặc để xử lý các ảnh hưởng ngoại biên khác nhau.

Thứ hai, ở cấp độ toàn cầu, trợ cấp cho các nguồn năng lượng nhiên liệu hóa thạch, ví dụ được ước tính là khoảng 550 tỷ USD hàng năm, các khoản trợ cấp cho năng lượng tái tạo được ước tính là 43 tỷ - 46 tỷ USD⁹. Sự khác biệt này làm trầm trọng thêm sự ảnh hưởng của thất bại thị trường và yêu cầu hỗ trợ tài chính nhiều hơn đối với HHDVMT để giảm bớt sự chênh lệch này¹⁰.

Cuối cùng, chi phí vốn ban đầu liên quan đến việc sản xuất hàng hóa môi trường và cung cấp các dịch vụ môi trường là khá cao và người tiêu dùng nói chung là không sẵn sàng trả một mức giá đủ cao để các nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp dịch vụ có thể hoàn lại được bất kỳ khoản đầu tư ban đầu được thực hiện trong một khoảng thời gian hoàn toàn khả thi (đặc biệt là khi mà nguồn năng lượng khác rẻ hơn, do đó có hại hơn cho môi trường, năng lượng thay thế vẫn còn có sẵn). Hậu quả là, do thiếu vắng sự can thiệp của Chính phủ, đầu tư vào HHDVMT rất hạn chế. Bằng cách cung cấp hỗ trợ tài chính cho những người sản xuất hàng hóa môi trường hoặc cung cấp các dịch vụ môi trường, do đó

⁹ Arunabha Ghosh; "quản lý trợ cấp năng lượng sạch: Vì sao minh bạch pháp lý và chính sách là cần thiết", ICTSD, tháng 11 năm 2011; có sẵn tại: <http://ictsd.org/i/news/bioresreview/117779/>

cho phép họ có thể bán sản phẩm của mình với giá thấp hơn, hoặc thay vào đó, hỗ trợ cho người mua công nghệ đó, Chính phủ có thể vượt qua rào cản chi phí và khuyến khích đầu tư nước ngoài vào HHDVMT, dẫn đến sự sử dụng HHDVMT một cách rộng rãi. Khi ngành công nghiệp năng lượng tái tạo phát triển, nó có thể giúp các nhà sản xuất và nhà cung cấp dịch vụ không cần đến sự hỗ trợ của Chính phủ và trở nên tự bền vững. Tuy nhiên, hiện nay, các ngành công nghiệp HHDVMT vẫn chưa đạt được sự trưởng thành ở các nước như Việt Nam và tiếp tục yêu cầu Chính phủ hỗ trợ để duy trì cạnh tranh.

Trong khi xác định những cơ chế nào nên được áp dụng, cần xem xét kinh nghiệm của các nước thứ ba trong việc sử dụng nhiều ưu đãi để thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài. Các cấu trúc hiện tại của hệ thống các biện pháp khuyến khích toàn cầu cần được phân tích để hiểu được các ưu đãi nào tạo ra hiệu ứng bóp méo thương mại trong các ngành công nghiệp HHVDMT, những ưu đãi nào bị cấm và làm cách nào để sử dụng những ưu đãi được phép.

III.1. Trợ cấp

Do thực tế công nghệ sản xuất gắn với các nguồn năng lượng tái tạo đang tạo ra rào cản chi phí cao, nhiều quốc gia đã đưa ra các cơ chế để trợ cấp cho các nhà sản xuất hoặc các nhà tiêu thụ mua năng lượng tái tạo hoặc các nhà cung cấp điện được tạo ra bởi các nguồn năng lượng tái tạo để tăng cường đầu tư bao gồm đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực này.

Nhà nước cung cấp hỗ trợ như trợ cấp để khuyến khích đầu tư vào công nghệ xanh bằng cách trợ cấp sản xuất hàng hóa hoặc dịch vụ môi trường (tức là các tấm pin mặt trời và các công nghệ phụ kiện), người tiêu dùng năng lượng tái tạo, hoặc các nhà cung cấp điện từ các nguồn năng lượng tái tạo (dưới bất kỳ dạng kết hợp nào).

Trợ cấp thường được định nghĩa như là một đóng góp tài chính do (hoặc thay mặt) một chính phủ hoặc cơ quan công ích mang lại lợi ích cho người nhận. Trợ cấp có thể bao gồm các khoản tài trợ, cho vay và bảo lãnh vay; ưu đãi thuế; tiêu chuẩn năng lượng tái tạo; và hỗ trợ giá. Trợ cấp có thể có nhiều hình thức và kết hợp.

1) Hoa Kỳ

Hoa Kỳ tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực năng lượng mặt trời.

Các thông tin sau đây về các biện pháp của Chính phủ Hoa Kỳ chủ yếu dựa vào tài liệu của Simmons Zachary Scott mang tên "Trợ cấp năng lượng mặt trời: Trường hợp đối với một HHDVMT là một phần của cơ chế trợ cấp toàn cầu"¹¹.

Hoa Kỳ hỗ trợ năng lượng mặt trời từ cuối thập niên 70. Năm 1978, Hoa Kỳ đã ban hành Luật Thuế Năng lượng. Luật thuế này đưa ra các khoản tín dụng thuế cho các nhà sản xuất trong nước đầu tư vào các tấm pin mặt trời. Trong khi đó, trên cơ sở đạo luật Chính sách Điều tiết Tiện ích, Chính phủ Hoa Kỳ đã yêu cầu các nhà cung cấp tiện ích mua điện từ các nguồn tái tạo. Đạo luật Chính sách Năng lượng 2005 bao hàm một khoản tín dụng thuế đầu tư 30% cho chủ sở hữu tài sản đã cài đặt hệ thống năng lượng mặt trời thương mại hoặc dân dụng. Trong năm 2009, đạo luật Phục hồi và Tái đầu tư Hoa Kỳ đã cung cấp 90 tỷ USD ưu đãi cho ngành công nghiệp năng lượng mặt trời.

Các ưu đãi thuế trung ương cung cấp các khoản tín dụng thuế đầu tư 30% cho các hệ thống năng lượng tái tạo cho nhà ở và kinh doanh thương mại vẫn được áp dụng (đến năm 2016). Điều này nhằm mục đích làm giảm nghĩa vụ thuế đối với cá nhân hoặc doanh nghiệp mua các công nghệ năng lượng mặt trời và cung cấp cho một khoản tín dụng thuế thu nhập liên bang bằng 30% giá trị của "tài sản năng lượng" đưa vào dịch vụ trong năm tính thuế¹². Các ưu đãi dành cho các thiết bị điện tử nhân và thiết bị của nhà đầu tư. Đó là một hỗ trợ lâu dài ổn định. Mục tiêu nhằm tăng cường đầu tư vào khu vực tư nhân trong sản xuất năng lượng mặt trời và xây dựng dự án năng lượng mặt trời.

Ưu đãi thuế thứ hai là một khoản tín dụng thuế sản xuất 30% (MTC) được kéo dài đến năm 2011. Các MTC được cấp cho các phương tiện sản xuất trong nước mới, mở rộng hoặc tái trang bị các cơ sở sản xuất trong nước hỗ trợ phát triển năng lượng sạch. Bộ Năng lượng Mỹ (DOE) và Cơ quan Quản lý Thu nhập Nội bộ (IRS) đã phân bổ MTC sau khi đánh giá tính khả thi thương mại của dự án, triển vọng tạo việc làm, đóng góp

¹¹ UCLA Tạp chí Luật Môi trường và chính sách; Số 32 (2); 2014.

¹² SEIA, vấn đề và chính sách; tín dụng thuế đầu tư năng lượng mặt trời (ITC), được công bố tại: <http://www.seia.org/policy/finance-tax/solar-investment->

cho việc giảm phát thải khí nhà kính, và các yếu tố khác. Các MTC đã được trao cho 183 dự án năng lượng tái tạo, với hơn 50 phương tiện năng lượng mặt trời được nhận ưu đãi. Khoản tín dụng thuế sản xuất (PTC), hết hiệu lực vào năm 2005 đã giảm thuế thu nhập liên bang cho các chủ sở hữu có năng lực của các dự án năng lượng tái tạo dựa trên sản lượng điện cho mỗi kilowatt-giờ (kWh) (và bán điện cho một bên thứ ba không liên quan).

Về các khoản tài trợ, cho vay và bảo lãnh vay, một trong những chương trình Hoa Kỳ cho phép các nhà phát triển năng lượng mặt trời và năng lượng tái tạo khác nhận tiền tài trợ của liên bang thay vì MTC được đề cập ở trên¹³. Chương trình này đã hết hạn vào tháng 9 năm 2011. Theo chương trình này, một chủ sở hữu của tài sản năng lượng mặt trời thương mại có thể nhận được một khoản tài trợ bằng 30 phần trăm chi phí của dự án. Chương trình cũng tài trợ cho hệ thống năng lượng mặt trời dân dụng với điều kiện được sở hữu bởi một nhà đầu tư thứ ba thông qua một thỏa thuận mua bán điện (PPA) hoặc cho thuê. Một chương trình quan trọng khác là Chương trình bảo lãnh vay (LGP) của Bộ Năng lượng được xây dựng bởi Đạo luật Chính sách Năng lượng năm 2005 nhằm hỗ trợ các dự án năng lượng tái tạo trong việc có được nguồn tài chính dài hạn bằng cách khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân đầu tư rủi ro thấp hơn. Các Bộ quản lý hai chương trình cho vay chính: thường trực và tạm thời. Chương trình thường trực, ban đầu được giới thiệu vào năm 2005, áp dụng cho các dự án tránh được giảm thiểu hoặc biệt lập được các chất ô nhiễm không khí và sử dụng "công nghệ mới hoặc được cải thiện đáng kể so với công nghệ thương mại". Chương trình tạm thời, hiện đã hết hiệu lực, hướng tới "triển khai nhanh chóng tái tạo năng lượng và các dự án truyền tải điện" và áp dụng cho các dự án sử dụng công nghệ thương mại. Chương trình tạm thời đã cung cấp 13,3 tỷ USD để bảo lãnh vốn vay cho các dự án năng lượng mặt trời. Trong đó 1,3 tỷ USD cấp cho các nhà sản xuất năng lượng mặt trời và 12 tỷ USD cấp cho các dự án phát điện mặt trời. Chương trình thường trực từ năm 2009 đến nay đã cấp hơn 11 tỷ USD bảo lãnh vốn vay thông qua 4 dự án chính.

¹³ Mục 1603 Chương trình Ngân khố.

Một số biện pháp hỗ trợ khác nhau của Chính phủ Mỹ có thể được xếp vào một nhóm chung "catch-all" bao gồm các loại biện pháp khác của Chính phủ như cấp đất hoặc hỗ trợ R & D (hỗ trợ nghiên cứu và phát triển). Một số trong các biện pháp đó là Sáng kiến SunShot của Bộ Năng lượng. Sáng kiến "nhằm mục đích làm giảm đáng kể tổng chi phí của hệ thống năng lượng mặt trời bằng 75 phần trăm vào năm 2020, đưa nó xuống một mục tiêu 1 USD cho mỗi watt"¹⁴. Chương trình bao gồm chủ yếu là kinh phí cho nghiên cứu và cho vay có chọn lọc đảm bảo cho các đề xuất công nghệ rủi ro cao, sinh lợi cao, cho phép chuyển đổi thực sự những phương pháp mà các dự án năng lượng mặt trời được tạo ra, lưu trữ, và sử dụng. Các dự án chủ yếu rơi vào ba loại:

- Các dự án công nghệ năng lượng mặt trời nghiên cứu nền tảng và phát triển công nghệ pin quang điện (PV) sáng tạo và công nghệ tập trung năng lượng mặt trời (CSP);
- Các dự án hòa mạng lưới điện; và
- Các dự án triển khai cho phép việc sử dụng năng lượng mặt trời bằng cách tinh giản cài đặt (giảm chi phí không thuộc phần cứng, tức là, chi phí "mềm")¹⁵.

Mục tiêu của Sáng kiến Sản xuất Quang điện (PVMI), một trong những chương trình dự kiến theo Sáng kiến SunShot nêu trên nhằm tăng cường đầu tư vào các dự án nghiên cứu sản xuất tập trung. Các khía cạnh thú vị của PVMI là việc hình thành các cơ sở phát triển sản xuất để giảm bớt thuyết minh, thử nghiệm, tối ưu hóa, và sản xuất các công nghệ mới với các yêu cầu về vốn giảm. Một giải thưởng PVMI 110 triệu USD đã được trao cho ba tập đoàn trong năm 2011 (Tập đoàn Bay Area PV, Tập đoàn Năng lượng mặt trời SVTC, và Tập đoàn Sản xuất quang điện Hoa Kỳ) để phát triển các kỹ thuật sản xuất tiên tiến làm giảm chi phí sản xuất các tấm quang điện (PV).

SUNPATH¹⁶ là một chương trình khác SunShot, đó là một sáng kiến sản xuất quang điện. Mục tiêu là để tăng sản xuất trong nước thông qua việc giúp các công ty nâng cấp năng lực sản xuất của họ khi đã đạt cấp độ sản xuất thương mại ở quy mô thí điểm.

¹⁴ Liên minh Kearny; "Công nghiệp năng lượng mặt trời của Trung Quốc và các trường hợp chống bán phá giá / chống trợ cấp thương mại của Hoa Kỳ"; Tháng 5 năm 2012; có sẵn tại: http://www.chinaglobaltrade.com/sites/default/files/china-global-trade-solar-manufacturing_may2012_0.pdf .

¹⁵ Sáng kiến SunShot; Bộ Năng lượng Hoa Kỳ; có sẵn tại: <http://www1.eere.energy.gov/solar/sunshot/about.html>

¹⁶ Mở rộng qui mô Quang điện hóa mới phát triển trong nước".

¹⁷ J. Cart; " Kế hoạch liên bang được thiết kế để tạo Các nhà máy năng lượng mặt trời lớn"; L.A. TIMES; 13 tháng 10 năm 2012 có sẵn tại: <http://www.latimes.com/news/local/la-me-1013-solar-zones-20121013,0,2819109.story>.

Sáng kiến SunShot này cũng cung cấp các chương trình khác nhau như: Chương trình Máy áp SunShot, Giải thưởng Nghiên cứu và Phát triển tập trung công nghệ năng lượng mặt trời (CSP) và Cuộc thi Mái nhà Năng lượng Mặt trời Hoa Kỳ có giá rẻ nhất.

Về những chương trình cấp đất, trong năm 2012 một kế hoạch đặc biệt đã được thông qua. Kế hoạch này cung cấp ưu đãi cho phát triển năng lượng mặt trời để triển khai các dự án trên 285.000 ha đất liên bang ở miền Tây Hoa Kỳ và cung cấp thêm 19 triệu mẫu Anh ở sa mạc Mojave để phát triển nhà máy điện năng lượng mặt trời¹⁷. Ưu đãi của kế hoạch bao gồm, bên cạnh những ưu đãi khác, rà soát về môi trường, giải quyết nhanh việc cấp phép, và những ưu đãi tài chính bổ sung.

Theo Simmons Zachary Scott, các biện pháp hỗ trợ của Chính phủ nói trên đã mang lại kết quả tích cực cho phát triển năng lượng mặt trời ở Hoa Kỳ. Không chỉ gia tăng nhu cầu về năng lượng mặt trời và sự tăng trưởng nhanh chóng các dự án năng lượng mặt trời ở quy mô tiện ích mà các biện pháp của Chính phủ cũng đã thành công trong việc thu hút đầu tư tư nhân vào các dự án năng lượng mặt trời. Trong khi trước Chương trình bảo lãnh vay (LGP) của Bộ Năng lượng, "*công nghệ năng lượng mặt trời đã rất xa lạ mà rất ít ngân hàng ủng hộ dự án*". Chương trình "*xoa dịu những lo lắng của nhà đầu tư và xây dựng được một cộng đồng lớn hơn của những người hiểu làm thế nào để kiếm tiền từ các giao dịch năng lượng mặt trời*".¹⁸ Có một dòng đầu tư tư nhân đặc biệt lớn trước năm 2011, với các nhà đầu tư như Berkshire Hathaway, Inc., MetLife, Inc., và John Hancock Life Insurance Co. rót hơn 500 triệu USD vào các dự án năng lượng tái tạo trong năm 2011.

Các biện pháp hỗ trợ của Chính phủ đã góp phần vào sự thành công của các công ty lắp đặt các tấm pin mặt trời dân dụng. Các doanh nghiệp lắp đặt tấm pin mặt trời lớn như SolarCity, Sunrun và Sungevity đang phát triển mạnh. Các công ty đang tận dụng ưu đãi của Chính phủ về thuế, lựa chọn tài chính sáng tạo (hợp đồng mua bán điện, cho thuê, v.v...) cho người tiêu dùng, và các chi phí thấp của tấm pin mặt trời. Các công ty lắp đặt

¹⁸ D. LEISTIKOW, "Beyond Solyndra: Các khoản cho vay của Bộ Năng lượng đang thúc đẩy Hoa Kỳ chuyển nhanh đến tương lai năng lượng sạch như thế nào"; Bộ Năng lượng Hoa Kỳ; Tháng 6 năm 2012; có sẵn tại: <http://energy.gov/articles/beyond-solyndra-how-energy-department-s-loans-are-accelerating-america-s-transition-clean>

cho khu dân cư cũng đã thành công trong việc thu hút các nhà đầu tư tư nhân, với Google, Morgan Stanley, Bank of America và Merrill Lynch, trong số những nhà đầu tư đó, có đầu tư vào các công ty này.

Các trường hợp nghiên cứu của Mỹ cho thấy việc cung cấp các ưu đãi tài chính đúng mục tiêu cũng có thể rất có lợi để thu hút đầu tư vào công nghệ sạch và HHDVMT.

2) Trung Quốc

Ngày 01 tháng 4 năm 2011, Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia và Bộ Thương mại Trung Quốc ban hành dự thảo sửa đổi Danh mục Hướng dẫn đầu tư nước ngoài trong công nghiệp¹⁹. Các sửa đổi bao gồm phương pháp tiếp cận "xanh hơn" nữa trong Kế hoạch 5 năm lần thứ 12 một cách toàn diện và về phần đầu tư nước ngoài được khuyến khích²⁰.

Danh mục trên phân loại đầu tư nước ngoài thành các mục "khuyến khích", "được phép", "hạn chế" và "cấm" đầu tư²¹. Các khoản đầu tư nước ngoài được khuyến khích là những khoản được giả định cấp phép tự động và có thể được hưởng lợi từ phương pháp đối xử ưu đãi về thuế. Danh mục khuyến khích đầu tư nước ngoài trong sản xuất cao cấp, công nghệ cao và mới, dịch vụ hiện đại, năng lượng mới, tiết kiệm năng lượng và các ngành công nghiệp thân thiện môi trường. Một số lĩnh vực khác có liên quan với môi trường như:

- Thiết bị sản xuất năng lượng tái tạo (kể cả vòng bi bộ tua-bin phát điện gió 1,5 MW trở lên, vòng bi tăng tốc độ, vòng bi máy phát điện, v.v... và truyền động bánh răng được sử dụng cho năng lượng gió, năng lượng hạt nhân hay đường sắt tốc độ cao);
- Sản xuất thành phần quan trọng của xe năng lượng mới, xây dựng trạm sạc ắc quy (bao gồm ắc quy năng lượng cao, vật liệu anode của ắc quy, tách ắc quy, hệ thống quản lý ắc quy, hệ thống quản lý động cơ, và tích hợp điều khiển điện tử của xe điện với giới hạn 50% cổ phần nước ngoài);
- Sản xuất dệt may năng lượng tiên tiến, hiệu quả giảm phát thải (có chứa một mô tả chi tiết hơn về năng lực tiết kiệm năng lượng và các dự án thân thiện môi trường hơn so với trước đây);

¹⁹J. Park, S. Zhao; "Chuyển Ưu tiên: Những ngành được khuyến khích đối với đầu tư nước ngoài và Kế hoạch 5 năm lần thứ 12"; Tóm lược Á châu, Tập XII; Số V; năm 2011.

²⁰ Sách hướng dẫn có sẵn tại: <http://english.mofcom.gov.cn/article/policyrelease/aaa/201203/20120308027837.shtml>

²¹Như trên

- Công nghệ phục hồi ô nhiễm thủy sản (kể cả ra nước ngoài làm sạch ô nhiễm dầu và công nghệ phục hồi sinh thái và phát triển sản phẩm có liên quan, công nghệ phòng chống và xử lý hiện tượng phú dưỡng của nước biển, công nghệ phòng chống và xử lý thảm họa tăng trưởng bùng nổ sinh vật biển và phục hồi môi trường sinh thái vùng ven biển);
- Tái chế (bao gồm cả tái chế chất thải xây dựng, nhựa phế thải, sản phẩm điện và điện tử, ô tô, thiết bị điện, cao su, kim loại, tái chế ắc quy, xây dựng và hoạt động nhà máy tái chế).

Hơn nữa, "thân thiện môi trường" đã được đưa vào một số mô tả dự án mà trước đây không thể tìm thấy như trong các lĩnh vực sản xuất các loại hóa chất và vật liệu chuyên dụng.

Danh mục khuyến khích đầu tư nước ngoài và cung cấp các ưu đãi về thuế trong các lĩnh vực đã được đưa vào danh mục sản phẩm trước đó như: sản xuất thiết bị, xây dựng trạm phát điện năng lượng sạch, tiến bộ công nghệ, và xử lý chất thải/ô nhiễm, hóa chất và sản phẩm hóa chất, cung cấp nước và tái chế.

Các dự án được phân loại "được phép" là những dự án không được liệt kê. Các dự án này sẽ được giả định tự động được phê duyệt nhưng chúng không được hưởng lợi từ bất kỳ phương pháp đối xử ưu đãi thuế đối với các khoản đầu tư được khuyến khích.

Các dự án được xác định là "hạn chế" thường phải chờ đợi một thời gian phê duyệt dài hơn vì chúng chịu sự xem xét kỹ lưỡng. Các dự án có liên quan thường được đặc trưng bởi sự tiêu hao nhiều năng lượng do đó gây ô nhiễm cao. Các dự án được mô tả là "bị cấm" thường không mở cửa cho các doanh nghiệp nước ngoài khi xem xét các vấn đề xã hội và lợi ích quốc gia của Trung Quốc.

Trung Quốc cung cấp một số ưu đãi thuế cho các khoản đầu tư liên quan đến môi trường. Ví dụ, doanh thu của các dự án bảo tồn năng lượng và bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường và các dự án cơ chế phát triển sạch được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm²². Cũng đủ điều kiện hưởng ưu đãi là những dự án liên quan đến đổi mới công nghệ về bảo tồn năng lượng và giảm phát thải, khai thác toàn diện và sử dụng khí mê-tan, xử lý nước thải công cộng, xử lý rác thải công cộng và ngọt hóa nước biển.

²² E. Ku, D. Shira và Associates; "Ưu đãi thuế được chọn trong lĩnh vực môi trường", Tóm lược Á châu, Tập XII; Số V; năm 2011.

Điều tương tự cũng áp dụng cho đầu tư và hoạt động của các dự án cơ sở hạ tầng có sự hỗ trợ lớn của Nhà nước như điện và dự án thủy lợi²³.

Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp cung cấp các ưu đãi khác về thuế đối với các khu vực khác của các ngành xanh như²⁴:

- Mua bán thiết bị bảo vệ và bảo tồn môi trường: khi một công ty mua bán và sử dụng bất kỳ thiết bị nào như vậy, 10% đầu tư vào các trang thiết bị chuyên dùng được trừ vào thuế phải nộp cho năm hiện hành. Trong trường hợp một khoản thuế là không đủ cho các tín dụng, số dư có thể được chuyển qua cho tín dụng trong 5 năm tính thuế tiếp theo;
- Sử dụng toàn diện các nguồn lực: khi một công ty sử dụng bất cứ nguyên vật liệu được liệt kê trong Danh mục các ưu đãi thuế thu nhập cho doanh nghiệp Tham gia vào Sử dụng Tài nguyên Toàn diện như nguyên liệu chính, thu nhập công ty có được gộp vào tổng thu nhập với mức giảm thuế 90%.

Một số công ty tham gia vào các lĩnh vực xanh được coi là doanh nghiệp công nghệ cao và công nghệ mới do đó có thể được giảm nghĩa vụ thuế TNDN. Hơn nữa, những doanh nghiệp trong số đó nằm trong các đặc khu (Thẩm Quyển, Chu Hải, Sán Đầu, Hạ Môn và Hải Nam) hoặc ở quận Phố Đông Thượng Hải và thành lập sau ngày 01 tháng 01 năm 2008 còn có thể được ưu đãi miễn thuế, có nghĩa là được 2 năm miễn thuế và 3 năm tiếp theo hưởng 12,5 phần trăm).

Để được coi là một doanh nghiệp công nghệ cao và công nghệ mới, một công ty phải đảm bảo một số điều kiện²⁵:

- Thu nhập năm hiện hành từ sản phẩm (dịch vụ) công nghệ cao và công nghệ mới) phải đạt ít nhất là 60 phần trăm tổng doanh thu của doanh nghiệp.
- Chi phí R & D trong 3 năm kế toán cuối cùng phải đạt được một tỷ lệ phần trăm nhất định của tổng doanh thu của doanh nghiệp.

²³ Như trên

²⁴ Như trên

²⁵ E. Ku, D. Shira và Associates; "Ưu đãi thuế được chọn trong lĩnh vực môi trường", Tóm lược Á châu, Tập XII; Số V; năm 2011.

Tổng doanh thu trong năm trước đó:	Chi phí R & D ít nhất là % của doanh thu
Dưới 50 triệu RMB (Nhân dân tệ)	6%
50 triệu RMB – 200 triệu RMB	4%
Trên 200 million RMB	3%

- Tối thiểu có 60 phần trăm chi phí R & D được phát sinh ở Trung Quốc.
- Công ty phải nắm được sở hữu quyền trí tuệ độc lập cho các công nghệ cốt lõi áp dụng cho sản phẩm (hoặc dịch vụ) chính của mình, được phát triển thông qua nghiên cứu và phát triển độc lập, hoặc được chuyển nhượng, cho, tặng, sáp nhập ngay trong 3 năm trước đó hoặc thông qua cấp phép độc quyền cho một khoảng thời gian 5 năm tối thiểu.
- Công ty phải tiến hành các hoạt động nghiên cứu và phát triển liên tục để tạo ra những khám phá tiên phong trong khoa học hay công nghệ (trừ khoa học xã hội và nhân văn), sử dụng sáng tạo các kiến thức khoa học và công nghệ mới, hoặc cơ bản hoàn thiện công nghệ hoặc sản phẩm (hay dịch vụ).

Trung Quốc cũng áp dụng miễn thuế hoặc giảm thuế GTGT. Chế độ khấu trừ thuế GTGT đã được áp dụng từ năm 2008 cho các công ty có sản phẩm hay dịch vụ là kết quả của "sử dụng tài nguyên toàn diện". Điều này có nghĩa rằng các quá trình sản xuất của họ là tiết kiệm năng lượng và sử dụng chất thải làm nguyên liệu đầu vào sản xuất²⁶. Điều này liên quan đến vật liệu xây dựng xanh, ô nhiễm điện và nhiệt kết hợp nước thải thu hồi, và những vật liệu khác.²⁷

Về lĩnh vực xây dựng xanh, miễn giảm thuế GTGT được áp dụng cho²⁸:

- Bán các sản phẩm tự sản xuất có chứa ít nhất 30 phần trăm chất thải công nghiệp tái chế như cặn than hoặc tro thải;
- Bán bê tông nhựa tái chế tự sản xuất được làm từ chất thải bê tông nhựa;

²⁶ Như trên

²⁷ Như trên

²⁸ Như trên

- Bán Vật liệu xây tường tự sản xuất mới thân thiện với môi trường .

Hơn nữa, các nhà nhập khẩu các thành phần tuabin gió và các nhà sản xuất thiết bị điện gió cũng đủ điều kiện hưởng ưu đãi thuế GTGT như được giảm ngay 50% thuế GTGT cho việc bán điện tự sản xuất từ năng lượng gió²⁹.

Hơn nữa, kể từ tháng 01 năm 2011, thu nhập của công ty dịch vụ tiết kiệm năng lượng đủ điều kiện tham gia các dự án quản lý năng lượng được tạm thời miễn thuế kinh doanh³⁰.

Trong số các ưu đãi thuế của Chính phủ dành cho ngành năng lượng mặt trời, Chính phủ áp dụng cái gọi là chương trình Mặt Trời Vàng trong đó bao gồm 50% đầu tư năng lượng mặt trời hòa mạng và 70% đầu tư điện ngoài lưới với điều kiện công suất tối thiểu phải đạt 300 KW, thời gian xây dựng tối đa là 1 năm và kế hoạch hoạt động hơn 20 năm³¹.

Người ta ước tính rằng Trung Quốc sẽ chi 1.540 tỷ USD cho các dự án năng lượng sạch trong vòng 12 năm tới³². Đầu tư Chính phủ thông qua nhiều kênh khác nhau như xe vận chuyển do Nhà nước đầu tư, các tổ chức tài chính của Nhà nước, chính sách tài chính và thuế. Ngoài ra, Tổng công ty Đầu tư Trung Quốc, một quỹ đầu tư tài sản vốn Nhà nước 300 tỷ USD, đang đầu tư đáng kể không chỉ trong các công ty năng lượng sạch Trung Quốc mà còn ở các nhà khai thác nước ngoài có các dự án ở Trung Quốc. Tương tự, Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo tồn đầu tư rất nhiều trong việc bảo tồn năng lượng, kiểm soát ô nhiễm và các dự án năng lượng tái tạo của khu vực tư nhân³³.

Người ta ước tính rằng việc đầu tư trong lĩnh vực xanh ở Trung Quốc sẽ chỉ tăng trong tương lai³⁴. Sáp nhập và mua lại các công ty nước ngoài trong các lĩnh vực năng lượng xanh đang mở rộng. Nhà đầu tư nước ngoài tham gia vào lĩnh vực năng lượng mặt trời bằng cách thiết lập cơ sở sản xuất tại Trung Quốc, bằng cách sáp nhập và mua các công

²⁹ Như trên

³⁰ Như trên

³¹ J. Shi, S. Zhao, C. Micheal, N. Dapprich, D. Shira và Associates; "Tổng quan về thị trường năng lượng tái tạo của Trung Quốc"; Tóm lược Á châu, Tập XII; Số V; năm 2011.

³² Như trên

³³ Như trên

³⁴ Như trên

ty Trung Quốc và nghiên cứu và phát triển. Ví dụ trong khía cạnh này là Quỹ Nhiên liệu Quốc gia sạch Hoa Kỳ đã mua Quỹ Năng lượng Mặt trời Quốc gia của Trung Quốc trong năm 2010, Đại học Quốc gia Úc và Quỹ Năng lượng Mặt trời Trina của Trung Quốc đã liên kết với nhau trong một chương trình Nghiên cứu và Phát triển 3 năm, Tập đoàn Centrosolar AG của Đức công bố lần đầu tiên sản xuất lớp phủ chống phản chiếu của họ ở Trung Quốc.

Ví dụ về Trung Quốc cho thấy một bộ chế định đầy đủ các khoản trợ cấp "xanh" có thể tác động có lợi về việc triển khai đầu tư nước ngoài trong các lĩnh vực "xanh" và chương trình khuyến khích hàng hóa và dịch vụ môi trường. Trung Quốc thường bị chỉ trích là một mô hình không khoan nhượng về tăng trưởng kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực của nó đối với môi trường nhưng động lực cho phát triển năng lượng sạch của họ là không thể phủ nhận. Cũng cần lưu ý rằng Trung Quốc đã có những đầu tư tư nhân lớn nhất về năng lượng sạch trên toàn thế giới trong năm 2010. Ưu đãi thuế ở cả cấp độ quốc gia và địa phương thường được nhắc đến như là phương pháp chủ yếu của Chính phủ cho phát triển năng lượng xanh. Ưu đãi thuế khác nhau và các trợ cấp khác trong lĩnh vực này đang tiếp tục tăng mạnh, khuyến khích sự tham gia của các nhà đầu tư nước ngoài, những người dường như không bỏ phí những cơ hội được mời chào.

3) Kết luận về trợ cấp

Kết quả nghiên cứu kinh nghiệm của Hoa Kỳ và Trung Quốc, cũng như rà soát các nghiên cứu sẵn có cho thấy các khoản trợ cấp có hiệu quả nhất là những khoản trợ cấp có mục tiêu rõ ràng và tập trung vào các hoạt động hơn là vào các ngành.

Bài học rút ra áp dụng cho trợ cấp (và chính sách môi trường nói chung), bao gồm các yếu tố sau:

- Những can thiệp vào chuỗi giá trị hạn chế sản xuất và xuất khẩu, cần được loại bỏ;
- Các biện pháp cần phải minh bạch tối đa;
- Cần công bố các mục tiêu theo đuổi, với tiêu chí rõ ràng về thành công và thất bại;
- Ưu đãi chỉ nên được cung cấp cho các hoạt động "mới";
- Tránh gây cản trở cho cạnh tranh;
- Các dự án nên xem xét cả các rủi ro tư nhân một cách thích đáng như các rủi ro công;

- Các cơ quan chính phủ điều hành chính sách nên có thẩm quyền, với sự giám sát chính trị rõ ràng và có trách nhiệm; và
- Dự án nên được bên ngoài đánh giá thường xuyên.

Cũng có ý kiến cho rằng, do khó có thể xác định và định lượng những thất bại thị trường (và do đó các chính sách giải quyết chúng), khu vực tư nhân và khu vực công cần hợp tác trong một "quy trình khám phá - nơi các doanh nghiệp và Chính phủ tìm hiểu về chi phí cơ bản và cơ hội, cùng tham gia hợp tác chiến lược". Quá trình liên tục này cần hỗ trợ việc bảo đảm trợ cấp được liên kết với nhu cầu thay đổi và được loại bỏ khi trở nên không cần thiết. Ngoài ra, để tránh hành vi cơ hội, biến dạng không cần thiết và chi tiêu quá mức, chỉ nên trợ cấp nếu chúng là cần thiết để tạo ra hiệu quả khuyến khích và chỉ cấp cho đến khi tồn tại rào cản biện chứng cho nó. Về mặt này, như một quy luật chung, các khoản trợ cấp chỉ nên là tạm thời và phải xem xét lại khi hết hạn (điều khoản sunset clause). Nói chung, sự biến dạng có thể được chấp nhận ở mức độ hỗ trợ của Chính phủ là cần thiết để bổ sung cho thị trường và chắc chắn rằng khoản trợ cấp hiệu quả về chi phí để đạt được mục tiêu mong muốn.

Tóm lại, khi quyết định cấp các khoản trợ cấp, điều quan trọng là thiết kế đúng các chương trình trợ cấp theo các mục tiêu sao cho tác động khuyến khích mong muốn được tối đa còn chi phí và biến dạng của khoản trợ cấp được giữ ở mức tối thiểu.

III.2. Mua sắm công

Mua sắm công là một công cụ chính sách có thể được sử dụng để tạo ra nhu cầu về hàng hóa và dịch vụ môi trường. Chính phủ có thể là một nhà tiêu dùng rất lớn của hàng hóa và dịch vụ và nó có thể thúc đẩy sức mua của mình để tạo ra hoặc mở rộng thị trường cho HHDVMT. Mua sắm khuyến khích HHDVMT có thể là "một động lực chính cho sự đổi mới, cung cấp cho ngành công nghiệp các ưu đãi thực sự cho việc phát triển các sản phẩm và dịch vụ xanh - đặc biệt là trong các lĩnh vực mà nhà mua sắm công đại diện cho thị phần lớn của thị trường"³⁵, chẳng hạn như giao thông công cộng, xây dựng. Chính phủ có thể đóng một vai trò quan trọng bằng cách đưa ra cho các nhà cải cách xanh một thị trường được đảm bảo cho sản phẩm của họ, do đó tạo ra nền kinh tế quy mô và chi phí thấp hơn. Như vậy, mua sắm công có thể giúp giảm mức độ hỗ trợ tài chính cần thiết cho các nhà đầu tư nước ngoài.

³⁵ Ủy ban châu Âu; "Mua xanh! Sách hướng dẫn về mua sắm công xanh"; xuất bản lần thứ 2; năm 2011; có sẵn tại: <http://ec.europa.eu/environment/gpp/pdf/handbook.pdf>

Tuy nhiên, chính sách mua sắm công cũng có thể phân biệt đối xử đối với các nhà cung cấp nước ngoài và thiên vị các nhà cung cấp trong nước một cách rõ ràng hoặc ngầm định³⁶. Hình thức bóp méo thương mại như vậy thường được cho là tiêu cực trong lĩnh vực thương mại quốc tế và các hiệp định quốc tế hiện hành (xem bên dưới).

Phần này cung cấp một cái nhìn tổng quan về kinh nghiệm mua sắm của các nước thứ ba và các công cụ cũng như ví dụ minh họa cụ thể của mua sắm HHDVMT.

1) Liên minh châu Âu

Mua sắm công ở Liên minh châu Âu được quy định bởi hai chỉ thị chính: Chỉ thị khu vực công³⁷ và các "Chỉ thị về dịch vụ công ích"³⁸. Chỉ thị đầu quy định quy trình trao các hợp đồng chính bởi các cơ quan công quyền. Chỉ thị sau xác định quy trình trao các hợp đồng lớn do các cơ quan hoạt động trong một số lĩnh vực như cấp nước, giao thông, năng lượng và dịch vụ bưu chính thực hiện.

Các chỉ thị dựa trên các nguyên tắc minh bạch, đối xử bình đẳng đối với các nhà thầu, giá tốt nhất cho tiền chi ra và tự do lưu thông hàng hóa và dịch vụ. Các văn kiện này cho phép áp dụng của nguyên tắc mua sắm bền vững nhưng không ép buộc các doanh nghiệp mua sắm châu Âu làm như vậy.

Các quy định liên quan đến việc mua sắm bền vững trong cả hai công cụ khá giống nhau. Cả hai chỉ thị, ví dụ, yêu cầu các hợp đồng lớn phải được quảng cáo thông qua công báo của EU, để công bố công khai các hợp đồng cho tất cả các bên liên quan và điều chỉnh các tiêu chí được sử dụng để tổ chức đấu thầu và giao hợp đồng. Một số diễn giải Chỉ thị 2004/18 minh họa cách tiếp cận của EU đối với mua sắm bền vững và cách thức mà vấn đề môi trường có thể được các nhà mua sắm châu Âu đưa vào xem xét³⁹.

³⁶ Xem A. Herve và D. Luff; "Chỉ dẫn Thương mại về Thực hành Mua sắm hàng hóa và dịch vụ năng lượng bền vững; ICTSD; Tháng 11 năm 2012.

³⁷ Chỉ thị 2004/18/EC.

³⁸ Chỉ thị 2004/17/EC.

³⁹ Xem cụ thể các Trích dẫn thứ 1, thứ 5, thứ 29, thứ 44, thứ 46 của Chỉ thị 2004/18 của EU. Điều tương tự cũng có thể được quan sát liên quan đến cái gọi là Chỉ thị về dịch vụ công ích 2004/117. Đối với một phân tích sâu hơn, xin xem S. Arrowsmith và những người khác, *Luật Mua sắm công EU: Giới thiệu*, (2010) Mạng lưới Liên thông Đại học Á - Âu cho giảng dạy và nghiên cứu trong Quy chế Mua sắm công; Năm 2010; có sẵn tại: <http://www.nottingham.ac.uk/pprg/documentsarchive/asialinkmaterials/eupublicprocurementlawintroduction.pdf>; Hơn nữa, một số phán quyết của Tòa án Tư pháp châu Âu xử lý các vấn đề về mua sắm bền vững. Xem ví dụ cho trường hợp C-448/01, *EVN AG và Wienstrom GmbH v. Austria* ("EVN") [2003] ECR I-14.527.

Tiếp theo những chỉ thị, Ủy ban châu Âu đã thông qua cách tiếp cận chủ động về mua sắm bền vững thông qua thông tin liên lạc thường xuyên và tài liệu làm việc của nhân viên. Gần đây Ủy ban đã cập nhật Cuốn sổ tay về mua sắm xanh, "Mua sắm xanh" cung cấp các hướng dẫn hữu ích cho các nhà mua sắm công, những người đưa các qui định về mua sắm bền vững vào các thủ tục đấu thầu của họ⁴⁰. HHDVMT có thể được khuyến khích thúc đẩy ở các giai đoạn khác nhau của quy trình mua sắm của châu Âu.

Trước hết, việc thúc đẩy HHDVMT có thể xảy ra ở giai đoạn chuẩn bị xin phê duyệt về thủ tục áp dụng. *Hình thức đấu thầu mở (đấu thầu rộng rãi)* cho phép nhà thầu bất kỳ nộp hồ sơ dự thầu, cung cấp sự lựa chọn tối đa các giải pháp thân thiện với môi trường nhưng không yêu cầu lựa chọn hồ sơ thầu chỉ dựa trên cơ sở những đánh giá về môi trường⁴¹. *Đấu thầu hạn chế*, là chỉ mời một số hẹp của các nhà thầu xuất trình hồ sơ dự thầu hoặc một Hình thức *đối thoại thương lượng và chào hàng cạnh tranh* (trong trường hợp mua sắm phức tạp) cho phép đánh giá các năng lực chuyên môn về môi trường của các nhà thầu ở giai đoạn đầu⁴².

Thứ hai, khi các thủ tục thích hợp được chọn, việc xác định những yêu cầu hợp đồng và đặc điểm kỹ thuật là một giai đoạn quan trọng để đưa ra các đánh giá về môi trường. Trong Liên minh châu Âu thông số kỹ thuật được biên soạn với tham chiếu theo các tiêu chuẩn châu Âu, quốc tế, hoặc quốc gia, cũng tương tự như vậy đối với hiệu suất hay chức năng hoặc về mức độ hiệu quả môi trường của một vật liệu, sản phẩm, cung ứng hay dịch vụ.

Việc sử dụng nhãn sinh thái của châu Âu trong hồ sơ mời thầu được khuyến khích⁴³. Nó có thể được sử dụng để dễ dàng đánh giá sự phù hợp với thông số kỹ thuật. Các nhãn sinh thái là tự nguyện và các hồ sơ thầu không bị bắt buộc đăng ký theo chúng.

Thứ ba, giai đoạn lựa chọn và trao thầu cho phép xem xét năng lực và kinh nghiệm nhà thầu liên quan đến các vấn đề môi trường. Khuôn khổ pháp lý của EU cung cấp cho một phạm vi lớn các tiêu chí trao thầu về môi trường.

⁴⁰Ủy ban châu Âu; "Mua sắm xanh! Sách hướng dẫn về mua sắm công xanh".

⁴¹Như trên

⁴²Như trên

⁴³Điều 23.6 Chỉ thị 2004/18

Về phương diện thực hiện các chính sách của mình, Ủy ban EU khuyến khích mạnh mẽ việc thiết lập các mạng lưới và trao đổi thực hành tốt ở cấp quốc gia và cấp địa phương, chẳng hạn như các ICLEI (Chính quyền địa phương vì phát triển bền vững), được dành riêng để giới thiệu các công cụ mới, cơ chế và công cụ quản lý đô thị để đảm bảo việc thực hiện, giám sát hiệu quả, và cải tiến liên tục các chính sách phát triển bền vững⁴⁴. Những sáng kiến khác bao gồm các Hệ thống Quản lý Môi trường địa phương và Mua sắm (LAEP), trong đó phát triển một bộ công cụ và hướng dẫn cho cơ quan công quyền xử lý việc mua sắm xanh như là một phần của Hệ thống Quản lý Môi trường⁴⁵. Một số nghiên cứu, tuy nhiên, không lạc quan về mua sắm bền vững của các tổ chức châu Âu và các nước thành viên. Các "Báo cáo Mua sắm công Xanh ở châu Âu năm 2006" do 4 tổ chức phi chính phủ hoàn thành với sự trợ giúp của Ủy ban châu Âu, đánh giá tình trạng mua sắm công xanh trong 25 nước thành viên EU lúc đó⁴⁶. Báo cáo xác định những rào cản chính đối với sự phát triển của mua sắm xanh như chi phí cao của các sản phẩm xanh, thiếu kiến thức về môi trường từ phía người mua, sự thiếu vắng hỗ trợ quản lý và chính trị, sự thiếu thông tin và đào tạo phù hợp của các nhà thầu. Các nghiên cứu khác được tiến hành trong các nước thành viên EU, như Thụy Điển, khẳng định kết luận này về các yếu tố hạn chế các nhà thầu thúc đẩy HHVDMT⁴⁷.

2) Trung Quốc⁴⁸

Việc tự do hóa mua sắm công của Trung Quốc bắt đầu vào đầu những năm 1980, sau đó, Trung Quốc đã thông qua hai luật chính về mua sắm công - Luật Đấu thầu năm 1999⁴⁹

⁴⁴<http://www.iclei-europe.org/index.php?id=procurement>

⁴⁵<http://www.leap-gpp-toolkit.org/>

⁴⁶Các dữ liệu cho nghiên cứu này đến từ hai nguồn. Một nguồn từ 865 câu trả lời cho 8.787 câu hỏi, và nguồn kia là từ một cuộc khảo sát của 1.000 hồ sơ mời thầu. Xem http://ec.europa.eu/environment/gpp/pdf/take_5.pdf.

⁴⁷L. Carlsson và F. Waara tiến hành một cuộc khảo sát ở Thụy Điển trước khi thực hiện Chi thị 2004/18 thông qua các cuộc phỏng vấn với 29 chuyên viên mua sắm tại 8 thành phố của Thụy Điển, 1 quận và 1 khu vực ở Thụy Điển. 3 loại hạn chế đối với việc tích hợp các vấn đề môi trường đã được xác định: *việc thiếu nguồn lực hành chính* (bao gồm cả kiến thức môi trường), *vấn đề pháp lý* (các nhà cung cấp tránh sử dụng các tiêu chí trao hợp đồng liên hệ với môi trường bởi vì nó có thể dẫn đến các cuộc phản đối đấu thầu từ các nhà thầu không thành công) và *ngân sách hẹp* (một số người mua xem xét hàng hoá và dịch vụ thân thiện với môi trường là quá đắt). Xem L. Carlsson và F. Waara; "Mối quan tâm về môi trường trong Mua sắm chính phủ địa phương Thụy Điển"; 2006; Trong: K.V. Thai và G. Piga (Ed.); "Xúc tiến Mua sắm công", PrAcademics Báo chí; Boca Raton; Hoa Kỳ; có sẵn tại: http://www.ippa.ws/IPPC2/BOOK/Chapter_11.pdf

⁴⁸Phần này hầu hết trích từ A. Herve và D. Luff; "Chi dẫn Thương mại về Thực hành Mua sắm hàng hóa và dịch vụ năng lượng bền vững; ICTSD; Tháng 11 năm 2012.

và Luật Mua sắm Chính phủ trong năm 2002⁵⁰. Các luật này đã được bổ sung bởi một loạt các biện pháp triển khai được thực hiện bởi các cơ quan chính phủ khác nhau⁵¹.

Mua sắm bền vững không phải là một khái niệm pháp lý trong luật pháp Trung Quốc. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, một số lượng lớn các bộ luật đã được ban hành để thực hiện các chính sách bền vững trong mua sắm công⁵². Điều 9 của Luật Mua sắm Chính phủ Trung Quốc tuyên bố rằng "mua sắm của Chính phủ phải được tiến hành một cách sao cho tạo thuận lợi cho việc đạt được các mục tiêu chính sách phát triển kinh tế và xã hội của nhà nước, *bao gồm nhưng không giới hạn bảo vệ môi trường [...]*" Và Luật Đấu thầu Trung Quốc, tuy thiếu các mục tiêu chính sách thứ cấp, mặc nhiên cho phép xem xét các chính sách phát triển bền vững ở các giai đoạn khác nhau của việc mua sắm (như quá trình xét tuyển nhà thầu, thông số kỹ thuật, và giai đoạn trao thầu)⁵³.

Luật Khuyến khích sản xuất sạch của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa năm 2002 chỉ ra rằng "chính quyền các cấp, trong việc mua sắm, *nên ưu tiên cho các sản phẩm thân thiện môi trường và bảo tồn tài nguyên.*" Luật này cũng nói rằng "*tất cả các cấp Chính phủ nên sử dụng tuyên truyền và giáo dục để khuyến khích người dân mua và sử dụng sản phẩm thân thiện môi trường và bảo tồn tài nguyên*"⁵⁴.

Một điều khoản pháp lý quan trọng thứ ba là Luật Kinh tế Thông tư của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Điều 47 trong đó quy định rằng các đơn vị, cá nhân mua hàng hóa bằng công quỹ nên ưu tiên các sản phẩm tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nước, tiết kiệm vật liệu, thân thiện môi trường và sản phẩm tái chế⁵⁵.

Các văn bản pháp luật này liên quan tới hai danh mục có tác động quan trọng tới việc sử dụng các sản phẩm bền vững và các nhãn hiệu xác định chính xác các sản phẩm nào nên được ưu tiên vì lý do môi trường:

⁴⁹ <http://www.lawinfochina.com/display.aspx?lib=law&id=1014>

⁵⁰ http://gov.cn/english/laws/2005-10/08/content_75023.htm
http://gov.cn/english/laws/2005-10/08/content_75023.htm

⁵¹ Xem C. Fuguo; "Chính sách mua sắm chính phủ của Trung Quốc và Khung thể chế: Lịch sử, cấu trúc và hoạt động" trong Khí V. Thai (ed.); "Sổ tay quốc tế của mua sắm công", CRC Press, Florida, năm 2009, trang 325-349.

⁵² C. Fuguo, Y. Yuying và Z. Fen; "Chương trình mua sắm công Xanh của Trung Quốc: Các vấn đề và thách thức trong thực hiện"; 2011; có sẵn tại: <http://www.ippc.org/IPPC4/Proceedings/07GreenProcurement/Paper7-6.pdf>.

⁵³ C. Fuguo; "Chính sách mua sắm chính phủ của Trung Quốc và Khung thể chế: Lịch sử, cấu trúc và hoạt động" trong Khí V. Thai (ed.); "Sổ tay quốc tế của mua sắm công", CRC Press, Florida, năm 2009, trang 325-349.

⁵⁴ http://english.mep.gov.cn/Policies_Regulations/laws/envir_elatedlaws/200710/t20071009_109966.htm

⁵⁵ Thông tư; Luật kinh tế của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa; Ủy ban Thường vụ Đại hội Đại biểu Nhân dân toàn quốc lần thứ 11 (NPC) của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa; 29 tháng 8 năm 2008; có sẵn tại: <http://www.chinaenvironmentallaw.com/wp-content/uploads/2008/09/circular-economy-law-cn-en-final.pdf>

- *Danh mục ghi nhãn mác* (do Bộ Bảo vệ Môi trường ban hành năm 2006) liệt kê các sản phẩm được cơ quan kiểm định thứ ba xác nhận chất lượng, chứng thực rằng chúng có hiệu quả năng lượng hoặc có chứa các vật liệu tái chế. Hệ thống nhãn hiệu xanh này là tự nguyện, và các nhà cung cấp được phép đưa ra các loại chứng cứ khác ngoài các nhãn để chứng thực rằng sản phẩm của họ là phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật và thông số kỹ thuật xanh của một hợp đồng mua sắm công. Danh mục này gồm có 21 chủng loại sản phẩm, trong đó có các xe tải nhẹ, máy photocopy, máy vi tính, các loại sơn nước, và đồ nội thất.
- *Danh mục sản phẩm tiết kiệm năng lượng* bao gồm cả *tiết kiệm năng lượng* và *các sản phẩm tiết kiệm nước*. Nó được ban hành bởi Cục Giám sát và Quản lý mua sắm Nhà nước thuộc Trung ương, hoặc ở cấp tỉnh phối hợp với cơ quan Sở của tỉnh⁵⁶. Danh mục bao gồm hơn 25 loại sản phẩm tiết kiệm năng lượng, chẳng hạn như: máy lạnh, tủ lạnh, máy nước nóng, máy vi tính, và 7 loại sản phẩm tiết kiệm nước, ví dụ như nhà vệ sinh, vòi sen, và vòi nước.

Quy định của Trung Quốc cũng yêu cầu Hội đồng Nhà nước và chính quyền các tỉnh ưu tiên cho các sản phẩm và trang thiết bị có chứng chỉ xác nhận bảo tồn năng lượng trong khi lập các danh mục này⁵⁷. Danh mục và hệ thống công nhận rất quan trọng đối với các nhà cung cấp, vì việc hội đủ điều kiện cho một hợp đồng mua sắm xanh hoàn toàn phụ thuộc vào các danh mục đó. Trong khía cạnh này, Luật pháp Trung Quốc năm 2008 về Bảo tồn Năng lượng yêu cầu *tất cả* các cơ quan nhà nước mua các sản phẩm và thiết bị thuộc danh mục tiết kiệm năng lượng⁵⁸. Hơn nữa, Nhà nước cấm mua sắm các sản phẩm và thiết bị tiêu tốn năng lượng đã bị Nhà nước loại bỏ rõ ràng. Một cơ quan Nhà nước sẽ bị xử phạt nếu không mua sản phẩm hoặc thiết bị bao gồm trong danh sách này khi xem xét mua sắm các sản phẩm và thiết bị tiết kiệm năng lượng⁵⁹. Tuy nhiên, có một số trở ngại ảnh hưởng đến việc khuyến khích HHDVMT ở Trung Quốc.

⁵⁶Xem Điều 51 Luật Bảo tồn Năng lượng Trung Quốc.

⁵⁷Xem cũng tài liệu trên, Điều 64

⁵⁸Xem Điều 51 Luật Bảo tồn Năng lượng Trung Quốc. “Khi một tổ chức công nào mua sản phẩm và thiết bị năng lượng tiêu thụ, họ sẽ mua những sản phẩm và thiết bị đã được đưa vào danh mục kho mua sắm chính phủ về sản phẩm và thiết bị tiết kiệm năng lượng”. Một bản dịch tiếng Anh của luật này có sẵn tại <http://faolex.fao.org/docs/texts/chn76322E.doc>

⁵⁹Xem cũng tài liệu trên Điều 81.

Trước hết, luật pháp Trung Quốc thiếu chính xác và quá chung chung. Ví dụ Phương pháp Mua sắm Nhà nước chỉ ra rằng các Chính phủ nên ưu tiên cho các sản phẩm công nghệ cao và thân thiện với môi trường nhưng lại không định nghĩa những sản phẩm này⁶⁰. Ngoài ra, các quy định của Trung Quốc về mua sắm công không bao gồm một cách rõ ràng lĩnh vực xây dựng và dịch vụ, hai lĩnh vực có tầm quan trọng đối với môi trường.

Thứ hai, các tổ chức liên quan đến mua sắm công thiếu sự thống nhất. Chưa có cơ quan cụ thể nào chịu trách nhiệm về mua sắm xanh. Các cơ quan khác nhau, thường là cạnh tranh nhau, ban hành các quy định "hoặc là cùng nhau, hoặc của riêng họ, gây chồng chéo chính sách, trùng lặp quản lý, và thậm chí cả mâu thuẫn giữa các cơ quan."⁶¹

Thứ ba, Trung Quốc vẫn còn thiếu một thị trường thực sự cho mua sắm bền vững. Đầu tư công nghệ trong lĩnh vực này thấp và có nhiều rào cản thương mại vẫn hạn chế tiếp cận thị trường Trung Quốc. Luật pháp Trung Quốc ưu tiên các sản phẩm và nhà cung cấp trong nước chắc chắn hạn chế lựa chọn của các cơ quan mua hàng hóa và dịch vụ bền vững⁶². Tính chất bắt buộc và độc quyền của *danh mục tiết kiệm năng lượng* phần nào minh chứng cho hiện tượng này.

Trở ngại thứ tư bao gồm các nguồn lực con người và tài chính yếu kém của các cơ quan công quyền. "Chính phủ không đào tạo nhân viên mua sắm xanh. Những người liên quan trong việc mua sắm xanh là từ bộ phận tài chính hoặc là nhân viên quản lý. Nhiều người trong số họ không có kinh nghiệm mua sắm và biết rất ít về phân tích thị trường, kiểm soát chi phí mua sắm, đánh giá nhà cung cấp và quản lý, quản lý hợp đồng mua sắm, đàm phán, hoặc thông tin liên lạc. Họ thậm chí còn ít hiểu biết và kiến thức về mua sắm Xanh ... Chính vì vậy họ có xu hướng sử dụng đánh giá chủ quan của họ trong việc quyết định giá thầu"⁶³. Cùng với việc không đủ vốn cho mua sắm công, nhà mua sắm

⁶⁰Xem cũng tài liệu trên.

⁶¹Do đó một số tác giả đề xuất việc tạo ra một "cơ quan mua sắm xanh" thống nhất Xem YA. Qiao và C. Wang, "Những vấn đề và thách thức trong thực hiện Chương trình mua sắm Xanh công của Trung Quốc", trang 1040.

⁶²GPL thực hiện một chính sách mua quốc gia tại Điều 10, trong đó quy định rằng "*Chính phủ thực hiện mua sắm hàng hóa, công trình và dịch vụ trong nước, trừ trường hợp: 1) Hàng hóa, các công trình, dịch vụ được mua sắm không có sẵn trong lãnh thổ của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa hay mặc dù có sẵn, không có thể được mua lại theo các điều khoản và điều kiện thương mại hợp lý. 2) Các mục được mua sắm là để sử dụng ở nước ngoài 3) Nếu không có nêu trong các luật và quy định hành chính*".

⁶³Xem Y. Qiao và C. Wang; "Những vấn đề và thách thức trong thực hiện Chương trình mua sắm công Xanh của Trung Quốc", trang 1041.

Trung Quốc đương nhiên có xu hướng chỉ giao thầu mua sắm duy nhất trên cơ sở cách "tiếp cận giá thấp nhất".

3) Hoa Kỳ⁶⁴

Hoa Kỳ gần đây đã phát triển một số sáng kiến để thúc đẩy mua sắm liên quan HHDVMT, nối tiếp truyền thống của các nhà chức trách Hoa Kỳ luôn sử dụng mua sắm công như một công cụ chính sách chiến lược phát triển⁶⁵.

Ở cấp độ liên bang, Tổng thống Obama đã ký Sắc lệnh năm 2009 nhằm thiết lập "một chiến lược tích hợp theo hướng bền vững trong Chính phủ Liên bang và coi giảm phát thải khí nhà kính là một ưu tiên đối với các cơ quan liên bang."⁶⁶ Sắc lệnh này quy định cơ quan liên bang phải ngay lập tức tăng hiệu quả năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính từ các hoạt động trực tiếp và gián tiếp, bảo tồn và bảo vệ nước, loại bỏ chất thải, tái chế và ngăn ngừa ô nhiễm, trong số các sáng kiến. Cuối cùng, để nhằm mục đích đó, các mục tiêu rất chi tiết và chính xác được giao cho các cơ quan. Ví dụ, mục 2h của sắc lệnh chỉ đạo thủ trưởng các cơ quan thúc đẩy mua sắm bền vững bằng cách đảm bảo rằng 95 phần trăm hợp đồng mới được mua thông qua các chương trình được chứng nhận và dán nhãn xanh.

Hơn nữa, một số sáng kiến đã được áp dụng ở cấp tiểu bang. Trong lĩnh vực cung cấp điện, ví dụ, 29 tiểu bang và Quận Columbia đã thực hiện cái gọi là tiêu chuẩn bắt buộc danh mục đầu tư tái tạo (RPS), tức là tiêu chuẩn khuyến khích sản xuất năng lượng từ các nguồn năng lượng tái tạo, trong đó có gió, mặt trời, sinh khối, và địa nhiệt⁶⁷. Mặc dù có sự khác biệt đáng kể về thiết kế giữa tiểu bang này với tiểu bang kia, chính sách RPS

⁶⁴Chương này phần lớn trích từ A. Herve và D. Luff, "*Chi dẫn Thương mại về Thực hành Mua sắm hàng hóa và dịch vụ năng lượng bền vững*"; ICTSD; Tháng 11 năm 2012.

⁶⁵ Có thể thấy rằng chính quyền Mỹ, đặc biệt là Bộ quốc phòng Mỹ, bên cạnh việc thúc đẩy SME đã đóng một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy R & D và đổi mới thông qua mua sắm công. Ví dụ, "trong những năm 60, khi các phương án công nghệ đã vượt xa các ứng dụng dân sự trong các doanh nghiệp bán dẫn, các lĩnh vực quốc phòng của Hoa Kỳ là đại diện duy nhất cho khách hàng ngành công nghiệp khu vực Hoa Kỳ. Với yêu cầu công nghệ cao cấp của mình, khu vực công đã tạo ra một nhu cầu mạnh mẽ cho sự đổi mới để đáp ứng các chi tiết kỹ thuật được áp đặt bởi các ứng dụng quân sự. Bộ Quốc phòng sẵn sàng chi trả gần như bất kỳ giá nào đối với các thiết bị nhỏ gọn, trọng lượng nhẹ, thiết bị điện tử cho các chương trình tên lửa của mình kích thích các ngành công nghiệp bán dẫn non trẻ." Xem L. Nyiri, D. Osimo, R. Özcivelek, C. Centeno và M. Cabrera; Ủy ban châu Âu; "*Mua sắm công đối với khuyến khích R & D và đổi mới trong công nghệ sạch quốc tế*"; 2007; có sẵn tại <http://ftp.jrc.es/EURdoc/eur22671en.pdf>.

⁶⁶Có sẵn tại: <http://www1.eere.energy.gov/femp/pdfs/eo13514.pdf>.

⁶⁷Xem E. Kreycik, T. D. Couture và K. S. Cory; "Phương án mua sắm đối với Cung cấp điện tái tạo mới"; NREL; Tháng 12 năm 2011, có sẵn tại: <http://www.nrel.gov/docs/fy12osti/52983.pdf>.

thường bao hàm nghĩa vụ đối với các công ty công ích hoặc các cơ quan phục vụ tải điện⁶⁸ mua một tỷ lệ nhất định năng lượng tái tạo vào thời gian cụ thể. Hầu hết các yêu cầu về tiêu chuẩn năng lượng tái tạo có thời hạn tới năm 2020 hoặc thậm chí lâu hơn.

4) Vương quốc Anh

Vương quốc Anh chính thức công nhận mua sắm bền vững phải là một thành phần quan trọng của chính sách mua sắm công. Anh sử dụng mua sắm công để thúc đẩy hàng hóa và dịch vụ môi trường cũng như sự đổi mới. Ví dụ, Vương quốc Anh đã sử dụng mua sắm công để xây dựng nhà máy điện thí điểm thu lại và lưu giữ cacbon (CCS)⁶⁹. Mục đích là để giúp các nhà đầu tư tư nhân khắc phục rủi ro kỹ thuật và thương mại và sự không chắc chắn trong việc phát triển và triển khai các công nghệ CCS. Hồ sơ dự thầu ban hành có tài trợ cho các nghiên cứu về công nghệ CCS và triển khai các địa điểm CCS thí điểm. Các tiêu chí xác định rõ ràng bao gồm một điều khoản yêu cầu các nhà máy thí điểm phải sử dụng công nghệ thu nạp hậu đốt và lưu trữ CO₂ được thu nạp trong các khu vực địa chất ngoài khơi. Công nghệ này có thể hấp thụ 90 phần trăm khí CO₂ để trang trải toàn bộ chu trình dự án (thu nạp, vận chuyển và lưu trữ) vào năm 2014, trong khi đạt được một công suất điện ít nhất 300 MW. Cuối cùng, dự án phải được xây dựng ở Anh.

Trong số các sáng kiến khác, Anh cũng đã quảng bá một chương trình "pin nhiên liệu hydrogen và quỹ công nghệ xử lý giảm carbon", một nguồn tài trợ để hỗ trợ cho một chương trình mới nhằm thúc đẩy thâm nhập thị trường của xe giảm khí carbon và giảm những rào cản đối với các công ty trong việc chuyển từ giai đoạn thử nghiệm công nghệ carbon thấp hơn sang thương mại hóa hoàn toàn. Chương trình cung cấp hỗ trợ tài chính cho mua sắm công một đội xe giảm khí carbon.

5) Nam Phi

⁶⁸Các đơn vị phục vụ Tải điện (LSEs) "cung cấp dịch vụ điện cho người dùng và khách hàng bán buôn. LSEs bao gồm các nhà bán lẻ cạnh tranh (CRS) bán lẻ điện tại thị trường cạnh tranh. Một nhà bán lẻ cạnh tranh có thể được (1) một nhà cung cấp điện bán lẻ, ký hợp đồng với các đơn vị cung cấp đủ điều kiện theo lịch trình, cung cấp dịch vụ theo lịch trình cho khách hàng phụ tải của họ, hoặc (2) một đơn vị công ích của chính quyền địa phương hay hợp tác xã lựa chọn tham gia để cung cấp cho khách hàng lựa chọn (gọi là đơn vị opt-in). LSEs cũng bao gồm các đơn vị không opt-in, đó là các hợp tác xã điện và các công y công ích của chính quyền địa phương không hoạt động như một nhà bán lẻ cạnh tranh và không có kế hoạch cung cấp lựa chọn cho khách hàng." www.ercot.com/services/rq/lse/

⁶⁹Bộ Cải cách Quy định & Doanh nghiệp Kinh doanh của Anh; "Môi cạnh tranh cung cấp công nghệ thử nghiệm thu hồi và lưu giữ Carbon Dioxide", Bản ghi nhớ Thông tin dự án; Trang 8; năm 2007.

Các ví dụ của Nam Phi được dựa trên khu vực cơ sở hạ tầng ngành năng lượng sạch. Trong lĩnh vực này, thực tế Nam Phi đánh giá cao kinh nghiệm lâu năm của nhà thầu về các công nghệ sạch⁷⁰. Các dự án cơ sở hạ tầng năng lượng sạch đòi hỏi công nghệ và các mối quan hệ hợp đồng phức tạp. Do đó, nhà thầu có kinh nghiệm hơn được coi là đem lại rủi ro thấp hơn về sự chậm trễ hoặc không tuân thủ và đề xuất giá đáng tin cậy hơn⁷¹. Chính phủ Nam Phi đã xây dựng tiêu chí đấu thầu của mình để tập trung vào công nghệ đã được sử dụng và đã được chứng minh, hoặc bằng cách yêu cầu có kinh nghiệm quá khứ trong việc quản lý các dự án tương tự trong nước hoặc ở nước ngoài.

Bảng dưới đây cho thấy các ví dụ về yêu cầu kỹ thuật đối với đấu thầu trong năng lượng sạch ở Nam Phi⁷²:

Ngành	Công suất tối thiểu (MW)	Công suất tối đa (MW)	Kinh nghiệm
Gió trên đất liền	1	140	Yêu cầu Nhà đầu tư đã có kinh nghiệm làm việc ở 2 dự án với phạm vi và thời gian có thể so sánh được (mặc dù điều này là không bị hạn chế đối với ngành năng lượng tái tạo).
Năng lượng mặt	1	75	Yêu cầu các loại biến tần đã được sử dụng trong hai dự án thương mại trong 24 tháng

⁷⁰Hướng dẫn Chính sách OECD đối với đầu tư cơ sở hạ tầng năng lượng sạch, Mở rộng tiếp cận nguồn năng lượng sạch cho phát triển tăng trưởng xanh, một báo cáo của OECD cho G20, với sự đóng góp của Ngân hàng Thế giới và UNDP, tháng 10 năm 2013.

⁷¹Như trên

⁷²Goldie-Scot, L. L. Goldie-Scot; "Nam Phi quyết định cho đấu thầu bắt buộc năng lượng Gió và Quang điện"; Ghi chú Nghiên cứu Năng lượng sạch, Bloomberg New Energy Finance (BNEF); 2011; và Hướng dẫn Chính sách OECD đối với đầu tư cơ sở hạ tầng năng lượng sạch, Mở rộng tiếp cận nguồn năng lượng sạch cho phát triển tăng trưởng xanh, một báo cáo của OECD cho G20, với sự đóng góp của Ngân hàng Thế giới và UNDP, tháng 10 năm 2013.

Ngành	Công suất tối thiểu (MW)	Công suất tối đa (MW)	Kinh nghiệm
trời và Quang điện			với 95% khả năng kỹ thuật sẵn có./ Các loại module đã được sử dụng trong hai dự án thương mại trong 12 tháng liên tiếp với 95% khả năng kỹ thuật sẵn có.
STEG	1	100	Yêu cầu Hệ thống tập trung năng lượng mặt trời, thu nhiệt, truyền chất lỏng nhiệt và hệ thống xử lý, hệ thống phát điện, hệ thống làm mát và hệ thống lưu trữ nhiệt (có thể ứng dụng i) đã được sử dụng trong 2 dự án thương mại ít nhất 24 tháng hoặc 36 tháng cho một dự án thử nghiệm.
Sinh khối	1	10	Yêu cầu Hệ thống xử lý nhiên liệu, chuyển đổi nhiên liệu và công nghệ động lực chính đã và đang hoạt động với khả năng kỹ thuật có sẵn 75% trong 12 tháng liên tiếp.
Khí sinh học	1	10	Yêu cầu khái niệm tiêu hóa yếm khí được đề xuất đã được sử dụng trong ít nhất 24 tháng và hoạt động với quy mô tương tự như đối với dự án. Công nghệ động lực chính đã được sử dụng ít nhất là 12 tháng với 80% khả năng kỹ thuật sẵn có.
Khí bãi rác	1	10	Yêu cầu công nghệ động lực chính phải đã được sử dụng trong ít nhất 12 tháng với 80% khả năng kỹ thuật sẵn có. Tăng áp

Ngành	Công suất tối thiểu (MW)	Công suất tối đa (MW)	Kinh nghiệm
			gas và thiết bị ngọn lửa đã được sử dụng trong ít nhất 12 tháng trong 2 dự án khí bãi rác thương mại khác nhau và đã được chứng minh phù hợp với yêu cầu của Nam Phi đối với an toàn và hiệu quả môi trường.
Thủy điện nhỏ	1	10	Yêu cầu nhà sản xuất tua-bin và máy phát điện đề xuất đã áp dụng thiết bị tương tự trong 2 dự án thủy điện khác nhau ở quy mô lớn hơn 1 MW và hoạt động trong khoảng thời gian ít nhất là 24 tháng.

6) Kết luận về Mua sắm công

Những kinh nghiệm của các nước khác về mua sắm xanh, hoặc mua sắm ưu tiên sử dụng HHDVMT cung cấp một số bài học:

- Mua sắm công là một công cụ rất phù hợp để thúc đẩy HHDVMT và các nước thường cố gắng sử dụng nó.
- Ưu tiên sử dụng HHDVMT có thể được tổ chức ở tất cả các giai đoạn của quá trình mua sắm công, từ việc lựa chọn các thủ tục phù hợp, xác định các yêu cầu kỹ thuật và tiêu chí lựa chọn.
- Thực hiện tiêu chí "giá trị tốt nhất đối với vốn bỏ ra", đối nghịch với tiêu chí "giá thấp nhất" cho phép tích hợp các lợi ích cho môi trường vào giá trị của hợp đồng.
- Phải đủ nguồn nhân lực và tài lực của các cơ quan công quyền.
- Chia sẻ thông tin giữa các cơ quan mua sắm và tính nhạy cảm của thông tin đối với các mục tiêu môi trường vẫn rất quan trọng.
- Các yêu cầu đấu thầu phải được xác định với độ chính xác.

- Hợp tác Công-tư trong việc phát triển bền vững và đặc biệt trong việc mua sắm HHDVMT là điều cần thiết. Hợp tác tích cực của khu vực tư nhân, các chuyên gia, và các điều kiện công khai, đó là thành công của chính sách mua sắm công trong HHDVMT.
- Sự phát triển của HHDVMT đòi hỏi một động lực chính trị mạnh mẽ ở mức cao nhất và các mạng lưới hợp tác rộng lớn được thành lập ở cấp quốc gia và địa phương.
- Các quốc gia không nên phản đối và hạn chế khả năng sáng tạo (và cắt giảm chi phí liên quan) mà nhà thầu có thể mang lại. Về vấn đề này, trong khi tiêu chí đấu thầu công nghệ hay kinh nghiệm cụ thể có thể cho phép các chính phủ đánh giá tốt những công việc đã thực hiện trước đó của nhà thầu và sự phù hợp của chính hồ sơ dự thầu, những điều kiện như vậy có thể hạn chế xâm nhập thị trường và cản trở cạnh tranh và đổi mới. Tìm ra sự cân bằng đúng lúc là điều cần thiết.

III.3. Yêu cầu về hàm lượng nội địa

Yêu cầu về hàm lượng nội địa (LCRs) được định nghĩa là các biện pháp chính sách yêu cầu các nhà đầu tư nước ngoài hoặc nhà đầu tư trong nước dành tỷ lệ nhất định để tìm nguồn hàng hóa trung gian từ nhà sản xuất hoặc các nhà sản xuất địa phương⁷³. Công cụ này có thể được sử dụng để thu hút các nhà đầu tư vào nguồn năng lượng tái tạo, hoặc HHDVMT được sản xuất trong nước. Điều này cũng có thể khuyến khích đầu tư vào sản xuất nội địa HHDVMT.

LCRs có thể được ngụ ý ngầm và rõ ràng. LCRs rõ ràng (ví dụ như số lượng, hoặc chất lượng) được quy định trong pháp luật quốc gia hoặc quy định của ngành yêu cầu tỷ lệ tối thiểu của hàm lượng nội địa (hàng hóa hoặc dịch vụ có nguồn gốc tại địa phương). Một hệ thống ít rõ ràng coi LCRs như là một trong những tiêu chí trong khuôn khổ của một cơ chế "cân nhắc". Ví dụ, LCR có thể được ngụ ý yêu cầu bởi một tuyên bố của một quan chức chính phủ liên quan đến phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu cụ thể.⁷⁴

⁷³ICTSD; "Yêu cầu về hàm lượng nội địa và Công nghiệp Năng lượng tái tạo - Một kết hợp tốt?"; Jan-Christophe Kuntze và Tom Moerenhout, tháng 5 năm 2013.

⁷⁴UNCTAD, trường hợp đặc biệt - Hội nghị Nhóm chuyên gia về yêu cầu hàm lượng nội địa và các biện pháp hỗ trợ trong lĩnh vực Xanh; "Hiệu quả kinh tế và môi trường và Chỉ dẫn thương mại", yêu cầu nội địa hóa và Kinh tế xanh, ngày 13-14 tháng 6 năm 2013.

Những người bảo vệ cho LCRs cho rằng 1) Chúng nâng cao lợi ích kinh tế (ví dụ như tăng việc làm thuần, tạo ra ngành công nghiệp trong nước, và bảo vệ các ngành công nghiệp mới ra đời, cơ sở tăng thuế cho chính phủ) và 2) tạo ra các lợi ích môi trường trung hạn (bao trùm hiệu quả các lợi ích nêu trên, dẫn đến kết quả là chi phí công nghệ xanh thấp hơn, triển khai tăng, tăng cường chuyên giao công nghệ và tri thức)⁷⁵.

Những người phản đối sử dụng LCRs đưa ra một thực tế rằng LCRs kéo theo sự phân bổ không hiệu quả các nguồn lực, tác động tiêu cực về thương mại tự do, và lạm phát giá cả. Hơn nữa, chúng sẽ không thực sự giúp tạo thêm việc làm của công nghệ xanh.

LCRs có thể có tác động đáng kể về đầu tư và thương mại. Trong trường hợp yêu cầu hàm lượng nội địa cao (ví dụ như trên 20-30%) và kết hợp với cơ chế thực thi có hiệu quả ở các cấp ngành và sản phẩm, việc sử dụng LCRs của Chính phủ có thể ảnh hưởng đáng kể đến đầu tư và cơ cấu nguồn nguyên liệu của nước sở tại. Điều này có thể được minh họa bằng việc sử dụng LCRs tại Thái Lan trong ngành ô tô dẫn đến giảm 77% giá trị nhập khẩu linh kiện trong mỗi chiếc xe lắp ráp trong nước. Một ví dụ khác là LCR của Nam Phi khiến chotỷ lệ hàng nhập khẩu gần như giảm một phần tư⁷⁶.

Để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài, LCRs thường được kết hợp với các sáng kiến khác như vốn vay giá rẻ, Giá bán điện FIT và cơ chế tài chính và các nguồn tài trợ khác. Các ví dụ dưới đây cung cấp một cái nhìn tổng quan về thực hiện LCRs của các nước thứ ba.

1) Trung Quốc

Trung Quốc đã trở thành một đầu thủ toàn cầu trong ngành công nghiệp gió. Lý do cho sự thành công này có thể được tìm thấy trong sự phát triển thành công của ngành công nghiệp điện gió trong nước và một sự pha trộn có hiệu quả các khuyến khích tài chính [Tài trợ phát triển sạch và yêu cầu hàm lượng nội địa (LCRs)]⁷⁷. LCRs đã được áp dụng ở Trung Quốc trong khuôn khổ các chính sách khuyến khích năng lượng gió khác nhau.

⁷⁵ICTSD; "Yêu cầu về hàm lượng nội địa và Công nghiệp Năng lượng tái tạo - Một kết hợp tốt?"; Jan-Christophe Kuntze và Tom Moerenhout, tháng 5 năm 2013.

⁷⁶UNCTAD, trường hợp đặc biệt - Hội nghị Nhóm chuyên gia về yêu cầu hàm lượng nội địa và các biện pháp hỗ trợ trong lĩnh vực Xanh; "Hiệu quả kinh tế và môi trường và Chi dẫn thương mại", yêu cầu nội địa hóa và Kinh tế xanh, ngày 13-14 tháng 6 năm 2013.

⁷⁷Cũng tài liệu trên.

Giữa năm 2003 và 2009 là giai đoạn quyết định đối với sự thành công của Trung Quốc, hai loại dự án đã được phát huy: Trên toàn quốc, các dự án trên 100 MW được phê duyệt quy định điểm đấu thầu cao cho các đề xuất bao hàm LCRs, và các dự án trang trại năng lượng gió được Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia phê duyệt, trong đó Yêu cầu về hàm lượng nội địa (LCRs) là một yêu cầu chính thức⁷⁸.

Quy mô và sự ổn định của thị trường ảnh hưởng đến hiệu quả của LCRs⁷⁹. Thành công của Trung Quốc xác nhận lý thuyết này. Theo Lewis và Wisser, LCRs có tác dụng nếu chúng được giới thiệu dần dần trong một thị trường ổn định với đầy đủ tiềm năng⁸⁰. Một quy mô thị trường đầy đủ đưa ra nhu cầu ổn định mà nếu thiếu nó các nhà đầu tư có thể không muốn tham gia thị trường, do chi phí cao hơn có liên quan đến LCRs⁸¹.

Trung Quốc là một đất nước có một nguồn năng lượng gió trong nước rất lớn, đồng thời là một thị trường trong nước rộng lớn và đang phát triển cho ngành điện. Điều này đã cho phép Trung Quốc được hưởng lợi từ nền kinh tế quy mô sản xuất các tua-bin gió và từ nhu cầu ổn định đối với tua bin gió trong thị trường nội địa của mình⁸².

Các nhà nghiên cứu đồng ý rằng để LCRs thành công, tỷ lệ LCRs ban đầu không thể quá cao và nó nên được thực hiện dần dần⁸³. Theo F. Veloso tỷ lệ thích hợp phụ thuộc vào khối lượng sản xuất và chi phí cơ hội của vốn. Đến một mức độ nhất định, chi phí của LCRs có thể được bù đắp bằng các giá trị nó mang lại cho nền kinh tế trong nước (ví dụ như sản xuất bổ sung trong nước). Trong trường hợp đó, các LCRs tạo ra lợi ích ròng. Lợi ích ròng đạt mức tối đa trong một tỷ lệ phần trăm nhất định⁸⁴.

Các yêu cầu về LCRs của Trung Quốc là khá chặt chẽ (50% năm 2003, 70% vào năm 2004). Tăng như vậy trong một thời gian ngắn là không tối ưu. Nó không cho phép "học qua hành" mà giả định rằng các nhà sản xuất có thể giảm chi phí công suất lắp đặt bằng

⁷⁸Cũng tài liệu trên.

⁷⁹J. Lewis và R. Wisser; "*Thúc đẩy ngành công nghệ năng lượng tái tạo*" năm 2005.

⁸⁰Cũng như trên.

⁸¹ICTSD; "*Yêu cầu Nội địa hóa và Công nghiệp Năng lượng tái tạo - Một kết hợp tốt?*"; Jan-Christophe Kuntze và Tom Moerenhout, tháng 5 năm 2013.

⁸²ICTSD; "*Yêu cầu Nội địa hóa và Công nghiệp Năng lượng tái tạo - Một kết hợp tốt?*"; Jan-Christophe Kuntze và Tom Moerenhout, tháng 5 năm 2013.

⁸³J. Lewis và R. Wisser; "*Thúc đẩy ngành công nghệ năng lượng tái tạo*" năm 2005.

⁸⁴ICTSD; "*Yêu cầu Nội địa hóa và Công nghiệp Năng lượng tái tạo - Một kết hợp tốt?*"; Jan-Christophe Kuntze và Tom Moerenhout, tháng 5 năm 2013.

hiệu quả học từ kinh nghiệm của họ⁸⁵. Tuy nhiên, trước chương trình năm 2003 đã có các chương trình khác như "Chương trình Năng lượng Gió" vào năm 1997, bao gồm yêu cầu 20% LCRs.

Trong các chương trình của Trung Quốc, các yêu cầu về LCRs được kết hợp với hỗ trợ tài chính để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài và trong nước. Trong năm 1997 "Chương trình Năng lượng Gió", Chính phủ đã hỗ trợ từ các quỹ kinh phí công nghệ của mình. Đối với các chương trình bắt đầu vào năm 2003, Chính phủ cung cấp giá điện có lợi với điều kiện đáp ứng LCRs.

Việc tài trợ Nghiên cứu & Phát triển (R & D) (lên đến 45 triệu đồng Nhân dân tệ cho mỗi tua-bin 1,5 MW) cũng có sẵn. Tuy nhiên, các công ty hưởng lợi phải là doanh nghiệp nhà nước hoặc doanh nghiệp mà Trung Quốc kiểm soát phần lớn và đã phát triển tài sản trí tuệ được bảo vệ bởi một bằng sáng chế Trung Quốc⁸⁶. Trung Quốc, tuy nhiên, đã phải từ bỏ dự luật này sau khi tham vấn với Hoa Kỳ và WTO⁸⁷.

Các chương trình LCRs đã được bãi bỏ ở Trung Quốc trong năm 2009 và cơ chế Giá bán điện FIT đã được thực hiện thay cho LCRs. Một cơ chế Giá bán điện FIT là một hệ thống cung cấp các hợp đồng dài hạn để sản xuất năng lượng tái tạo, thường dựa trên chi phí sản xuất của mỗi công nghệ. Căn cứ các hợp đồng này, năng lượng sản xuất được mua với mức giá trên mức giá thị trường bình thường.

Việc sử dụng LCRs kết hợp với gia tăng triển khai các tua-bin gió đã dẫn đến sự gia tăng của mức sản xuất trong nước ở Trung Quốc. Thật vậy, trước năm 2000 các công ty Trung Quốc chỉ nắm giữ có 10% thị phần trong nước. Kể từ đó, công nghiệp sản xuất thiết bị tua-bin gió Trung Quốc bùng nổ và vẫn đang phát triển⁸⁸. Trong số 10 nhà sản xuất quan trọng nhất thì có 6 nhà sản xuất là Trung Quốc. 5 trong số những doanh nghiệp lớn nhất có mức tăng trưởng hơn 113%⁸⁹. Phần lớn các công ty nước ngoài thuộc sở hữu tư nhân đã rút khỏi thị trường Trung Quốc trong năm 2009 hoặc thậm chí

⁸⁵Như trên

⁸⁶Như trên

⁸⁷Như trên

⁸⁸ICTSD; "Yêu cầu Nội địa hóa và Công nghiệp Năng lượng tái tạo - Một kết hợp tốt?"; Jan-Christophe Kuntze và Tom Moerenhout, tháng 5 năm 2013.

⁸⁹Như trên

trước đó do LCRs cao⁹⁰. Sự bùng nổ của Trung Quốc trong các ngành công nghiệp năng lượng gió bắt đầu vào năm 2003 đã tạo ra khoảng 200.000 việc làm⁹¹.

LCRs cũng góp phần vào việc chuyển giao bí quyết liên quan đến công nghệ năng lượng gió cho phép các công ty trong nước khởi sự sản xuất nhanh chóng⁹².

Tuy nhiên, lập luận cho rằng LCRs tăng cường các sáng kiến xanh ở Trung Quốc bằng cách nào đó sẽ là quá sớm. Đổi mới năng lượng gió cần tuân theo các tiêu chuẩn toàn cầu đối với phát triển chất lượng và công nghệ. Nếu các nhà sản xuất Trung Quốc không tuân theo những tiêu chuẩn chất lượng, lập luận rằng LCRs đóng góp vào việc tạo ra các đối thủ cạnh tranh sáng tạo và toàn cầu là không có giá trị⁹³.

2) Canada

Ontario, một tỉnh của Canada, đã sử dụng LCRs liên quan đến năng lượng tái tạo, kể từ năm 2009. LCRs của Ontario được kết hợp với Giá bán điện FIT (FIT). Điều này có nghĩa rằng nếu các yêu cầu hàm lượng nội địa không được đáp ứng, các công ty không đủ điều kiện để được hưởng mức giá bán điện FIT cao hơn. Các yêu cầu về hàm lượng nội địa đối với các dự án năng lượng gió (dưới 10 kW) lên đến 25% giữa năm 2009 và 2011 và lên 50% vào năm 2012. Trong lĩnh vực các dự án năng lượng mặt trời (dưới 10 kW) yêu cầu LCR bao gồm 50% trong năm 2009 và 2010 và tăng lên 60% trong năm 2011 và năm 2012⁹⁴. Đối với các dự án năng lượng tái tạo khác (trên 10 kW) các yêu cầu về hàm lượng nội địa được thiết lập ở mức 40% trong năm 2009 và 2010 và 60% vào năm 2011 và 2012.

Các chuyên gia đồng ý rằng còn quá sớm để đánh giá chính xác tác động của LCRs của tỉnh Ontario. Tuy nhiên thị trường vẫn thu hút các nhà sản xuất năng lượng tái tạo. Tại thời điểm này chưa xác định được thị phần chính xác của các công ty nước ngoài. Một số công ty nước ngoài⁹⁵ đang hoạt động đã phản đối mạnh mẽ LCRs nhưng họ vẫn tham gia và đồng ý đáp ứng các yêu cầu⁹⁶.

⁹⁰L. Junfeng, S. Pengfei và G. Hu; Trung Quốc Hiệp Hội Công nghiệp tái tạo năng lượng; Hội đồng Năng lượng gió toàn cầu; Hòa Bình Xanh; " *Viễn cảnh Năng lượng gió Trung Quốc* "; năm 2010

⁹¹ICTSD; " *Yêu cầu Nội địa hóa và Công nghiệp Năng lượng tái tạo - Một kết hợp tốt?* "; Jan-Christophe Kuntze và Tom Moerenhout, tháng 5 năm 2013.

⁹²Như trên

⁹³Như trên

⁹⁴Như trên

⁹⁵Vestas và General Electric.

⁹⁶C Revista Eolica y del Vehiculo Electrico; " *Xử lý dấu hiệu Vestas để đáp ứng yêu cầu nội địa hóa của Ontario đối với trang trại gió* "; Ngày 9 tháng 01 năm 2012; có sẵn tại: <http://www.evwind.es/2012/01/09/vestas-signs-deal-to-meet-ontarios-local-content-requirements-for-wind-farm/15711>

Tỉnh Quebec áp dụng LCRs từ năm 2003. Mục tiêu là để tạo ra một chuỗi cung ứng nội địa cũng như các cơ hội kinh tế mới ở các vùng kinh tế khó khăn⁹⁷. Bảng dưới đây cho thấy mức độ yêu cầu về hàm lượng nội địa theo hồ sơ dự thầu.

	Đấu thầu đầu tiên (2003) yêu cầu
Đối với 200 MW đầu tiên	40% hàm lượng nội địa
Đối với 100 MW tiếp theo	40% hàm lượng nội địa
Đối với 700 MW còn lại	60% hàm lượng nội địa
	Đấu thầu lần thứ 2 và 3 (2005) yêu cầu
Tổng cộng 2 GW	60% hàm lượng nội địa khu vực với ít nhất 50% có nguồn gốc từ khu vực Gaspésie.

Người ta có thể quan sát thấy rằng bất chấp các chỉ trích về LCRs, không có đấu thủ quan trọng rút lui khỏi thị trường của Quebec. Thậm chí một số công ty như GE, Enercon, Repower, đã mở cơ sở sản xuất của họ⁹⁸.

3) Ấn Độ

Cho đến năm 2009 Ấn Độ vẫn yêu cầu vốn sở hữu trong nước chiếm 51% cổ phần đối với các ngành công nghiệp lớn trong lĩnh vực năng lượng tái tạo. Đây không phải là LCRs chính thức, nhưng mục tiêu của nó là để tăng cường chuyển giao công nghệ và bắt buộc các công ty nước ngoài sử dụng các linh kiện và lao động trong nước. Năm 2009 Ấn Độ đã chấp nhận 100% vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong lĩnh vực năng lượng tái tạo.

Vì Ấn Độ có một thị trường tiềm năng và lực lượng lớn lao động, nó vẫn hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài. Năm 2010, một chương trình năng lượng tái tạo đầy tham vọng đã được đưa ra trong đó yêu cầu trong giai đoạn đầu tiên của chương trình sử dụng các linh kiện được sản xuất tại Ấn Độ cho việc sử dụng công nghệ silicon tinh thể. Ở vòng thứ hai tất cả các dự án PV silicon đủ điều kiện được yêu cầu phải sử dụng pin và các

⁹⁷ICTSD; "Yêu cầu Nội địa hóa và Công nghiệp Năng lượng tái tạo - Một kết hợp tốt?"; Jan-Christophe Kuntze và Tom Moerenhout, tháng 5 năm 2013.

⁹⁸Như trên

mô-đun được sản xuất tại Ấn Độ. Chương trình tiếp tục yêu cầu 30% giá trị các dự án năng lượng mặt trời và nhiệt phải có nguồn gốc ở Ấn Độ. Một số công ty nước ngoài khác nhau đã nộp đơn khiếu nại với chính phủ của họ chống lại chương trình này. Hoa Kỳ đã chính thức bày tỏ quan ngại của mình về chương trình LCRs với Chính phủ Ấn Độ và cảnh báo rằng các biện pháp có thể vi phạm các quy định của WTO. Mỹ đã tham chiếu tới Hiệp định GATT và Hiệp định TRIMs. Ấn Độ tuyên bố rằng các biện pháp có liên quan đến việc mua sắm của Chính phủ vì nhà sản xuất điện công - Tổng công ty Nhiệt điện (NTPC) mua tất cả các năng lượng mặt trời được tạo ra⁹⁹. Ấn Độ đang chuẩn bị các ý kiến biện hộ trong một vụ tranh chấp WTO có thể sẽ xảy ra¹⁰⁰. Người ta cũng đặt câu hỏi về hiệu quả của các biện pháp của Ấn Độ về lợi ích kinh tế và việc làm dự kiến¹⁰¹.

4) Brazil

Brazil sử dụng LCRs trong ngành công nghiệp gió của mình cho mục đích nâng cao năng lực sản xuất tua-bin 1,5 MW hoặc lớn hơn. Để được hưởng lợi từ các khoản vay ưu đãi từ Ngân hàng phát triển quốc gia của Brazil (BNDES) phải tuân thủ LCRs. Các khoản vay này là đáng kể vì lãi suất của chúng có thể chỉ bằng một nửa mức lãi suất tốt nhất mà các ngân hàng thương mại cho vay¹⁰². Điều này thu hút các công ty nước ngoài như Gamesa, General Electric, Kenersys và Sinovel. Sinovel là một nhà sản xuất Trung Quốc công bố sẽ mở một nhà máy địa phương ở Brazil.

Các LCRs có liên quan đến các thành phần trọng lượng của các linh kiện khác nhau. Nói cách khác, nó đòi hỏi một trọng lượng tối thiểu của sản phẩm cuối cùng là có nguồn gốc nội địa. Điều này có nghĩa là trong thực tế các tháp tuabin gió phải được sản xuất tại

⁹⁹ICTSD; "*Yêu cầu Nội địa hóa và Công nghiệp Năng lượng tái tạo - Một kết hợp tốt?*"; Jan-Christophe Kuntze và Tom Moerenhout, tháng 5 năm 2013.

¹⁰⁰Xem A.Sen; Thời báo Kinh tế, "*Ấn Độ bảo vệ chính sách mua của địa phương phi vụ năng lượng mặt trời Mỹ, EU phản đối*", 03 tháng 02 năm 2012; có sẵn tại: http://articles.economictimes.indiatimes.com/2012-02-03/news/31021273_1_solar-mission-trade-related-investment-measures-solar-energy

¹⁰¹ICTSD; "*Yêu cầu Nội địa hóa và Công nghiệp Năng lượng tái tạo - Một kết hợp tốt?*"; Jan-Christophe Kuntze và Tom Moerenhout, tháng 5 năm 2013.

¹⁰²ICTSD; "*Yêu cầu Nội địa hóa và Công nghiệp Năng lượng tái tạo - Một kết hợp tốt?*"; Jan-Christophe Kuntze và Tom Moerenhout, tháng 5 năm 2013. Lý do chủ yếu là sự gia tăng ngoài dự kiến việc triển khai màng mỏng. Trong thực tế, người ta ước tính rằng 50% các lô hàng đầu tiên (140 MW) sẽ là màng mỏng là rất lớn nếu so với vị trí của màng mỏng trong các thị trường năng lượng mặt trời toàn cầu và các khoản còn khoảng 14%¹⁰². Có hai lý do có thể đưa ra cho điều này. Đầu tiên, việc miễn các công nghệ màng mỏng từ miễn Yêu cầu về hàm lượng nội địa (LCRs) ngược lại với tế bào quang điện và các module cho phép nhập khẩu rẻ hơn các màng mỏng để đạt được lợi thế cạnh tranh. Thứ hai, việc tiếp cận với nguồn tài chính quốc tế cho dự án mà LCR không áp dụng như những đối tượng liên quan đến màng mỏng là dễ dàng hơn đối với các nhà phát triển dự án năng lượng mặt trời.

Brazil. Tuy nhiên, thép Brazil đắt hơn khoảng 70% so với hàng nhập khẩu. Do đó, LCRs đưa tới kết quả là gia tăng chi phí tuabin. Không phải tất cả các công ty đã lựa chọn tuân thủ LCRs. Các nhà đầu tư đã quy cho LCRs của Brazil những khó khăn của họ trong việc phát triển thị trường năng lượng gió ở Brazil.

Các trường hợp của Brazil đã làm nổi bật những chi phí liên quan tới LCRs. Brazil có một thị trường tiềm năng về năng lượng gió lớn. Những yêu cầu hàm lượng nội địa (LCRs) là khá nghiêm ngặt ngay từ đầu. Trong khi chúng không làm nản lòng các nhà đầu tư nước ngoài tham gia thị trường và chuyển giao công nghệ ngay từ ban đầu, LCRs kiềm chế sự đổi mới công nghệ. Thật vậy, LCRs có liên quan đến trọng lượng của sản phẩm cuối cùng, làm cho chúng trong thực tế liên quan đến thép. Điều này rõ ràng không khuyến khích đổi mới. Các khoản vay lý thú của Ngân hàng Phát triển quốc gia của Brazil (BNDES) đưa ra khuyến khích tốt cho thời điểm này nhưng giá thép cao hiện nay làm các nhà đầu tư nước ngoài nản lòng và ảnh hưởng đến việc triển khai đầy đủ tiềm năng năng lượng gió của Brazil.

5) Nam Phi

Chính phủ Nam Phi đã tiến hành thủ tục đấu thầu cho các dự án năng lượng tái tạo vào năm 2011 và năm 2012. Thủ tục bao gồm LCRs trong cả hai vòng. Các LCRs ban đầu được thiết lập ở mức 35% nhưng kế hoạch này đã tăng yêu cầu hàm lượng nội địa trong tương lai đến 75%. Không có hạn thời gian được quy định.

Trước khi diễn ra vòng đầu tiên, LCRs được xác định theo một cái gọi là "Thỏa thuận kinh tế xanh". Chính phủ nhấn mạnh về sự cần thiết để đạt được sự hợp tác theo chiều dọc giữa các doanh nghiệp và các nhóm cộng đồng lao động, vốn ủng hộ thỏa thuận này. Để không chuyển gánh nặng cho người tiêu dùng cuối cùng, Chính phủ đã lập kế hoạch để giới thiệu kinh phí bổ sung cho các nhà sản xuất năng lượng. Cơ quan Hợp tác Phát triển công nghiệp dự kiến cung cấp vốn cho nền kinh tế xanh khoảng 3 tỷ USD trong 5 năm. Hơn nữa, các Sáng kiến năng lượng tái tạo của Nam Phi, được hỗ trợ bởi các nước đối tác châu Âu, tạo lập các khoản vay chi phí thấp¹⁰³.

¹⁰³Cũng tài liệu trên.

Sau vòng đấu thầu đầu tiên, các nhà sản xuất trong nước ước tính rằng mức LCRs 35% là quá thấp và họ không chào thầu. Người ta ước tính rằng khoảng 400 việc làm bị mất và một số doanh nghiệp đóng cửa. Do đó, áp lực gắn kết để tăng LCRs lên khoảng 50-65%. Chính phủ Nam Phi tăng LCRs ở vòng đấu thầu thứ hai và thông báo tăng hơn nữa trong tương lai¹⁰⁴.

Điều này cho thấy các chính phủ phải đối mặt với sự tiến thoái lưỡng nan. Một mặt, các ngành công nghiệp địa phương đòi hỏi phải có LCRs cao hơn để tận dụng các lợi ích kinh tế và việc làm. Mặt khác, các chính phủ phải thu hút các công ty nước ngoài đầu tư vào hàng hóa và dịch vụ môi trường và chuyển giao công nghệ và kiến thức. Các chính phủ cũng phải xem xét nguy cơ ngắn hạn leo thang giá điện, hậu quả của LCRs cao¹⁰⁵.

6) Kết luận về LCRs

LCRs rõ ràng phản ánh một chính sách bảo hộ. Trong khi yêu cầu về hàm lượng nội địa có thể thu hút trong một khoảng thời gian, đầu tư trong nước và nội địa hóa sản xuất tại nước chấp nhận chúng, yêu cầu về hàm lượng nội địa cũng thường kéo theo tăng giá, buộc phải bù đắp bằng các khoản trợ cấp. Các chính sách này có thể ảnh hưởng tiêu cực đến cả người tiêu dùng và ngân sách nhà nước.

Hiệu quả của LCRs phụ thuộc rất nhiều vào quy mô thị trường và việc tăng dần dần tỷ lệ một cách thích hợp. LCRs sẽ dẫn đến sự tăng giá và ít đầu tư tại các thị trường nhỏ. Chúng cũng có thể không mang lại đầu tư dự kiến nếu chúng quá cao ngay từ đầu. Tuy nhiên, nếu có kế hoạch quản lý và điều hành đầy đủ, LCRs có thể góp phần mở rộng năng lực trong nước để sản xuất và sử dụng HHDVMT.

Một thiếu sót nữa của các yêu cầu LCRs không được soạn thảo kỹ càng là chúng có thể ngăn cản sự đổi mới. Kinh nghiệm của Brazil rất sâu sắc trong lĩnh vực này, vì LCRs của Brazil là dựa trên trọng lượng của các sản phẩm có liên quan, dẫn đến sự tập trung đầu tư, nếu có, vào việc tìm nguồn cung ứng thép nội địa hơn là tìm đầu vào khác bất

¹⁰⁴Cleantechnica.com; "Nam Phi nhắm tới Việc làm Xanh cũng như Năng lượng sạch. Kết thúc Vòng đấu thầu Dự án thứ 2 Năng lượng Tái tạo; ngày 18 tháng 3 năm 2012; có sẵn tại: <http://cleantechnica.com/2012/03/18/south-africa-aims-for-green-jobs-as-well-as-clean-energy-as-2nd-round-renewable-energy-project-bidding-closes/>

¹⁰⁵ICTSD; "Yêu cầu Nội địa hóa và Công nghiệp Năng lượng tái tạo - Một kết hợp tốt?"; Jan-Christophe Kuntze và Tom Moerenhout, tháng 5 năm 2013.

kỳ. Điều này đã dẫn đến sự gia tăng hơn nữa giá cả gần như không bền vững của sản phẩm cuối cùng.

Như đã trình bày chi tiết dưới đây, khi LCRs mang tính bảo hộ và không thực sự góp phần giữ gìn môi trường, đó là lý do xác đáng để Tổ chức Thương mại Thế giới cấm hoàn toàn LCRs.

III.4. Các vấn đề khác

1) Thuế quan

Thuế quan đối với hàng hóa môi trường là những rào cản dễ thấy nhất đối với việc phổ biến các sản phẩm môi trường. Ngược lại, việc giảm thuế quan đối với hàng hóa môi trường là một động lực quan trọng để thu hút đầu tư nước ngoài vào HHDVMT.

Các mức thuế theo WTO, và các cuộc đàm phán đang diễn ra để loại bỏ chúng đã được thảo luận trong báo cáo nghiên cứu đầu tiên.

Một nghiên cứu về các hồ sơ thuế quan cho thấy hầu hết các nước trong OECD, bao gồm Liên minh châu Âu và Hoa Kỳ, đã áp dụng mức thuế rất thấp (5 phần trăm hoặc thấp hơn) trên một số lượng đáng kể hàng hóa năng lượng sạch. Những nước đang phát triển mới nổi như Brazil, Trung Quốc và Ấn Độ áp dụng thuế suất từ 5 đến 20 phần trăm đối với nhiều loại hàng hóa năng lượng sạch. Đối với các mô-đun pin mặt trời, họ có xu hướng áp dụng thuế suất không phần trăm¹⁰⁶. Nói chung, các nước có thu nhập thấp hơn, ở châu Phi chẳng hạn, áp dụng mức thuế cao hơn. Lý do áp thuế cao liên quan đến mong muốn có doanh thu từ thuế và để giữ khả năng áp dụng chính sách nhập khẩu thay thế.

Nghiên cứu chỉ ra rằng thuế quan không phải là trở ngại quan trọng nhất đối với sự truyền bá hàng hóa năng lượng sạch và có thể ít quan trọng hơn so với các yếu tố khác như các quy định về môi trường trong nước¹⁰⁷. Tuy nhiên, các cuộc đàm phán về môi trường trong khuôn khổ WTO cho thấy, nhập khẩu trong lĩnh vực năng lượng tái tạo và quản lý nhiệt và năng lượng có độ nhạy cảm đáng kể đối với cắt giảm thuế quan, nhiều hơn các loại khác của hàng hóa môi trường¹⁰⁸.

Trong mọi trường hợp, thuế quan là rào cản dễ giải quyết nhất.

¹⁰⁶*Tăng cường hệ thống Thương mại đa phương*, Nhóm Năng lượng sạch và Hệ thống thương mại, Các đề xuất và phân tích, ICTSD, Diễn đàn kinh tế thế giới, Friedrich Ebert Stiftung, Chatham House; tháng 12 năm 2013.

¹⁰⁷Cũng như trên

¹⁰⁸Cũng như trên

2) Biện pháp phòng vệ thương mại: thuế chống bán phá giá

Có 3 loại biện pháp phòng vệ thương mại: Các biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ. Do trợ cấp được xử lý một cách riêng biệt và biện pháp tự vệ không gây ra vấn đề gì ở giai đoạn này trong lĩnh vực HHDVM, phần này tập trung vào các biện pháp chống bán phá giá, là mối quan tâm đặc biệt đối với việc khuyến khích HHDVMT.

Các biện pháp chống bán phá giá là thuế trừng phạt bổ sung vào thuế hải quan đối với nhập khẩu một sản phẩm cụ thể, nếu việc nhập khẩu này được thực hiện ở một mức giá bán phá giá (tức là dưới giá trị thông thường của sản phẩm) và nếu hàng nhập khẩu gây thiệt hại đáng kể cho các ngành công nghiệp trong nước của các sản phẩm có liên quan trong lãnh thổ của nước nhập khẩu.

Gần đây đã có một làn sóng khởi kiện chống bán phá giá chống lại việc nhập khẩu hàng hóa môi trường như tấm pin mặt trời, tuabin gió và nhiên liệu sinh học. Đặc biệt xu hướng này có thể thấy rõ trong các nhà sản xuất năng lượng sạch chủ yếu: EU, Mỹ, Australia, Ấn Độ và Trung Quốc.

Trong năm 2009, EU đã áp dụng các biện pháp thuế chống bán phá giá (và các biện pháp chống trợ cấp) đối với nhập khẩu dầu diesel sinh học có nguồn gốc ở Mỹ. Trong năm 2011, các biện pháp này đã mở rộng bao gồm dầu diesel sinh học có nguồn gốc từ Canada để tránh lẩn tránh thuế. Một cuộc điều tra chống bán phá giá cũng đã được khởi xướng đối với mẫu diesel sinh học Singapore, nhưng do thiếu bằng chứng về lẩn tránh thuế, cuộc điều tra đã bị chấm dứt. Năm 2011 cuộc điều tra chống bán phá giá đối với hàng nhập khẩu khác được tiến hành chống lại việc nhập khẩu dầu diesel sinh học có nguồn gốc ở Argentina và Indonesia, dẫn đến việc áp dụng các biện pháp chống bán phá giá trong năm 2013. Trong năm 2013 nhập khẩu các sợi thủy tinh có nguồn gốc ở Trung Quốc, nhập khẩu các tấm pin mặt trời có xuất xứ từ Trung Quốc và nhập khẩu ethanol sinh học có nguồn gốc ở Mỹ cũng bị ảnh hưởng bởi các biện pháp chống bán phá giá.

Trong năm 2010 và 2013 Peru và Australia liên tục áp đặt thuế chống bán phá giá (và chống trợ cấp) đối với dầu diesel sinh học có nguồn gốc ở Mỹ.

Trong năm 2011, Mỹ bắt đầu điều tra chống bán phá giá (và chống trợ cấp) đối với tháp gió nhập khẩu có nguồn gốc ở Trung Quốc và Việt Nam và đối với nhập khẩu tấm pin

mặt trời có xuất xứ từ Trung Quốc. Năm 2012, Ấn Độ khởi xướng điều tra chống bán phá giá đối với các mô-đun năng lượng mặt trời có xuất xứ từ Trung Quốc, Mỹ, Malaysia và Đài Loan. Người ta cũng đề xuất mở rộng điều tra này với hàng nhập khẩu từ EU và Mỹ.

Trong năm 2012, Trung Quốc bắt đầu điều tra chống bán phá giá (và chống trợ cấp) đối với polysilicon nhập khẩu có xuất xứ tại EU, Mỹ và Hàn Quốc. Có ý kiến cho rằng cuộc điều tra được khởi xướng để đáp trả các biện pháp áp dụng đối với hàng xuất khẩu của Trung Quốc.

Mỗi cuộc điều tra đã tác động đến nhập khẩu tại thời điểm khởi xướng điều tra, không phụ thuộc vào mức thuế cuối cùng có thể bị áp đặt.

Lấy EU là một ví dụ, giá trị nhập khẩu bị ảnh hưởng bởi các biện pháp này là đáng kể. Các biện pháp khắc phục thương mại áp dụng đối với các tấm pin mặt trời từ Trung Quốc, dầu diesel sinh học từ Argentina và Indonesia và diesel sinh học từ Mỹ đang nằm ở đỉnh nhóm các biện pháp EU đang áp dụng về giá trị nhập khẩu bị ảnh hưởng. Giá trị nhập khẩu bị ảnh hưởng bởi các biện pháp khắc phục thương mại đối với tấm pin mặt trời lớn hơn 1,5 lần tổng giá trị kết hợp của tất cả các biện pháp khắc phục thương mại khác có hiệu lực của EU. Tổng hợp các biện pháp khắc phục thương mại hiện nay của EU (khoảng 120 biện pháp) ảnh hưởng đến khoảng 8 tỷ Euro giá trị nhập khẩu. Chỉ riêng biện pháp khắc phục thương mại trên các tấm pin mặt trời đã là 11,5 tỷ USD.

Những hành động này đã bị chỉ trích là chúng dường như mâu thuẫn với các mục tiêu môi trường quốc gia và quốc tế. Những biện pháp này có tác động tiêu cực đến việc phổ biến các nguồn năng lượng sạch và hàng hóa và dịch vụ môi trường. Tuy nhiên, một số nghiên cứu cho rằng khi một loại thuế được đặt ra bởi một nước nhập khẩu, có thể thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của các nhà xuất khẩu nước ngoài để tránh thuế.

3) Tiêu chuẩn Năng lượng sạch và Chứng chỉ

Các tiêu chuẩn được liệt kê đôi khi là một trong số các biện pháp phi thuế quan trọng nhất, có thể ảnh hưởng đến việc mua bán hàng hóa môi trường. Các tác động phụ thuộc vào cách chúng được thiết kế và áp dụng.

Ví dụ, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật rất quan trọng để đảm bảo việc thực hiện an toàn và đầy đủ các thiết bị năng lượng sạch. Chúng cũng liên quan đến dịch vụ môi trường. Ví dụ, lắp đặt thiết bị năng lượng mặt trời có thể được thực hiện có hiệu quả chỉ khi do các nhân viên lắp đặt được đào tạo và cấp chứng nhận.

Tiêu chuẩn kỹ thuật rất quan trọng trong việc tạo ra sự tín nhiệm và tin tưởng giữa các nhà sản xuất, khai thác, chủ sở hữu, các tổ chức tài chính, các nhà đầu tư nước ngoài và các cơ quan chính phủ. Tiêu chuẩn có thể được dựa trên "thiết kế" hoặc "hiệu suất". Nói chung, sự hài hòa sâu sắc hơn các tiêu chuẩn tạo điều kiện triển khai thiết bị qua các dự án và các nước dễ dàng hơn và nhanh chóng hơn. Các tiêu chuẩn hiệu suất tối thiểu cũng cần thiết cho các nhà sản xuất năng lượng sạch, ví dụ để được tài trợ dự án cụ thể từ các ngân hàng thương mại. Nó cũng rất hữu dụng cho các sản phẩm tiết kiệm năng lượng vì những sản phẩm này về thực chất không thể phân biệt được với các sản phẩm ít tiết kiệm năng lượng hơn. Dán nhãn có thể là một công cụ quan trọng để phân biệt các sản phẩm này.

Tiêu chuẩn cũng có thể được sử dụng để thúc đẩy việc sử dụng HHDVMT trong các sản phẩm hạ lưu. Một số tiêu chuẩn cũng có thể quy định phương pháp sản xuất thân thiện môi trường cho các sản phẩm nhất định. Hiệu quả của các tiêu chuẩn này dĩ nhiên phụ thuộc sản phẩm cuối cùng có liên quan.

Tiêu chuẩn có thể có một tác động phân biệt đối xử đối với những sản phẩm tương tự nhưng không sử dụng công nghệ theo yêu cầu để sản xuất. Như tiếp tục chỉ ra dưới đây, phân biệt đối xử như vậy có thể ảnh hưởng tiêu cực đến lợi ích thương mại của các nước khác và dẫn đến việc khiếu kiện theo quy định thương mại quốc tế hiện hành. Hơn nữa, sự khác biệt về tiêu chuẩn có thể là rào cản phi thuế quan đáng kể đối với thương mại. Đảm bảo tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn nước ngoài khác nhau bao gồm cả kiểm tra và chứng nhận phát sinh chi phí cho các nhà sản xuất và các nhà đầu tư, chẳng hạn như dịch vụ các quy định của nước ngoài, thuê chuyên gia kỹ thuật, điều chỉnh các cơ sở sản xuất. Yêu cầu kỹ thuật quá nhiều có thể có ảnh hưởng xấu đến sản xuất và đầu tư HHDVMT.

Một nghiên cứu của ICTSD năm 2013¹⁰⁹ xác định một số vấn đề khác liên quan đến các quy chuẩn kỹ thuật cần phải được giải quyết:

- Sự đa dạng các thủ tục kiểm tra và các yêu cầu được tiến hành trong phòng thí nghiệm quốc gia áp đặt chi phí bổ sung cho các nhà sản xuất / xuất khẩu;
- Sự đa dạng các yêu cầu sản phẩm do điều kiện địa phương khác nhau như khí hậu và các mã lưới điện có thể làm giảm lưu thông tối ưu của HHDVMT;

Do đó, trong việc xây dựng các tiêu chuẩn, cần phải tìm ra được một sự cân bằng thích hợp giữa những lợi ích rõ ràng các tiêu chuẩn được nhận thức tốt và bản chất gánh nặng quá mức có thể của các tiêu chuẩn đó, điều có thể làm suy yếu khả năng cạnh tranh của các sản phẩm phải tuân thủ những tiêu chuẩn này.

4) Quyền sở hữu trí tuệ

Mức độ bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) là một yếu tố quan trọng trong quyết định đầu tư. Điều này đặc biệt liên quan đến các khoản đầu tư trong lĩnh vực năng lượng sạch vì các công nghệ liên quan đòi hỏi nhiều nghiên cứu và cần nhiều vốn¹¹⁰.

Vai trò và tác động của quyền SHTT trong chuyển giao công nghệ dường như tùy thuộc bối cảnh cụ thể. Theo Hướng dẫn Chính sách của OECD¹¹¹, trong các vùng nông thôn xa xôi của nước có thu nhập thấp ví dụ, nhu cầu mở rộng tiếp cận năng lượng đòi hỏi phải triển khai nhanh chóng của các công nghệ năng lượng tái tạo nổi tiếng, mà việc bảo vệ quyền SHTT có thể không còn quá quan trọng. Việc làm của OECD gần đây đã chứng minh rằng trong trường hợp thị trường châu Phi, rất ít các công nghệ giảm thiểu khí hậu và thích ứng được bảo vệ theo chính sách quyền SHTT.

Tuy nhiên tăng cường chính sách bảo hộ quyền SHTT nói chung có thể đóng một vai trò tích cực trong các nền kinh tế mới nổi. Lấy ví dụ như về chất thải và sinh khối, tấm pin mặt trời, pin nhiên liệu, đại dương, thủy điện, địa nhiệt và tua-bin gió, các nền kinh tế mới nổi đã chiếm từ 5% bằng sáng chế toàn cầu vào cuối năm 1990 đến 20% các bằng

¹⁰⁹Rails, Payaso T., Bán Mặt trời an toàn và hiệu quả: Tiêu chuẩn Năng lượng quang điện mặt trời (PV), Chứng nhận kiểm tra và Chỉ dẫn cho chính sách thương mại, ICTSD, 2013.

¹¹⁰Hướng dẫn Chính sách của OECD đối với đầu tư cơ sở hạ tầng năng lượng sạch, Mở rộng tiếp cận nguồn năng lượng sạch cho phát triển tăng trưởng xanh, một báo cáo của OECD cho G20, với sự đóng góp của Ngân hàng Thế giới và UNDP, tháng 10 năm 2013.

¹¹¹Cũng tài liệu trên.

sáng chế toàn cầu trong năm 2008¹¹². Trung Quốc đóng góp một phần lớn sự tăng trưởng này. Xét về tỷ lệ phần trăm tổng số hoạt động sáng chế, một số nền kinh tế mới nổi và đang phát triển khác nằm trong số 5 quốc gia phát minh hàng đầu trong các lĩnh vực như năng lượng thủy điện biển (Brazil, Ấn Độ) và năng lượng mặt trời PV (Ấn Độ, Thái Lan)¹¹³.

Củng cố quyền SHTT ở các thị trường mới nổi đưa ra nhiều ưu đãi cho các nhà đầu tư nước ngoài để chuyển giao công nghệ ở các thị trường này. Theo OECD, hai phần ba trong số các bằng sáng chế về công nghệ năng lượng sạch đang được đệ trình bởi các công ty nước ngoài. OECD đề xuất rằng, đối với các nước đang phát triển việc xây dựng một quy trình "Kiểm tra nhanh" cấp bằng sáng chế cho công nghệ năng lượng sạch¹¹⁴ có thể hữu ích. Mỹ cung cấp một mô hình thú vị đối với "Kiểm tra nhanh" với Chương trình Thí điểm Công nghệ xanh của Mỹ cho phép giảm 6 lần thời gian cần thiết cho việc quyết định cuối cùng về bằng sáng chế¹¹⁵ (Ciardullo, 2012). Tuy nhiên, trong bối cảnh này, điều quan trọng là đảm bảo sự cân bằng giữa số lượng và chất lượng của các bằng sáng chế nhận được và năng lực của chính quyền để xử lý số lượng yêu cầu có thể.

5) Thực thi hợp đồng và quyền sử dụng đất

Nhiều dự án xanh hoặc đầu tư, trong những quy mô đặc biệt lớn, đòi hỏi phải soạn thảo các thỏa thuận hợp đồng, thường xuyên liên kết với nhau¹¹⁶. Các dự án năng lượng sạch đối mặt với nhiều rủi ro, có thể liệt kê một số, như rủi ro hoàn thành, rủi ro công nghệ, rủi ro doanh thu, nguy cơ nguồn cung cấp, rủi ro thời tiết. Độ tin cậy của các bên tham gia khác nhau - cả trong nước và nước ngoài - và khả năng của họ để thực hiện hợp đồng

¹¹²Kinh tế Copenhagen, 2009.

¹¹³Hướng dẫn Chính sách của OECD đối với đầu tư cơ sở hạ tầng năng lượng sạch, Mở rộng tiếp cận nguồn năng lượng sạch cho phát triển tăng trưởng xanh, một báo cáo của OECD cho G20, với sự đóng góp của Ngân hàng Thế giới và UNDP, tháng 10 năm 2013.

¹¹⁴Cũng tài liệu trên.

¹¹⁵J. Ciardullo; "*Những phát triển gần đây trong Luật SHTT: Mỗi công ty công nghệ xanh cần biết cái gì*"; Trung tâm Columbia về biến đổi khí hậu; Luật; Năm 2012, có sẵn tại: <http://blogs.law.columbia.edu/climatechange/2012/03/14/recent-developments-in-ip-law-whatevery-green-tech-company-should-know/>

¹¹⁶Hướng dẫn Chính sách OECD đối với đầu tư cơ sở hạ tầng năng lượng sạch, Mở rộng tiếp cận nguồn năng lượng sạch cho phát triển tăng trưởng xanh, một báo cáo của OECD cho G20, với sự đóng góp của Ngân hàng Thế giới và UNDP, tháng 10 năm 2013.

là điều cần thiết đối với các khoản đầu tư sắp tới¹¹⁷. Trong bối cảnh này, việc đảm bảo tiếp cận tư pháp với giá cả phải chăng cũng rất quan trọng.

Khi nói về vấn đề sở hữu đất đai, không có quy định cụ thể đối với hàng hóa và dịch vụ môi trường. Tuy nhiên, hệ thống đăng ký bất động sản không đầy đủ có thể góp phần làm tăng chi phí giao dịch liên quan đến các khoản đầu tư vào HHDVMT¹¹⁸. Giảm thời gian xử lý cho việc hợp thức hóa quyền sở hữu là quan trọng. Điều này có thể được thực hiện, ví dụ, thông qua việc thiết lập một nơi đăng ký một-cửa¹¹⁹. Hơn nữa, khi cấp ưu đãi về đất đai (đối với công trình thủy điện, năng lượng địa nhiệt, năng lượng gió và năng lượng mặt trời), việc bảo vệ các nhóm dễ tổn thương nhất là chìa khóa cho sự bền vững của đầu tư. OECD chỉ ra yếu tố quan trọng trong vấn đề này là việc lập trước bản đồ những nguồn tài nguyên tái tạo tự nhiên và tham khảo trước ý kiến các bên liên quan khác nhau¹²⁰.

III.5. Các công cụ có sẵn theo các quy tắc thương mại quốc tế có liên quan

Phần này nêu bật những giới hạn mà quy tắc thương mại quốc tế hiện hành áp dụng đối với Việt Nam có thể tác động đến các chính sách nói trên. Điều này sẽ cho phép xác định tốt hơn biên độ linh hoạt của Việt Nam đối với các chính sách và những công cụ mà Việt Nam đã sử dụng để thúc đẩy việc sử dụng và đầu tư vào HHDVMT.

1) Các ưu đãi và trợ cấp

a) *Cách tiếp cận pháp chung*

Kinh nghiệm của các nước thứ ba trình bày ở trên cho thấy trợ cấp môi trường thích hợp và được thiết kế đầy đủ có thể tăng cường đầu tư trực tiếp nước ngoài vào công nghệ xanh và do đó có tác động tích cực thúc đẩy và phổ biến HHDVMT.

¹¹⁷Cũng tài liệu trên.

¹¹⁸Cũng tài liệu trên.

¹¹⁹Ngân hàng Thế giới, *Kinh doanh trong một Thế giới minh bạch hơn*, năm 2012.

¹²⁰Hướng dẫn Chính sách OECD đối với đầu tư cơ sở hạ tầng năng lượng sạch, Mở rộng tiếp cận nguồn năng lượng sạch cho phát triển tăng trưởng xanh, một báo cáo của OECD cho G20, với sự đóng góp của Ngân hàng Thế giới và UNDP, tháng 10 năm 2013.

Hiệp định WTO về trợ cấp và các biện pháp đối kháng (SCM) quy định việc cung cấp các khoản trợ cấp theo luật của WTO. Theo Hiệp định SCM, trợ cấp được coi là tồn tại nếu có “sự đóng góp về tài chính của Chính phủ” hoặc “bất kỳ hình thức hỗ trợ thu nhập hoặc trợ giá nào”, kết quả là mang lại “lợi ích” cho người nhận. Như vậy, có trợ cấp khi Chính phủ cấp tiền, mà trên thị trường không có sẵn hoặc không có cùng điều kiện (không hoàn lại hoặc cho vay), hoặc khi Chính phủ cho miễn một khoản thuế thông thường phải nộp, hoặc khi Chính phủ bán nguyên liệu đầu vào với một mức giá thấp hơn giá thị trường hoặc khi Chính phủ mua các mặt hàng từ người thụ hưởng ở một mức giá cao hơn mức giá thị trường.

Ưu đãi về thuế, chẳng hạn như những ưu đãi được cung cấp tại Việt Nam, Giá bán điện FIT (Feed-in tariff) ở mức giá cao hơn giá thị trường, cho vay với lãi suất ưu đãi hoặc giao nhượng đất dưới giá thị trường tất cả đều là trợ cấp và chúng phải được đánh giá theo Hiệp định SCM của WTO.

Cần lưu ý rằng khi một trợ cấp liên quan đến việc cung cấp một dịch vụ, không có quy tắc thương mại quốc tế có liên quan nào tác động đến trợ cấp này ở Việt Nam. Thực sự Việt Nam được miễn trừ theo quy định đối xử quốc gia đối với khoản trợ cấp trong phần cam kết chung của Biểu cam kết dịch vụ của mình (xem nghiên cứu đầu tiên) và thỏa thuận GATS cũng không điều chỉnh trợ cấp dịch vụ theo cách nào khác. Hơn nữa, WTO chỉ điều chỉnh trợ cấp của Chính phủ. Cả ASEAN, APEC đều không có quy định trong lĩnh vực này. Tuy nhiên, cần tiên lượng là Hiệp định EU-Việt Nam sắp tới sẽ đề cập đến vấn đề này.

Hiệp định SCM của WTO đưa ra 3 loại trợ cấp: trợ cấp bị cấm, trợ cấp có thể đối kháng và trợ cấp không thể đối kháng.

Trợ cấp bị cấm là trợ cấp xuất khẩu và trợ cấp nội địa hóa. Trợ cấp xuất khẩu là những trợ cấp được dựa trên kết quả xuất khẩu. Nói cách khác, luật WTO không cho phép một quốc gia cung cấp trợ cấp cho một công ty hay một nhóm các công ty dựa trên kỳ vọng rằng họ sẽ tăng cường xuất khẩu. Các kiểm tra cuối cùng liên quan đến vấn đề này là có hay không trợ cấp trong trường hợp không xuất khẩu. Nếu trả lời là không, trợ cấp bị cấm. Trợ cấp môi trường hiếm khi được xếp vào loại này. Về trợ cấp nội địa hóa, đây là

những khoản trợ cấp được cung cấp với điều kiện là người nhận sử dụng nguyên liệu đầu vào của nội địa thay vì nguyên liệu nhập khẩu. Giống như trợ cấp xuất khẩu, loại trợ cấp này làm biến tướng thương mại rất nhiều. Do đó Giá bán điện FIT ở mức giá cao hơn giá thị trường dành riêng cho sản xuất năng lượng nội địa sẽ bị cấm theo luật WTO. Hiện đã có thủ tục giải quyết nhanh tranh chấp chống trợ cấp bị cấm nhằm loại bỏ trợ cấp.

Trợ cấp có thể đối kháng là trợ cấp không bị cấm, cấp riêng cho một công ty hay một nhóm các công ty. Nếu có kết luận biện pháp đó là trợ cấp riêng biệt, và nếu nó gây ra "tác dụng tiêu cực" đến lợi ích của một Thành viên hoặc làm "tổn hại vật chất" cho ngành công nghiệp nội địa của một Thành viên, có thể đối kháng chống lại tác động thương mại tiêu cực của nó. Tác dụng tiêu cực đến lợi ích của một Thành viên WTO xảy ra, ví dụ, trong trường hợp các hiệu ứng giá giảm tại các thị trường khác nhau gây ra bởi trợ cấp, hoặc mất thị phần tại các thị trường trên thế giới¹²¹. Trong những tình huống này, các trợ cấp có thể bị khiếu kiện ra cơ quan giải quyết tranh chấp của WTO (và cần được bãi bỏ hoặc loại bỏ ảnh hưởng của nó). Các sản phẩm được trợ cấp còn có thể bị áp dụng thuế đối kháng theo thẩm quyền quyết định của nước bị ảnh hưởng. Trợ cấp môi trường được cung cấp cho một nhóm các ngành ưu tiên hoặc khu vực rơi vào loại thứ hai này.

Trợ cấp không thể đối kháng là trợ cấp không bị cấm và cũng không có tính riêng biệt. Nói cách khác, đây là những khoản trợ cấp được cung cấp cho tất cả các công ty trong tất cả các lĩnh vực, trên cơ sở các tiêu chí khách quan. Điều quan trọng là phải đảm bảo rằng lý do của trợ cấp không liên quan đến một ngành cụ thể nào của nền kinh tế. Các trợ cấp được coi là không có tính riêng biệt nếu điều kiện nhận trợ cấp phụ thuộc vào "tiêu chí khách quan hoặc các điều kiện", và "các tiêu chí, điều kiện là trung tính, không thiên vị một số doanh nghiệp này hơn những doanh nghiệp khác, đúng bản chất kinh tế và ngang bằng trong ứng dụng, chẳng hạn như số lượng nhân viên và quy mô của doanh nghiệp"¹²². Các tiêu chuẩn hoặc điều kiện phải được pháp luật quy định hoặc tài liệu

¹²¹L. Rubini; "Không còn lãng phí thời gian: Trợ cấp cho năng lượng tái tạo, Hiệp định SCM, Không gian chính sách, và cải cách luật"; Tạp chí Luật kinh tế quốc tế, 15 (2), trang 525-579, 2012.

¹²²Điều 2.1(b) của Hiệp định SCM.

chính thức khác ghi và giải thích rõ ràng cho phép việc xác minh. Trợ cấp môi trường đang được thực hiện ở tất cả các lĩnh vực có thể nằm trong thể loại này. Ví dụ, đó là trường hợp một trợ cấp trả cho tất cả các công ty mua năng lượng sạch hoặc xử lý chất thải của họ một cách thân thiện với môi trường. Điều rất quan trọng là phải tránh các khoản trợ cấp riêng biệt cho một lĩnh vực cụ thể, chẳng hạn như tua bin, tấm pin mặt trời hoặc những lĩnh vực khác. Nếu không, những trợ cấp này là trợ cấp có thể đối kháng¹²³. Nói chung, những ưu đãi giảm thuế mà Việt Nam đưa ra theo quy định của Luật sửa đổi bổ sung về thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2013 là không bị cấm. Tuy nhiên, khi những ưu đãi này được dành cho những khu vực đặc biệt, hoặc cho các nhóm sản phẩm được ưu tiên, những ưu đãi giảm thuế này có tính riêng biệt. Chúng có thể được tiếp tục thực hiện nếu không có đối tác thương mại than phiền rằng các trợ cấp ảnh hưởng đến lợi ích thương mại của họ. Sẽ không có khiếu nại nếu trợ cấp nhằm thúc đẩy đầu tư trong nước chỉ trong một thị trường địa phương. Tuy nhiên, nếu đầu tư được thực hiện bởi một công ty chiếm thị phần đáng kể từ đối thủ cạnh tranh nước ngoài của mình trong bất cứ địa bàn thị trường nào, khiếu nại có thể phát sinh.

Như đã nêu trong báo cáo nghiên cứu đầu tiên, Việt Nam cũng duy trì miễn thuế nhập khẩu cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FIEs), trong đó đầu tư vào các lĩnh vực hay địa bàn khuyến khích đầu tư hoặc đặc biệt khuyến khích đầu tư. Việc miễn thuế này không phải là trợ cấp theo Hiệp định SCM, nếu hàng hóa không nhập vào lãnh thổ hải quan của Việt Nam và được tái xuất. Do đó, chúng không gây ra những vấn đề cụ thể. Tuy nhiên, nếu hàng hóa nhập khẩu được chế biến thành hàng hóa sau đó được bán trên thị trường ở Việt Nam, việc miễn thuế có thể được xem như là một thứ trợ cấp

¹²³Liên quan về Điều 2 điểm b) đọc:

Khi cơ quan có thẩm quyền cấp trợ cấp hay luật hoạt động của cơ quan đặt ra các tiêu chuẩn khách quan hoặc điều kiện[2] được trợ cấp hay giá trị khoản trợ cấp, thì không được coi là có tính riêng biệt nếu khả năng nhận trợ cấp được mặc nhiên áp dụng và các tiêu chuẩn, điều kiện đó được tuân thủ chặt chẽ.

Điều 2 điểm c) tiếp tục xác định rằng:

Cho dù bề ngoài không mang tính riêng biệt do kết quả của việc áp dụng các nguyên tắc nêu tại điểm (a) và (b), nhưng nếu có lý do để tin rằng, trợ cấp đó trên thực tế mang tính riêng biệt, thì có thể xem xét đến các yếu tố khác. Các yếu tố đó là: chỉ một số lượng có hạn các doanh nghiệp được hưởng trợ cấp, trợ cấp nhiều hơn cho một số doanh nghiệp nhất định, cấp số tiền trợ cấp chênh lệch lớn cho một số doanh nghiệp nhất định và việc này được cơ quan có thẩm quyền thực hiện một cách tùy tiện khi quyết định trợ cấp[3]. Khi áp dụng điểm này, cần tính đến mức độ của việc đa dạng hoá các hoạt động kinh tế trong phạm vi quyền hạn của cơ quan có thẩm quyền cấp trợ cấp, cũng như cần tính tới khoảng thời gian hoạt động của chương trình trợ cấp.

có thể đối kháng và có thể gây khó khăn nếu một đối thủ cạnh tranh nước ngoài than phiền.

Cuối cùng, các ưu đãi liên quan đến sử dụng đất mà Việt Nam cung cấp cho các nhà đầu tư đầu tư vào các lĩnh vực và địa bàn khuyến khích đầu tư là trợ cấp thuê đất và sử dụng đất được miễn, giảm. Do các ưu đãi là dành cho các lĩnh vực và địa bàn khuyến khích đầu tư, các khoản trợ cấp này có tính riêng biệt và do đó có thể bị đối kháng, mặc dù không bị cấm. Điều quan trọng là xác minh khả năng cạnh tranh quốc tế tổng thể của những công ty được hưởng lợi và đánh giá chúng có khả năng gây khó cho những đối tác thương mại nào. Phân tích này sẽ cho phép đánh giá các cơ hội của một đơn khiếu nại. Trong trường hợp không có khiếu nại, có thể duy trì trợ cấp.

b) Những vấn đề cụ thể

Trong lĩnh vực năng lượng tái tạo phổ biến một số quy định ưu đãi. Chính phủ sử dụng thẩm quyền, đưa ra những yêu cầu dựa trên số lượng hoặc giá tối thiểu để nâng cao nhu cầu, hoặc nâng giá năng lượng tái tạo. Những ví dụ tốt là biện pháp Giá bán điện FIT). Có ít nhất hai trường hợp liên quan: Trường hợp thứ nhất, Chính phủ yêu cầu các nhà khai thác tư nhân mua phát điện năng lượng sạch ở một mức giá cao hơn so với nhiều loại năng lượng khác. Trường hợp thứ hai, ví dụ, Chính phủ tự mình tham gia mua năng lượng, để giao hàng thông qua độc quyền nhà nước, doanh nghiệp nhà nước hoặc để bán lại cho khu vực tư nhân. Các câu hỏi liệu rằng những biện pháp loại này có phải là trợ cấp hay không đang gây tranh cãi và quy chế của những biện pháp này cũng không rõ ràng theo định nghĩa pháp lý của Hiệp định SCM.

Theo Hiệp định và như đã đề cập ở trên, để đủ điều kiện như là một trợ cấp theo Hiệp định SCM, một đóng góp tài chính hoặc một biện pháp hỗ trợ thu nhập hoặc trợ giá cần phải mang lại lợi ích. Tuy nhiên nếu Chính phủ đang hoạt động trên thị trường, có thể khó xác định tồn tại của lợi ích. Các cơ quan phúc thẩm WTO đã tuyên bố rằng trong trường hợp này cần tham chiếu đến "thị trường". Điều này có thể khó khăn trong bối cảnh các thị trường năng lượng đã bị bóp méo một cách đáng kể bởi các hình thức can thiệp khác nhau của Chính phủ, kết quả là trên thực tế giá cả và các tín hiệu thị trường

khác là không hoàn toàn đáng tin cậy¹²⁴. Tuy nhiên, Cơ quan Phúc thẩm trong trường hợp Ontario FIT chỉ rõ rằng ngay cả khi thị trường bị bóp méo bởi các can thiệp của Chính phủ, chúng vẫn là thị trường và giá áp dụng bình thường tại thị trường bị bóp méo như vậy có thể cung cấp một chuẩn mực thích hợp. Nói cách khác, nếu Chính phủ bắt buộc các doanh nghiệp mua năng lượng sạch ở một mức giá thấp hơn hoặc tương đương với giá thị trường (ngay cả khi bị bóp méo) cơ chế này không phải là trợ cấp cho các nhà sản xuất năng lượng sạch. Nó là trợ cấp khi giá bắt buộc cao hơn mức giá thị trường. Điều tương tự cũng áp dụng khi Chính phủ hoặc đơn vị độc quyền phân phối năng lượng của Chính phủ mua hàng trực tiếp.

Một vấn đề khác liên quan đến tính riêng biệt. Tất cả các khoản trợ cấp riêng biệt là trợ cấp đối kháng theo lý thuyết (mặc dù trong thực tế tất cả phụ thuộc vào việc có hay không khiếu nại của một công ty cạnh tranh). Vấn đề dựa trên thực tế chính sách về môi trường thường đòi hỏi các biện pháp nhằm đạt mục tiêu càng hiệu quả càng tốt. Trong thực tế điều đó có nghĩa rõ ràng là có sự ưu tiên cho một biện pháp cụ thể¹²⁵. Theo một án lệ khá phổ biến, việc có một số lượng lớn các cơ sở kinh doanh hoặc thậm chí các khu vực bị ảnh hưởng bởi một biện pháp cũng không đủ để chứng minh trợ cấp này là chung chung và không mang tính riêng biệt. Theo đó, có những đề xuất để phát triển danh mục minh họa các tính năng được thiết kế và thực tiễn hoạt động được coi là phù hợp với "tiêu chí mục tiêu hoặc điều kiện", là cơ sở để một trợ cấp có thể được cung cấp mà không bị coi là có tính riêng biệt.

Như đã nêu ở trên, các khoản trợ cấp có tính riêng biệt chỉ có thể bị khiếu kiện nếu chúng gây tác động bất lợi đến lợi ích của các nước khác. Việc kiểm tra các tác động xấu đến thương mại phải được dựa trên một phương pháp tiếp cận từng trường hợp cụ thể và phải tính đến các yếu tố khác nhau của nhiều hình thức kiểm tra pháp lý khác nhau. Điều này là không dễ dàng để khái quát. Vì vậy, khi một trợ cấp cho việc sử dụng

¹²⁴L. Rubini; "Không còn lãng phí thời gian: Trợ cấp cho năng lượng tái tạo, Hiệp định SCM, Không gian chính sách, và cải cách luật"; Tạp chí Luật kinh tế quốc tế, 15 (2), trang 525-579, 2012.

¹²⁵Báo cáo của Ban; Hoa Kỳ - Trợ cấp về Bông vùng Cao, WT / DS267 / R, ngày 21 tháng 3 năm 2005.

của HHVDMT được cung cấp, trong đa số trường hợp, điều rất quan trọng là phải đánh giá những đối thủ cạnh tranh nào trong cùng một thị trường có thể bị ảnh hưởng tiêu cực của nó và trong chừng mực nào những đối thủ cạnh tranh đó có thể khiếu nại.

Cần lưu ý rằng các Thành viên WTO có xu hướng chấp nhận trợ cấp trong lĩnh vực năng lượng xanh, trừ phi chúng là trợ cấp xuất khẩu hoặc trợ cấp nội địa hóa. Tuy nhiên tình hình có thể thay đổi với sự gia tăng cạnh tranh và cơ hội ngành do HHDVMT mang lại. Ví dụ, Hoa Kỳ đã khởi kiện Việt Nam đối với những khoản được cho là trợ cấp cho sản phẩm tháp gió có xuất xứ từ Việt Nam.

2) Mua sắm công

Các công cụ không có tính ràng buộc của quốc tế và khu vực về mua sắm chính phủ hiện hành tương đối linh hoạt cho phép khuyến khích HHDVMT thông qua mua sắm công. Luật Mẫu UNCITRAL về Mua sắm công gần đây đã kết hợp nhiều điều khoản có thể được giải thích như khuyến khích các quốc gia ủng hộ việc sử dụng HHDVMT trong mua sắm công.

Về Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), nếu quốc gia mua sắm không phải là một bên tham gia Hiệp định Mua sắm chính phủ của WTO (GPA), khá là khó khăn để khiếu kiện đối với sự phân biệt đối xử ưu ái HHDVMT trong mua sắm công. Nếu các nước mua sắm là một bên tham gia GPA và nếu mua sắm nằm trong danh sách các cam kết GPA, việc phân biệt đối xử ưu ái HHDVMT trong mua sắm công có thể bị khiếu kiện theo GPA. Tuy nhiên, như nghiên cứu đầu tiên đã chỉ ra, Việt Nam không phải là một bên tham gia GPA và do đó Việt Nam có thể thực hiện các biện pháp khuyến khích HHDVMT không hạn chế thông qua việc mua sắm công.

Cần lưu ý rằng Việt Nam đang tham gia vào một sáng kiến tự nguyện của ASEAN + 3 Hệ thống về Mua sắm công Xanh và Dán nhãn sinh thái.

3) Yêu cầu hàm lượng nội địa (LCRs)

Việc yêu cầu nhà đầu tư sử dụng một tỷ lệ hàng nội địa thay cho linh kiện nhập khẩu là một sự vi phạm rõ ràng Luật WTO, cụ thể hơn là Điều XI của GATT, trong đó nghiêm cấm tất cả các biện pháp của Chính phủ hạn chế hoặc có thể hạn chế khối lượng nhập khẩu. Điều XI cũng được áp dụng trong mua sắm công. Do đó, mặc dù Việt Nam không

phải là một bên tham gia Hiệp định Mua sắm công (GPA), Việt Nam cũng không thể áp đặt yêu cầu hàm lượng nội địa (LCR) trong luật mua sắm công của mình.

LCRs phải được phân biệt với các khoản trợ cấp nội địa hóa. Trợ cấp nội địa hóa không ngăn cấm việc sử dụng các đầu vào nhập khẩu, nhưng không khuyến khích nó bằng cách cung cấp một khoản trợ cấp cho những người sử dụng hàng nội địa. Tuy nhiên, mặc dù hai biện pháp khác nhau, như đã nêu ở trên, các thỏa thuận SCM WTO cũng cấm trợ cấp nội địa hóa.

Hệ quả của những điều nói ở trên là nếu một nước muốn duy trì yêu cầu hàm lượng nội địa, nó có thể đối mặt với nguy cơ bị kiện trong WTO. Sự bảo vệ duy nhất có thể có là viện dẫn một trong những quy định ngoại lệ trong Điều XX của GATT. Như đã nêu trong báo cáo nghiên cứu đầu tiên, theo Điều XX của GATT một quốc gia có thể duy trì hạn chế nhập khẩu nếu cần thiết để bảo vệ cuộc sống con người, động vật hoặc thực vật hoặc sức khỏe, hoặc nếu chúng có liên quan đến việc bảo tồn các nguồn tài nguyên thiên nhiên bị cạn kiệt nếu các biện pháp đó cũng được áp dụng để hạn chế sản xuất và tiêu dùng trong nước. Trong hầu hết các vụ khiếu kiện liên quan đến LCRs, điều kiện về sự cần thiết không được đáp ứng. Thật vậy, có thể có một số phương pháp ít hạn chế thương mại khác sẵn sàng để đạt được việc tìm kiếm mục tiêu môi trường. Như đã nêu trên, Trung Quốc chẳng hạn, thay thế những yêu cầu về LCRs của mình bằng cơ chế Giá bán điện FIT (Feed-in Tariff). Hơn nữa, theo định nghĩa, LCRs dự định để thúc đẩy việc sử dụng hàng hóa sản xuất trong nước, các điều kiện để hạn chế nhập khẩu được thực hiện cùng với những hạn chế về sản xuất hay tiêu thụ trong nước thường không được đáp ứng.

4) Các biện pháp chống bán phá giá

Theo luật của WTO các biện pháp chống bán phá giá chỉ được áp dụng đối với hàng nhập khẩu bán phá giá nếu hàng nhập khẩu gây thiệt hại vật chất cho ngành công nghiệp nội địa của các nước nhập khẩu đang sản xuất các sản phẩm cùng loại. Tổn hại đó không liên quan đến "tổn hại môi trường" đối với một quốc gia, chỉ là tổn hại thương mại đối với các công ty cạnh tranh. Do đó, các thành viên WTO không thể sử dụng các công cụ chống bán phá giá như một công cụ "điều chỉnh thuế biên mậu" ẩn. Thuế biên mậu là

các loại thuế đánh vào carbon có trong những sản phẩm nhập khẩu, nhằm đền bù thuế mà các nhà sản xuất trong nước phải nộp khi sản xuất các sản phẩm cùng loại.

Các điều kiện áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với hàng hóa môi trường được giám sát chặt chẽ. Hiện đang có tranh chấp trong WTO về các biện pháp chống bán phá giá áp dụng đối với tấm pin mặt trời tấm, dầu diesel sinh học và cồn chất béo.

Thật thú vị, một số thành viên WTO, như Liên minh châu Âu, ngoài các điều kiện của Hiệp định Chống bán phá giá của WTO còn áp dụng thêm một điều khoản "lợi ích nội địa": thuế chống bán phá giá chỉ có thể được áp dụng nếu nó không trái ngược với lợi ích của các nước nhập khẩu ("Kiểm tra Lợi ích của Liên Minh"). Việc xác định lợi ích như vậy dẫn tới một cuộc tranh luận chính sách, trong đó có thể bao gồm việc tìm kiếm sự cân bằng giữa thúc đẩy sử dụng các nhiên liệu hoặc các công cụ giá cả phải chăng để sản xuất năng lượng sạch, và sự cần thiết phải tăng cường đầu tư vào sản xuất các nhiên liệu hoặc các công cụ như vậy trong lãnh thổ của nước áp dụng biện pháp. Việc tiến hành các cuộc tranh luận đó là của mỗi quốc gia và nó phụ thuộc vào nhiều yếu tố, chẳng hạn như sự sẵn có trong nước và chất lượng của các sản phẩm địa phương, năng lực sản xuất trong nước và sử dụng năng lực, v.v... Vấn đề này chưa phát sinh tại Việt Nam, nước dường như không tiến hành điều tra chống bán phá giá đối với nhập khẩu hàng hóa môi trường.

5) Tiêu chuẩn Năng lượng sạch và Chứng chỉ

Hiệp định TBT của WTO có những quy định ngăn chặn một nước xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn theo cách bảo vệ các nhà sản xuất hàng hóa môi trường trong nước. Điều 2.2 của Hiệp định TBT đòi hỏi rằng "các quy chuẩn kỹ thuật không được soạn thảo, ban hành hoặc áp dụng nhằm mục đích hoặc có tác dụng, tạo ra những trở ngại không cần thiết đối với thương mại quốc tế". Hiệp định TBT khuyến khích các thành viên WTO dựa vào các tiêu chuẩn quốc tế để đưa ra các quy chuẩn quốc gia hoặc bộ phận của chúng, trong đó có nghĩa vụ "không tạo ra những trở ngại không cần thiết đối với thương mại quốc tế". Hiệp định TBT cũng đòi hỏi rằng các quy chuẩn kỹ thuật là không phân biệt đối xử và có các biện pháp hạn chế thương mại ít nhất hợp lý để đạt được một mục tiêu chính đáng.

Cách an toàn nhất để áp dụng tiêu chuẩn là dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế hiện hành. Các thách thức trong lĩnh vực này với Việt Nam là tham gia vào việc xây dựng các tiêu chuẩn quốc tế và đảm bảo có các hệ thống chứng nhận đầy đủ trong nước.

Cần lưu ý rằng WTO đề cập đến các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật chỉ trong chừng mực chúng liên quan đến hàng hóa. Về các dịch vụ, Điều VI của GATS có một quy định chưa hoàn toàn có hiệu lực. Ở giai đoạn này, nó chỉ đòi hỏi yêu cầu về trình độ và yêu cầu cấp phép làm vô hiệu hoặc làm giảm các cam kết tự do hóa thương mại là không phức tạp hơn mức cần thiết để đảm bảo chất lượng của các dịch vụ. Vì định nghĩa này rất không rõ ràng, các thành viên WTO đã không sử dụng nó trong các tranh chấp của họ. Thay vào đó, họ thích đàm phán một điều khoản tốt hơn trong GATS trong bối cảnh các cuộc đàm phán đa phương đang tiếp diễn (Vòng Doha). Ban Công tác WTO về Quy chuẩn trong nước đã được thành lập để phát triển các ngành thống nhất về các quy định trong nước về dịch vụ. Cho đến nay mới chỉ có quy tắc đặc biệt về dịch vụ kế toán được xây dựng.

Cuối cùng, như báo cáo nghiên cứu đầu tiên đã chỉ ra, các quy tắc ASEAN cũng phải được xem xét. Mặc dù không có quy định ràng buộc nào trong các lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn, ASEAN đang thực sự theo đuổi những nỗ lực hài hòa trong khu vực.

6) Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, thực thi hợp đồng và các quyền về đất đai

Không có quy tắc WTO nào làm phương hại đến quyền của các Thành viên WTO áp dụng quyền sở hữu trí tuệ (SHTT), để tăng cường hệ thống pháp luật, bảo đảm việc thi hành hợp đồng và bảo đảm các quyền về đất đai.

Về sở hữu trí tuệ, các Hiệp định của WTO về Những khía cạnh liên quan tới Thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPs) thực sự đòi hỏi các thành viên phải áp dụng pháp luật trong nước để bảo vệ chúng một cách đầy đủ. Ví dụ, bằng sáng chế do đó phải được cấp dựa trên phát minh của công nghệ "xanh" mới.

Liên quan đến việc thực thi các quyền theo hợp đồng và quyền về đất đai, đây là pháp luật trong nước hoàn toàn hợp pháp trong khuôn khổ WTO và theo các điều ước đầu tư hiện có, trong chừng mực nó được áp dụng một cách không phân biệt đối với hàng hóa

hoặc dịch vụ trong nước và hàng hóa dịch vụ nhập khẩu hoặc các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Cần phải lưu ý rằng, việc cấp quyền sử dụng đất với giá ưu đãi là một trợ cấp, có thể có tính riêng biệt và do đó có thể có bị khiếu nại trong WTO.

7) Kết luận về tác động của các quy tắc quốc tế về các công cụ và các phương tiện có sẵn để thúc đẩy việc sử dụng và đầu tư vào HHDVMT

Báo cáo nghiên cứu đầu tiên nêu được thực tế rằng khi định hình chính sách và biện pháp khuyến khích quốc gia để thúc đẩy HHDVMT, Việt Nam phải xem xét các cam kết của mình ở cấp đa phương, nhiều bên và song phương. Như đã nêu ở trên, văn kiện đòi hỏi khắt khe nhất, và cũng là văn kiện có thể dẫn đến những hậu quả xấu nhất nếu các biện pháp khuyến khích sử dụng là bất hợp pháp đó là Hiệp định SCM.

Hiện nay, Việt Nam dường như không sử dụng các ưu đãi trong lĩnh vực HHDVMT bị cấm theo Hiệp định SCM. Từ những thông tin thu được trong nghiên cứu đầu tiên, có vẻ như các ưu đãi về thuế và đất đai Việt Nam hiện đang cung cấp cho các nhà đầu tư vào HHDVMT không phụ thuộc vào thành tích xuất khẩu cũng như không phụ thuộc vào việc sử dụng các đầu vào trong nước thay cho hàng nhập khẩu. Tuy nhiên, nếu Việt Nam xem xét áp dụng giá bán điện FIT kết hợp với yêu cầu hàm lượng nội địa (LCRs) và trợ cấp, điều này rõ ràng sẽ không phù hợp với WTO. Việt Nam cần phải đặc biệt thận trọng về vấn đề này trong lĩnh vực năng lượng gió và năng lượng mặt trời, vì các ưu đãi này thường được áp dụng với các lĩnh vực này.

Ưu đãi hiện hành của Việt Nam được dành cho các lĩnh vực và địa bàn ưu tiên. Như vậy chúng sẽ cấu thành các khoản trợ cấp mang tính riêng biệt. Nếu có những đối thủ cạnh tranh không hài lòng vì không được hưởng lợi từ các khoản trợ cấp đó, không thể loại trừ sẽ có khiếu kiện chống lại các chương trình ưu đãi của Việt Nam. Trong bối cảnh của nghiên cứu chung này không thể đánh giá khả năng xảy ra hành động đối kháng như trong trường hợp các ưu đãi đang được Việt Nam cung cấp. Điều này thực sự đòi hỏi phải phân tích từng trường hợp trong từng lĩnh vực bị ảnh hưởng. Nghiên cứu này chỉ lưu ý sự cần thiết để thực hiện các phân tích đó tại thời điểm cấp ưu đãi cho một công ty hay một nhóm các công ty.

Việt Nam dường như không có cơ chế khuyến khích khác ngoài những cơ chế được chỉ ra trong báo cáo nghiên cứu đầu tiên và đã được đề cập ở trên. Tuy nhiên, Việt Nam có thể xem xét áp dụng cơ chế ưu đãi khác, chẳng hạn như ưu tiên sử dụng HHDVMT trong mua sắm công. Việt Nam thực sự không bị ràng buộc bởi bất kỳ nghĩa vụ quốc tế đặc biệt trong lĩnh vực này, ngoại trừ việc không cho phép LCRs, kể cả trong bối cảnh mua sắm công. Việt Nam cũng là nước sẵn sàng bảo vệ sở hữu trí tuệ có hiệu quả cho việc đổi mới trong HHDVMT và thậm chí buộc phải làm như vậy đối với hàng hoá và dịch vụ nước ngoài theo quy định của Hiệp định TRIPs. Tất nhiên Việt Nam cũng sẵn sàng cải thiện hệ thống pháp luật nói chung và việc thực hiện các hợp đồng của mình nhằm mục đích tạo ra một môi trường thuận lợi cho đầu tư trong HHDVMT.

Như đã được chỉ ra nhiều lần ở trên, Việt Nam không thể áp dụng LCRs, trừ khi có thể chứng minh rằng chúng là cần thiết để bảo vệ cuộc sống hoặc sức khỏe của con người, động vật hoặc thực vật, tuy nhiên hầu như không bao giờ xảy ra trường hợp đó.

Cuối cùng, Việt Nam cần phải thận trọng vì lợi ích quốc gia của mình và các yêu cầu của Hiệp định Chống bán phá giá của WTO nếu muốn áp đặt các biện pháp chống bán phá giá đối với hàng nhập khẩu của HHDVMT, nhằm mục đích thúc đẩy đầu tư vào sản xuất hàng hoá đó trong lãnh thổ của mình.

IV. NHỮNG KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI CẢI THIẾN HAY ĐIỀU CHỈNH KHUNG CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LÝ TẠI VIỆT NAM

Dựa trên kinh nghiệm của các nước và các yêu cầu pháp lý nêu trên, trong giai đoạn này có thể đưa ra các khuyến nghị chung sau đây liên quan đến các công cụ chính sách và những quy định mà Việt Nam có thể xem xét áp dụng để thúc đẩy sử dụng và khuyến khích đầu tư trong HHDVMT, phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế và xã hội của Việt Nam giai đoạn 2011-2020. Tất nhiên, các khuyến nghị này vẫn là chung chung, vì tác động thực sự của những công cụ được áp dụng đối với mục tiêu theo đuổi phải được đánh giá theo thực tế thị trường và sản xuất của từng ngành trong lĩnh vực HHDVMT.

Môi trường kinh doanh

- Trước hết, để thúc đẩy đầu tư vào HHDVMT, cũng như đối với tất cả các khoản đầu tư, vấn đề then chốt là tạo ra một môi trường kinh doanh tốt. Trong khi các cơ hội thị

trường trong HHDVMT là hiển nhiên, như đã thảo luận trong báo cáo nghiên cứu đầu tiên, các bên liên quan đã đề cập đến sự cần thiết phải cải thiện một số yếu tố của môi trường kinh doanh của Việt Nam ảnh hưởng đến HHDVMT:

- o Cung cấp một khuôn khổ pháp lý rõ ràng hướng dẫn chính sách về HHDVMT và các dự án năng lượng tái tạo;
- o Thành lập một đầu mối liên hệ duy nhất cho các doanh nghiệp;
- o Thực hiện thủ tục hành chính đơn giản hóa và hài hòa,
- o Thành lập dịch vụ Nhà nước theo chế độ "một cửa" hỗ trợ đầu tư và đăng ký, cấp phép kinh doanh và phê duyệt;
- o Cung cấp các kênh thông tin liên lạc giữa chính quyền và doanh nghiệp liên quan đến tất cả các thông tin chính thức phát ra từ Chính phủ;
- o Công khai và truy cập dễ dàng vào tất cả các luật lệ và tiêu chuẩn có liên quan;
- o Cung cấp đào tạo về việc áp dụng các quy định mới về môi trường;
- o Thông qua thủ tục thống nhất liên quan đến việc cấp phép và các quy định về môi trường trong cả nước;
- o Áp dụng cùng một hệ thống kiểm tra giám sát các doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước;
- o Soạn thảo luật và quy định một cách dễ hiểu và dễ thực hiện;
- o Tham vấn doanh nghiệp khi Chính phủ có kế hoạch xây dựng và ban hành luật mới;
- o Thông qua một luật đấu thầu minh bạch về xây dựng các dự án bảo vệ môi trường;
- o Nâng cao nhận thức cộng đồng về HHDVMT;
- o Bảo đảm việc áp dụng pháp luật và tăng cường cơ chế thực thi pháp luật và hợp đồng;
- o Bảo vệ các nhóm dân cư dễ tổn thương nhất khi chuyển nhượng đất đai để sản xuất HHDVMT.

Danh mục HHDVMT

- Thứ hai, có thể rất hữu ích khi xây dựng một danh mục chính thức, rõ ràng về HHDVMT được hưởng ưu đãi mà Chính phủ Việt Nam mong muốn cung cấp đối với

HHDVMT. Một danh mục như vậy sẽ tạo niềm tin và sự chắc chắn cho các nhà đầu tư tiềm năng. Trong khi xây dựng danh mục Chính phủ Việt Nam cũng có thể kết hợp Quyết định số 39/2010/QĐ-TTg về việc ban hành hệ thống các danh mục sản phẩm của Việt Nam và Điều 150 của Luật Bảo vệ môi trường (BVMT) năm 2014 về việc phân loại các dịch vụ môi trường. Cũng nên xem xét danh sách HHDVMT hiện có của APEC.

Tự do hóa thương mại

- Việt Nam cũng được khuyến nghị xem xét thực hiện cắt giảm thuế quan đối với hàng hóa môi trường trong khuôn khổ APEC. Theo đó, Chính phủ Việt Nam cần quyết định xem có thể sử dụng dòng thuế hiện tại hay cần có những dòng thuế mới. Các dòng thuế mới sẽ được đưa ra để áp dụng mức giảm thuế cho "hàng hóa môi trường" ("ex-outs") và không giảm cho sản phẩm không đủ "phi môi trường" theo dòng thuế hiện hành. Tuy nhiên điều này có thể là một kỹ thuật khó đòi hỏi kỹ năng chuyên ngành.
- Việt Nam có thể xem xét áp dụng những cơ hội tiếp cận thị trường thông thoáng hơn những cam kết của Việt Nam trong WTO hay ASEAN cho các dịch vụ và các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài. Việt Nam cũng có thể muốn mở rộng các lợi ích của các cam kết cho các ngành dịch vụ môi trường khác. Biện pháp như vậy sẽ đảm bảo tốt hơn sự sẵn có của các dịch vụ liên quan và thúc đẩy thị trường năng động và cạnh tranh trong các lĩnh vực này.

Các ưu đãi và trợ cấp

- Việt Nam được khuyến nghị rõ ràng về việc cung cấp các ưu đãi tài chính đúng đối tượng theo những mục tiêu được xác định rõ ràng. Trường hợp Trung Quốc là minh họa về mặt này. Ví dụ, một trong các công ty được khảo sát trong nghiên cứu đầu tiên cho rằng khoản trợ cấp cần được cung cấp cho người sử dụng và người tiêu thụ các dịch vụ phân bón ruộng.
- Khu vực tư nhân và khu vực công cần hợp tác trong một "quá trình tìm hiểu" những thất bại thị trường để đảm bảo một sự trợ cấp.
- Khi lập trình một kế hoạch khuyến khích, rất đáng lưu ý xem xét kỹ những khuyến nghị trong kết luận của Mục III.1 nói trên liên quan đến tính minh bạch, rõ ràng, chia sẻ

rủi ro với khu vực tư nhân, hành chính công đầy đủ, trung lập và đánh giá khách quan trợ cấp.

- Để tránh tính đối kháng của một trợ cấp và nhằm mục đích hiệu quả, nên ưu ái cung cấp các khoản trợ cấp tập trung vào các hoạt động hơn là vào các ngành.
- Điều quan trọng là phải thiết lập một cơ chế cho việc đánh giá có hệ thống về tác động của ưu đãi đối với cạnh tranh trên thị trường và xác định những doanh nghiệp nào có thể chịu ảnh hưởng tiêu cực bởi trợ cấp và những đối tượng nào có nhiều khả năng sẽ khiếu kiện.
- Trợ cấp xuất khẩu hoặc trợ cấp dựa trên việc sử dụng các đầu vào trong nước đối nghịch với hàng hóa nhập khẩu đều bị cấm. Một trợ cấp do đó không được liên quan đến LCRs hoặc Giá bán điện (FIT), nếu trên thực tế FIT vận hành như một cơ chế yêu cầu hàm lượng nội địa (điều này có thể xảy ra trong các lĩnh vực năng lượng gió và mặt trời).
- Chỉ nên cấp trợ cấp nếu chúng là cần thiết để tạo ra hiệu quả khuyến khích và chỉ cấp cho đến khi tồn tại những rào cản biện minh cho chúng. Như một quy luật chung, các khoản trợ cấp chỉ nên là tạm thời và phải được xem xét lại khi hết hạn (điều khoản sunset clause). Những chi phí và biến dạng của các khoản trợ cấp cần được giữ ở mức tối thiểu.
- Nếu chưa có đầu tư tư nhân, Chính phủ có thể xem xét tự mình đầu tư, trực tiếp hoặc thông qua các khoản đầu tư liên doanh với các nhà khai thác tư nhân trong các dự án năng lượng sạch. Một lần nữa, việc Nhà nước Trung Quốc góp vốn cực lớn vào các dự án là một minh họa thú vị.

Mua sắm công

- Việt Nam nên xem xét tăng cường mua sắm công xanh như là một phương pháp đã được chứng minh để thúc đẩy việc sử dụng và đầu tư vào HHDVMT. Hơn nữa, hệ thống pháp luật quốc tế không ngăn cản Việt Nam làm như vậy.
- Việt Nam cần đảm bảo rằng luật mua sắm công của mình cho phép sử dụng tiêu chí "giá trị tốt nhất đối với đồng tiền chi ra", đối ngược với tiêu chí "giá thấp nhất". Nguyên tắc này cho phép tích hợp các lợi ích đối với môi trường vào giá trị của hợp đồng.

- Các đơn vị mua sắm ở Việt Nam cần xác định những yêu cầu đấu thầu liên quan đến HHDVMT với độ chính xác cao.
- Điều quan trọng là cần chia sẻ thông tin giữa các đơn vị mua sắm trên khắp đất nước và lưu ý họ về các mục tiêu môi trường.
- Chính phủ Việt Nam cần truyền đạt chính sách và nhu cầu của mình về mua sắm xanh cho khu vực tư nhân và các chuyên gia về lĩnh vực này.
- Điều quan trọng là, trong việc lựa chọn nhà thầu, phải tìm được sự cân bằng giữa nhu cầu sử dụng công nghệ đã được chứng minh và các nhà thầu có kinh nghiệm và sự cần thiết để khuyến khích đổi mới.

Yêu cầu hàm lượng nội địa (LCRs)

- Về nguyên tắc, những yêu cầu về hàm lượng nội địa (LCRs) bị cấm theo luật WTO và khuyến nghị sẽ là không nên áp dụng chúng. Ngoài ra, LCRs không có hiệu quả tại các thị trường vẫn còn nhỏ và chưa được đầu tư nhiều. Trong tình huống như vậy, LCRs chỉ có thể dẫn đến sự gia tăng chi phí của sản phẩm cuối cùng (mà có thể là năng lượng sạch hoặc HHDVMT), làm suy yếu quyền tiếp cận những sản phẩm sáng tạo và chuyển giao công nghệ. Có thể cho rằng Việt Nam đang có nguy cơ ở trong tình hình như vậy.
- Nếu Việt Nam vẫn muốn xem xét áp dụng LCRs giống như của Trung Quốc trong lĩnh vực năng lượng gió, Việt Nam cần phải có sự tin tưởng chắc chắn rằng mình có một nguồn năng lượng gió trong nước đủ lớn và một thị trường trong nước sản xuất điện đủ lớn để được hưởng lợi từ kinh tế quy mô sản xuất các tua-bin gió. Trong trường hợp đó, các LCRs không nên quá cao ngay từ đầu và được giảm dần trong từng giai đoạn. Điều này cũng áp dụng cho năng lượng mặt trời. Một nghiên cứu chi tiết hơn sẽ được tiến hành trong cả hai trường hợp để đánh giá các tác động thực sự có thể có của LCRs, có xem xét đến thực tiễn của Việt Nam.

Các vấn đề khác

- Việt Nam nên thận trọng trước khi áp đặt thuế chống bán phá giá nhập khẩu hàng hóa môi trường, thậm chí nếu ngành sản xuất nội địa của mình khiếu nại về chúng. Tuy nhiên, tại thời điểm này, điều này dường như không phải là một vấn đề ở Việt Nam.

- Tuy nhiên, nếu Việt Nam nhận được đơn khiếu nại chống bán phá giá từ ngành sản xuất HHDVMT trong nước (chẳng hạn như các nhà sản xuất nhiên liệu sạch hoặc công cụ để sản xuất năng lượng sạch), Việt Nam phải đánh giá sự cân bằng giữa thúc đẩy việc sử dụng HHDVMT giá cả phải chăng và sự cần thiết thúc đẩy đầu tư vào việc sản xuất HHDVMT như vậy trong lãnh thổ của mình. Điều này phụ thuộc vào nhiều yếu tố, chẳng hạn như sự sẵn có và chất lượng của các sản phẩm nội địa ở Việt Nam, năng lực sản xuất trong nước và công suất sử dụng của các sản phẩm có liên quan.
- Việt Nam nên xem xét và đánh giá tác động của tất cả các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật của mình có liên quan đến HHDVMT, để đảm bảo rằng những tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đó cung cấp những lợi ích rõ ràng của những tiêu chuẩn dễ nhận biết, trong khi tránh cho chúng làm hạn chế sáng tạo, khả năng tiếp cận công nghệ và khả năng cạnh tranh của các sản phẩm phải tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn đó.
- Việt Nam cần đảm bảo những sáng tạo trong lĩnh vực HHDVMT được bảo hộ sở hữu trí tuệ ở mức độ thích hợp, phù hợp với Hiệp định TRIPs của WTO. Việt Nam cũng có thể xem xét để xây dựng một “quy trình nhanh” cấp bằng sáng chế cho công nghệ năng lượng sạch.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu sơ cấp

Trung Quốc

Luật Bắt buộc của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa; được thông qua bởi Ủy ban Thường vụ Đại hội Đại biểu Nhân dân toàn quốc lần thứ IX tại kỳ họp lần thứ 11 vào ngày 30 tháng 8 năm 1999, CLI.1.23176 (EN); Lĩnh vực Luật: Công nghiệp Xây dựng; Năm 1999; có sẵn tại: <http://www.lawinfochina.com/display.aspx?lib=law&id=1014>

Luật Mua sắm Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa; Được thông qua tại Kỳ họp lần thứ 28 của Ủy ban Thường vụ Đại hội Đại biểu Nhân dân toàn quốc lần thứ IX vào ngày 29 tháng 6 năm 2002; có sẵn tại: http://www.gov.cn/english/laws/2005-10/08/content_75023.htm

Luật của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa về Thúc đẩy Khuyến khích Sản xuất sạch; được thông qua bởi Ủy ban Thường vụ Đại hội Đại biểu Nhân dân toàn quốc (NPC) nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa trong phiên họp lần thứ 28 vào ngày 29 tháng 6 năm 2002; có sẵn tại:

http://english.mep.gov.cn/Policies_Regulations/laws/envir_elatedlaws/200710/t20071009_109966.htm

Luật Bảo tồn Năng lượng của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, được sửa đổi và thông qua tại kỳ họp thứ 30 của Ủy ban Thường vụ Đại hội Đại biểu Nhân dân toàn quốc lần thứ X của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Ngày 28 tháng 10 năm 2007; có sẵn tại:

<http://www.lawinfochina.com/display.aspx?lib=law&id=6467>

Thông tư; Luật Kinh tế của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa; Ủy ban Thường vụ Đại hội Đại biểu Nhân dân toàn quốc lần thứ 11 (NPC) của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa; 29 tháng 8 năm 2008; có sẵn tại:

<http://www.chinaenvironmentallaw.com/wp-content/uploads/2008/09/circular-economy-law-cn-en-final.pdf>

Hoa Kỳ

Đạo luật Phục hồi và Tái đầu tư Hoa Kỳ 2009 (Đạo luật Phục hồi), 1603 Mục Chương trình Ngân khố.

Sắc Lệnh 13.514 Hoa Kỳ - Lãnh đạo Liên bang trong Hiệu suất Kinh tế, Năng lượng, và Môi trường; ngày 08 tháng 10 năm 2009; Tài liệu Tổng thống Liên bang Tập 74, số 194.

Liên minh châu Âu

Chỉ thị 2004/18 / EC của Nghị viện châu Âu và của Hội đồng ngày 31 tháng 3 năm 2004 về việc phối hợp các thủ tục đối với việc trao hợp đồng xây dựng công, hợp đồng cung cấp trang thiết bị và hợp đồng dịch vụ công.

Chỉ thị 2004/17 / EC của Nghị viện châu Âu và của Hội đồng ngày 31 tháng 3 năm 2004 phối hợp các thủ tục mua sắm các đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực cấp nước, năng lượng, giao thông vận tải và các dịch vụ bưu chính.

Quốc tế

Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại, Tổ chức Thương mại Thế giới, 1994.

Luật Dẫn cứu

Tòa án Tư pháp châu Âu; *Vụ kiện C-448/01, EVN AG và Wienstrom GnbH v. Austria ("EVN") ECR I-14.527, 2003.*

WTO; Báo cáo của Ban; Hoa Kỳ - *Trợ cấp về Bông Vùng Cao, WT / DS267 / R, ngày 21 tháng 3 năm 2005.*

WTO; Báo cáo của Cơ quan Phúc thẩm, Hoa Kỳ - *Vụ kiện Tổng công ty bán hàng nước ngoài, WT / DS108 / R, ngày 17 tháng 3 năm 2006.*

WTO; Báo cáo của Cơ quan Phúc thẩm, Canada - *Các biện pháp liên quan đến Giá bán điện FIT, WT / DS426 / R, ngày 06 tháng 5 2013.*

Nguồn thứ cấp

F. Veloso; "*Yêu cầu hàm lượng nội địa và phát triển công nghiệp: Phân tích kinh tế và mô hình hóa chi phí của các chuỗi cung ứng ô tô*", 2001.

J. Lewis và R. Wiser; "*Thúc đẩy ngành công nghệ năng lượng tái tạo*" năm 2005.

L. Carlsson và F. Waara; "*Mối quan tâm về môi trường trong Mua sắm chính phủ địa phương Thụy điển*"; 2006; Trong: K.V. Thaiand G. Piga (Ed.); "*Xúc tiến Mua Sắm Công*", PrAcademics Báo chí; Boca Raton; Hoa Kỳ; có sẵn tại: http://www.ippa.ws/IPPC2/BOOK/Chapter_11.pdf

L. Nyíri, D. Osimo, R. Özcivelek, C. Centeno và M. Cabrera; Ủy ban châu Âu; "*Mua sắm công đối với khuyến khích R & D và đổi mới trong công nghệ sạch quốc tế*"; 2007; có sẵn tại:

<http://ftp.jrc.es/EURdoc/eur22671en.pdf>

Bộ Thương mại Anh đối với Cải cách Quy định & Doanh nghiệp Kinh doanh; "*Cạnh tranh đối với Lưu giữ Carbon Dioxide và trình diễn kho lưu*" Bản ghi nhớ Thông tin dự án; Trang 8; năm 2007; có sẵn tại:

<http://www.energysavingtrust.org.uk/Transport>.

C. Fuguo; "*Chính sách mua sắm chính phủ của Trung Quốc và Khung thể chế: Lịch sử, cấu trúc và hoạt động*" trong Khí V. Thai (ed.); "*Sổ tay quốc tế của mua sắm công*", CRC Press, Florida, năm 2009, trang 325-349.

M. Ju, L. Zhang, L. Zhan, H. Ren và Z. Yang; "*Mua sắm công Xanh ở Trung Quốc: Khóa học Phát triển, quản lý chương trình và phương pháp kỹ thuật, mua sắm công bền vững trong quản lý đô thị ở Trung Quốc: Một hoạt động trong văn kiện Chương trình SWITCH-châu Á của viện trợ châu Âu*"; Số 02-EN / CH; Năm 2009; có sẵn tại:

www.public-procurement.cn/English%20Document/Reports%201/Public%20Green%20Procurement%20in%20China.pdf.

C.A. O'Regan; Tạp chí Luật Khoa học và Công nghệ Hastings, "*Sở hữu trí tuệ là một trở ngại?*" 2009.

S. Arrowsmith và những người khác; "*Luật Mua sắm công EU: Giới thiệu*", Mạng lưới Liên thông Đại học Á - Âu cho giảng dạy và nghiên cứu trong Quy chế Mua sắm công; Năm 2010; có sẵn tại: <http://www.nottingham.ac.uk/pprg/documentsarchive/asialinkmaterials/eupublicprocurementlawintroduction.pdf>;

L. Junfeng, S. Pengfei và G. Hu; Trung Quốc Hiệp hội Công nghiệp tái tạo năng lượng; Hội đồng Năng lượng gió toàn cầu; Hòa Bình Xanh; "*Viễn cảnh Năng lượng Gió Trung Quốc*"; năm 2010.

A.Ghosh; ICTSD; "*Điều phối trợ cấp năng lượng sạch: Tại sao cần có sự rõ ràng về pháp lý và chính sách*"; Tháng 11 năm 2011; có sẵn tại: <http://ictsd.org/i/news/bioresreview/117779/>

L. Goldie-Scot; "*Nam Phi quyết định cho đấu thầu bắt buộc năng lượng Gió và Quang điện*"; Ghi chú Nghiên cứu Năng lượng sạch, Bloomberg New Energy Finance (BNEF); 2011.

Ủy ban châu Âu; "*Mua xanh! Sách hướng dẫn về mua sắm công xanh*"; xuất bản lần thứ 2; năm 2011; có sẵn tại: <http://ec.europa.eu/environment/gpp/pdf/handbook.pdf>.

J. Park, S. Zhao; "*Chuyển Ưu tiên: Những ngành được khuyến khích đối với đầu tư nước ngoài và Kế hoạch 5 năm lần thứ 12*"; Tóm lược Á châu, Tập XII; Số V; năm 2011.

J. Shi, S. Zhao, C. Micheal, N. Dapprich, D. Shira và Associates; "*Tổng quan về thị trường năng lượng tái tạo của Trung Quốc*"; Tóm lược Á châu, Tập XII; Số V; năm 2011.

Bộ Thương mại; Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa; Sách Hướng dẫn cho ngành nghề đầu tư nước ngoài – đã sửa đổi; 2011; có sẵn tại: <http://english.mofcom.gov.cn/article/policyrelease/aaa/201203/20120308027837.shtml>

E. Ku, D. Shira và Associates; "*Ưu đãi thuế được chọn trong lĩnh vực môi trường*", Tóm lược Á châu, Tập XII; Số V; năm 2011.

C. Fuguo, Y. Yuying và Z. Fen; "Chương trình mua sắm công Xanh của Trung Quốc: Các vấn đề và thách thức trong thực hiện"; 2011; có sẵn tại: <http://www.ippa.org/IPPC4/Proceedings/07GreenProcurement/Paper7-6.pdf>.

Y. Qiao và C. Wang; "Những vấn đề và thách thức trong thực hiện Chương trình mua sắm công Xanh của Trung Quốc"; Tạp chí Bảo vệ Môi trường, trang 1034-1045, 2011.

C. E. Kreycik, T. D. Couture và K. S. Cory; "Phương án mua sắm đối với Cung cấp điện tái tạo mới"; NREL; Tháng 12 năm 2011, có sẵn tại: <http://www.nrel.gov/docs/fy12osti/52983.pdf>.

Revista Eolica y del Vehiculo Electrico; "Xử lý dấu hiệu Vestas để đáp ứng yêu cầu nội địa hóa của Ontario đối với trang trại gió"; Ngày 9 tháng 1 năm 2012; có sẵn tại: <http://www.evwind.es/2012/01/09/vestas-signs-deal-to-meet-ontarios-local-content-requirements-for-wind-farm/15711>

Sen; Thời báo Kinh tế, "Án Độ bảo vệ chính sách mua của địa phương trong phi vụ năng lượng mặt trời khi Mỹ, EU phản đối", Ngày 03 tháng 02 năm 2012; có sẵn tại: http://articles.economictimes.indiatimes.com/2012-02-03/news/31021273_1_solar-mission-trade-related-investment-measures-solar-energy

Liên minh Kearny; "Công nghiệp năng lượng mặt trời của Trung Quốc và các trường hợp chống bán phá giá / chống trợ cấp thương mại của Hoa Kỳ"; Tháng 5 năm 2012; có sẵn tại: http://www.chinaglobaltrade.com/sites/default/files/china-global-trade-solar-manufacturing_may2012_0.pdf.

D. LEISTIKOW, "Beyond Solyndra: Các khoản cho vay của Bộ Năng lượng đang thúc đẩy Hoa Kỳ chuyển nhanh đến tương lai năng lượng sạch như thế nào"; Bộ Năng lượng Hoa Kỳ; Tháng 6 năm 2012; có sẵn tại: <http://energy.gov/articles/beyond-solyndra-how-energy-department-s-loans-are-accelerating-america-s-transition-clean>

J. Ciardullo; "*Những phát triển gần đây trong Luật SHTT: Những điều công ty công nghệ xanh cần biết*"; Trung tâm Columbia về biến đổi khí hậu; Luật; Năm 2012, có sẵn tại:

<http://blogs.law.columbia.edu/climatechange/2012/03/14/recent-developments-in-ip-law-whatevery-green-tech-company-should-know/>

Ngân hàng Thế giới; "*Kinh doanh trong một thế giới minh bạch hơn*"; Năm 2012.

L. Rubini; "*Không còn lãng phí thời gian: Trợ cấp cho năng lượng tái tạo, Hiệp định SCM, Không gian chính sách, và cải cách luật*"; Tạp chí Luật Kinh tế quốc tế, 15 (2), trang 525-579, 2012.

J. Cart; "*Kế hoạch liên bang được thiết kế để xây dựng Các nhà máy năng lượng mặt trời lớn*"; L.A. TIMES; Tháng 10 năm 2012.

A. Herve và D. Luff; "*Chỉ dẫn Thương mại về Thực hành Mua sắm hàng hóa và dịch vụ năng lượng bền vững*"; ICTSD; Tháng 11 năm 2012.

Quỹ Môi trường toàn cầu; "*Một chiến lược đầu tư vào công nghiệp môi trường tại thị trường mới nổi*"; 2013; có sẵn tại:

http://globalenvironmentfund.com/wpcontent/uploads/2013/02/Emerging_Market_Environmental_Industries.pdf

ICTSD; "*Yêu cầu hàm lượng nội địa và Công nghiệp Năng lượng tái tạo - Một kết hợp tốt?*"; Jan-Christophe Kuntze và Tom Moerenhout, tháng 5 năm 2013.

UNCTAD, trường hợp đặc biệt- Hội nghị Nhóm chuyên gia về yêu cầu Nội địa hóa và các biện pháp hỗ trợ trong lĩnh vực Xanh; "*Hiệu quả kinh tế và môi trường và Chỉ dẫn thương mại*", yêu cầu nội địa hóa và Kinh tế xanh, ngày 13-14 tháng 6 năm 2013.

OECD Hướng dẫn Chính sách đối với đầu tư cơ sở hạ tầng năng lượng sạch, "*Mở rộng tiếp cận năng lượng sạch đối với xây dựng tăng trưởng xanh*", một báo cáo của OECD cho G20, với sự đóng góp của Ngân hàng Thế giới và UNDP, tháng 10 năm 2013.

ICTSD, Diễn đàn kinh tế thế giới, Friedrich Ebert Stiftung, Chatham House; *"Tăng cường hệ thống Thương mại đa phương"*, năng lượng sạch và Nhóm Hệ thống Thương mại, đề xuất và Phân tích; Tháng 12 năm 2013.

S. Rai, T. Payasova; *"Bán Mặt trời an toàn và hiệu quả: tiêu chuẩn năng lượng mặt trời và quang điện (PV), Chứng nhận kiểm tra và chỉ dẫn cho chính sách thương mại"*, ICTSD, 2013.

Ủy ban châu Âu; *"Bảo vệ môi trường và tăng trưởng kinh tế: Đánh đổi hoặc Điều chỉnh cơ cấu thúc đẩy tăng trưởng"*; có sẵn tại:
http://ec.europa.eu/economy_finance/publications/publication7726_en.pdf

UCLA Tạp chí Luật Môi trường và chính sách; Số 32 (2); 2014.

SEIA; Các vấn đề và chính sách; "tín dụng thuế đầu tư năng lượng mặt trời (ITC)";
<http://www.seia.org/policy/finance-tax/solar-investment-tax-credit>

Bộ Năng lượng Hoa Kỳ; Về Sáng kiến SunShot; có sẵn tại:
<http://www1.eere.energy.gov/solar/sunshot/about.html>

Bộ Năng lượng Hoa Kỳ; Cơ quan Tiết kiệm năng lượng và năng lượng tái tạo; "Mở rộng qui mô quang điện hóa mới phát triển trong nước"; có sẵn tại:

<http://energy.gov/eere/sunshot/scaling-nascent-photovoltaics-home>